

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Nguyễn Thị Thụy Vũ (II)**

**Tiểu sử & Tác phẩm**  
(Xem *Vài hàng về tác giả*)



## **Mục Lục**

- Giới thiệu truyện “Lòng Trần” của Nguyễn Thị Thụy Vũ – Trần Vũ - 2  
    **Lòng trần – 6**  
    Nguyễn Thị Thụy Vũ với “Lòng Trần” – Hồ Trường An - 13  
    **Đàn kiến lửa – 18**  
    Câu chuyện về một “Muống Nước Mắt” - Jennifer Trần - 26

### **Phụ đính I:**

**Một buổi chiều – Bà Điếc**  
**Những dòng mực cuối năm**

### **Phụ đính II:**

- Người con gái 27 năm với đời sống thực vật – Văn Quang - 49  
    Thụy Vũ chần dè – Đỗ Tăng Bí – 53  
    Đôi nét về nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ – Đoàn Dự - 60

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Giới thiệu truyện “Lòng Trần” của Nguyễn Thị Thụy Vũ Trần Vũ

“Đột nhiên ni cô Diệu Tâm cảm thấy miệng mình lạt quá, lạt kinh khủng... - Mô Phật! Cho tôi muổng nước mắm, tôi uống vào sẽ hết bịnh liền.” Khác với phong cách sôi nổi thú hoang trong Lao vào lửa, Mèo đêm của cùng một tác giả, Lòng Trần được viết thật gọn và tươm khí hậu cô quạnh đẫm nhân sinh: Một kiếp người quy vào một muổng đời. Kiếp người đi tu mấy mươi năm đẹp bỏ lòng trần và những bất hạnh, đến cuối cuộc đời vẫn không thể thoát được ám ảnh vị mặn của bụi trần. Bốn mươi năm sau, mạch văn không thừa chữ của Nguyễn Thị Thụy Vũ hãy còn toát lên vẻ đẹp phong vị Nam và của một bố cục truyện thật chắc chắn.

Lòng Trần trích từ tập *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta*, nxb Sóng, Sài Gòn, 1974.

*-Nhận định của Hồ Trường An:*

“Nếu bình tâm mà xét, trong mười tác phẩm gồm truyện ngắn lẫn truyện dài thì chỉ có “Cho Trần Gió Kinh Thiên” (truyện dài) cùng ba truyện ngắn “Trời Sông”, “Đêm Tối Bao La” và “Lòng Trần” là đáng nói hơn cả vì những tác phẩm này đập mạnh vào cõi ấn tượng độc giả bằng những nhát búa khốc liệt. Những truyện ngắn truyện dài khác kể cả quyển “Khung Rêu” đã từng đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc năm 1970 cũng chỉ xây được cái nền móng và các rường cột cho ngôi nhà văn chương của Nguyễn Thị Thụy Vũ mà thôi. Chính truyện dài và 3 truyện ngắn mà tôi vừa kể mới thấp hào quang cho văn nghiệp kia, mới làm rạng ngời thần trí sáng tạo của tác giả...”

### Đọc truyện “Lòng Trần”

Con đê dài rộng, hai bên trồng dừa Tân Quan cao hơn đầu người thẳng hàng, đều khoảng. Những quày dừa màu hỏa hoàng oằn trái. Bóng dừa chìm dưới đáy nước của hai đầm sen - bên trái đầm sen trắng, còn bên phải đầm sen hồng. Từ con đê đi vào khoảng ba trăm thước, một ngôi chùa nằm im lìm giữa hai hàng dương.

Chùa này vì ít thiện nam tín nữ lui tới nên càng thêm vẻ đìu hiu, lạnh ngắt. Từ đường cái nhìn vào, ít khi người ta nhìn thấy bóng dáng những nhà tu. Chỉ nhìn thấy chiếc tháp cao trơ vơ với rêu bám nham nhở và vài viên gạch mục rớt ra lở lói. Mái chùa thấp ẩm ướt và bóng tối đặc quánh. Tiếng kêu vo ve của đám muỗi đói lẫn tiếng chí chóc của đàn chuột dưới những bàn thờ và tiếng vỗ cánh của đàn dơi hoang. Cao hứng chúng bài tiết bữa bãi không vị nể các ông Phật đang ngồi trang nghiêm nhìn ánh đèn chong leo lét. Bình hoa huệ sắp tàn, chỉ còn vài búp gắng gượng trên chót nhánh. Những cánh trắng héo hắt rớt tả tơi trên bàn thờ không mấy ai buồn dọn quét chăm sóc.

Lâu lắm, người ta mới thấy bóng một sư nữ gầy gò xanh xao ngoài năm mươi tuổi ngồi bên hông chùa, uể oải cầm chiếc dao cùn chặt những cành dương khô rớt trên nền đất và bó thành từng bó nhỏ. Ni cô ngồi dưới bóng nắng loang lổ đỏ, khoác chiếc áo cà sa màu cà. Hình như bà cố tìm vài mảnh nắng rớt nhiều nhất trên nền đất để hóng nắng. Giữa màu lá xanh bao quanh da mặt, bà càng thêm nhợt nhạt. Đôi mắt trũng sâu nhiều, trông trắng nhìn băng quơ khi cánh tay gầy guộc khô khan của bà đưa chiếc dao chành lên xuống vài lượt, và giọng ho húng hắng được đè nén làm bà run rẩy.

Bà đã đến tu ngôi chùa này hồi hai gò má còn hồng và nụ cười tươi sáng ẩn một chút ngỗ

ngáo. Nay hàm răng trắng xa xưa đã rụng mất vài ba cái và đóng bợn vàng ối.

Ông yết ma vốn người bán nam bán nữ, cao to mập trắng hều và có đôi mắt lém lỉnh. Hình như ông yết ma này gọi ni cô bằng dì họ. Ông này cùng theo bà đến chùa hồi mười tuổi và bây giờ ông đã quá ba mươi. Ông có tật lẳng tai, mỗi khi ni cô nói với ông điều gì, bà phải lấy tàn hơi gào thét. Ông cứ vênh tai ra, nét mặt ngờ ngác như người đi lạc vào một thế giới xa lạ thiếu âm thanh. Ni cô mỗi lần muốn đàm đạo với ông cháu quý phải nặng hơi mỗi cổ nên bà lười biếng ít muốn nói chuyện với ông ta lâu. Ngoài hai người, còn có một chú tiểu đầu để chỏm với theo tóc dài vắt qua vành tai. Chú tiểu này vừa giúp đỡ ni cô như một tiểu đồng, vừa làm thông ngôn khi ni cô muốn nói chuyện dài với ông yết ma. Chú tiểu có vẻ nhẫn nhục và cam chịu. Chú sống thui thủi giữa hai người lớn, mỗi người có một thế giới bưng bít. Họ chỉ họp nhau vào những buổi tụng niệm, còn ngoài những giờ lo cho Đấng Từ Bi, họ mỗi người mỗi việc tưởng chừng như sự hiện diện của nhau thật là mờ nhạt thừa thãi. Chú tiểu lo phần cơm nước. Những bữa cơm dọn với rau muối mè, tương hột đơn sơ, chú tiểu có thể quán xuyên chu tất. Mỗi buổi sáng, chú ra sau chùa bứt những đọt mùng tơi, hái những bông mướp vàng ối còn thơm mật, nhỏ vài nắm rau đắng mọc dọc mé đê đem vào luộc. Ông yết ma ngoài mấy buổi tụng kinh, gõ mõ, còn có bổn phận vun quét vườn rau, cưng dưỡng mấy dây bầu và giàn mướp sai trái. Cái quá khứ không tì vết của ông yết ma - ông sống xa người trần tục không tiếp nhận cuộc sống đầy rẫy bon chen - khiến ông chỉ hiểu cuộc đời mờ mờ ngoài mái chùa. Cơm rau mỗi ngày hai bữa, ông làm việc hùng hục ngoài vườn rau và ngủ li bì vào những giờ rảnh rỗi. Những giấc ngủ êm đềm khoan khoái nuôi dưỡng thân xác ông mỗi ngày một to béo đầy đà. Về mặt ông cười cợt dễ dãi và phảng phiu như tâm hồn ông. Đi tu từ lúc còn bé, ông sống kham khổ cũng đã quen. Ông cảm thấy yên phận để dọn mình mai sau về với Phật Tổ, dẫu làm con chuột uống dầu tại chùa Tây Phương cũng cam. Đầu óc ông tiêm nhiễm giáo lý một cách mờ mờ, cuộc sống trong kinh kệ chưa in rõ vào đầu óc ông. Ông còn mơ ước gì hơn; vả lại, ông không có thì giờ để nghĩ ngợi suy ngẫm gì ngoài những thủ tục đọc kinh, trồng rau. Công việc nhà chùa chiếm hết ngày tháng. Ông dạy chú tiểu học kinh và cách tụng kinh. Chú ấy cũng là người để cho ông ta tâm sự về sự tiến triển của mấy dây bầu, của nụ hoa mướp có mòi thành quả. Chỉ có vậy thôi, thế mà ông ta sống lây lất hơn hai mươi năm qua đến không ngờ. Ngày đó, ông theo ni cô Diệu Tâm đến ngôi chùa này giữ vai trò một tiểu đồng, lúc đó còn sự cụ và ni cô thì mới ngoài ba mươi tuổi, dung nhan còn mặn mòi sắc lêm. Đến khi sự cụ qua đời và được mai táng trong cái tháp trước sân chùa, ni cô Diệu Tâm mới lo quán xuyên ngôi chùa này.

Những ngày rằm hoặc những ngày lễ Phật, chỉ vài ba thiện nam tín nữ đến dâng hương vội vã. Hình như họ nghĩ rằng chùa nào đông đúc tấp nập, Phật Trời mới có mặt thường xuyên. Chớ chỗ buồn bã như vậy, chắc Phật Trời cũng lười lui tới. Ông yết ma cảm thấy phờ phợt trong cuộc sống trống vắng quạnh hiu. Những lúc đám khách thập phương này chiếu cố chùa, ông có cảm tưởng như họ đến quấy rầy sự yên tĩnh của ông. Nhưng ông phải giữ đúng quy luật nhà chùa là cửa thiền lúc nào cũng mở rộng. Ông biết lảng máng về quá khứ của ni cô ngày xưa lúc bà mới hai mươi tuổi, bà là vợ kế của nhà phú hộ trong làng Đạo Ngạn thuộc tỉnh Mỹ Tho. Ruộng vườn của bà còn bay thẳng cánh. Thủa đó, tất cả phụ nữ miền Nam chưa hề trang điểm, thế mà bà đã biết dùng phấn nọ do các công chúa của triều đình Huế sai tì nữ đem bán. Trước khi đánh phấn, bà dùng chỉ đánh cho sạch rồi lăn lên da, nhỏ sạch những sợi lông măng để cho da mặt tiếp nhận phấn dễ dàng. Đoạn bà dùng phấn nọ bôi lên mặt, lấy giấy hồng đơn thấm nước đắp lên mặt má. Bà nhai trầu cho đôi môi nhuộm đỏ.

Thật ra bà vốn là đào hát bộ, tên Năm Thành. Ông phú hộ có tính phong lưu tao nhã. Đời ông chỉ có việc lấy hát xướng làm tiêu khiển. Bất kỳ gánh hát nào có bà, ông cũng ngồi ghe bầu theo coi cho bằng được. Ngồi ghé thượng hạng để cầm chầu, ông say sưa chiêm ngưỡng tấm nhan sắc chim sa cá lặn của bà trong vai Phàn Lê Huệ, Hồ Nguyệt Cô, hoặc Lưu Kim Đính. Người bạn theo hầu kiêu luôn anh đầu bếp giỏi, và tối đến, được theo chủ xem hát. Người phu

trạo đã bắt đầu ghiền cuộc sống rày đây mai đó. Cũng bao nhiêu tuồng hát đó mà nhà phú hộ nọ vẫn coi hoài không chán mắt. Đối với ông, cô Năm Thằng từ cánh gà tuôn ra làm đổi mới cả sân khấu.

Hai năm xuôi ngược mỗi mê, ông cố gắng điều đình với ông bầu gánh chuộc cô Năm Thằng bằng mười mẫu đất, đem về làm vợ kế. Muốn thoát khỏi cảnh đời rày đây mai đó, cô Năm Thằng bằng lòng với ngôi vợ thứ hai do sự đồng ý cưới hỏi rõ ràng của bà phú hộ. Cuộc sống huyên náo bỗng dừng lại làm cô Năm ngỡ ngàng xa lạ. Sự giàu sang và chiều đãi, nâng như nâng trứng hứng như hứng hoa của chồng không bao lâu làm cô thêm nhớ lại cuộc đời sống cũ. Cô nhớ sân khấu, nhớ đời sống lang thang trên những chiếc nghe chài xê dịch từ làng này sang tỉnh khác. Cuộc sống tập thể tuy quấy nhiễu cô thường xuyên, nhưng đem lại cho tâm hồn cô những đổi mới. Cô say những vai trò nữ tướng, công chúa, bà hoàng... để bồi xỏa tạm bợ trong vài tiếng đồng hồ đời sống nghèo đói cơ cực của mình. Một cô đào hát tên tuổi chưa được mấy mà đã làm bà phú hộ, có kẻ hầu người hạ. Thế mà cảnh giàu có vẫn không quyến rũ được cô lâu, không đủ quyền lực làm cô quên hẳn quá khứ.

Ni cô bừng mắt nghe tiếng nói lào xào vắng vắng đầu đây. Ni cô như ong đôi mắt còn chút ít thần sắc nhìn quanh trai phòng. Chú tiểu túc trực bên giường mừng rỡ hỏi dồn:

- Dạ thưa ni cô cảm thấy đỡ chưa?

Bà lặng lẽ gật đầu và muốn ngồi dậy. Chú tiểu hiểu ý đến đỡ bà lên tựa lưng vào thành giường. Bỗng cửa trai phòng vụt mở. Diệu Tâm nhếch mép cười tiếp nhận sự có mặt của đứa cháu dâu và cô em họ đến đúng lúc bà thấy cơn bệnh này không hy vọng lành.

Đứa cháu dâu gọi bà bằng cô chuyên nghề sống với nghề cờ gian bạc lận và nghề cho vay đoạt nợ. Nghề nghiệp nàng đến mức tuyệt xảo. Riêng cô em họ cùng đi theo cô cháu dâu đến thăm bà là một tay từng nhỏ râu ông huyện này, cạo đầu ông phủ kia. Cô em họ có tám nhan sắc cũng ưa nhìn thôi, nhưng cô có biệt tài hể cập sách với ông nào thì nạn nhân tình ái của cô phải tán gia bại sản một cách nhanh chóng và êm thấm. Hai người đàn bà thân thích này thường lui tới cửa thiền hầu sám hối để chuộc tội. Họ thích thân thiện với bà có lẽ nghĩ rằng khi Diệu Tâm đắc đạo để về châu Đẳng Từ Bi sẽ với tay níu họ theo lên cõi Niết Bàn. Vì mặc cảm tội lỗi nên họ càng thích đi chùa dâng hương đem lễ lạt hồng hối lộ Trời Phật cho giải bớt những oan khiên mà ở trần gian họ đã làm, đang làm và tiếp tục làm nữa... Càng thấy họ đi chùa là phải hiểu rằng họ vừa làm được một cái áp phe. Khi có nhiều tiền, họ lại vào chùa thành khẩn hối lỗi, nhưng khi bước ra khỏi chánh điện thì họ lại quên tuốt.

Ni cô mệt nhọc gắng gượng trả lời họ vài ba câu hỏi thăm sức khỏe. Rồi không còn ngồi được nữa, bà nằm rũ xuống. Cô em họ đề nghị ông Yết Ma nên tụng kinh cho Diệu Tâm để nếu như bà có phải về nơi cực lạc cũng sớm được nhẹ nhàng hồn phách.

Ni cô nghe trong người rã rời từng khớp xương. Bà cố mở mắt nhìn ánh đèn vàng vọt đặt trên chiếc bàn cạnh bàn nước. Cổ họng bà khô đắng và lạt lẽo. Ni cô hé mắt nhìn cô em họ đang ngồi bên cạnh và cô cháu dâu đang loay hoay rót nước từ trong vỏ bình vào tách định bưng lại. Ni cô khoát tay tỏ ý không cần uống nước. Bà đã ăn chay ròng rã hơn hai mươi năm quá đậm bạc nên thân thể bà thiếu cả chất đạm.

Bà làm việc quần quật, suốt ngày. Không biết bà tìm cách quên ẩn tình hay để tăng ngân quỹ nhà chùa. Người ta thấy ni cô Diệu Tâm không sống cho mình nữa, kể từ khi bà bước vào chùa này. Bà sống kham khổ, nhẫn nhục và chịu đựng. Tiền công quỹ nhà chùa được đem ra bố thí cho những người tàn tật nghèo khổ. Bà ăn uống bất thường và coi việc ẩm thực là điều phụ thuộc. Chỉ cần một chén tương và một nhúm rau chắm tương cũng rồi một bữa. Từ một tháng

nay, bà không ăn uống được như thường nhật, mỗi khi ăn xong, bà đều mửa thốc mửa tháo ra, đến cả thuốc men cũng không giữ được trong bao tử. Họ hàng hay được tin bà thọ trọng bệnh cho mời biết bao danh y đến cứu chữa. Phần linh hồn thì do ông Yết Ma và một số sư sãi các chùa lân cận đến tụng niệm siêu độ.

Thân xác bà mỗi mòn trong giấc hôn mê chập chờn, bà nghe tiếng tụng niệm ngoài chánh điện. Trong bóng tối mù mờ, loáng thoáng có tiếng muỗi vo ve, đột nhiên ni cô Diệu Tâm cảm thấy miệng mình lạt quá, lạt kinh khủng. Phải chỉ có một chút nước tương để bà nếm thử. Trí óc của bà dán chặt vào ý nghĩ lười bà khô đi, đồng thời nước dãi tuôn ra đầy miệng. Thế rồi ý nghĩ của bà trôi xa hơn, nước tàu vị yếu, rồi nước mắm. Cơ thể bà vụt bùng lên. Nước mắm! Nước mắm! Ni cô Diệu Tâm nuốt ực nước miếng. Một nỗi xót xa làm nước mắt bà ướt đầm. Có cái gì chống đối trong từng thớ thịt, khớp xương của bà.

Bà vụt nghĩ, nếu có một muống nước mắm chui vào bao tử bà thì có lẽ những chấn động, phản đối trong cái cơ thể mỗi mòn sinh lực của bà sẽ dịu xuống, và muống nước mắm sẽ đem lại cho bà sự khỏe khoắn để bà ngủ một giấc thật ngon và ngày mai bà sẽ tiếp tục sinh hoạt lại như cũ dưới mái chùa này.

- Nước mắm! Muống nước mắm!

Ni cô hoàn toàn quên mất cái đời sống hiện tại ở trong chùa, quên cả mấy mươi năm tu hành khổ hạnh. Bà rơi trong một ý thức mù mờ chỉ có hình bóng muống nước mắm bằng sứ trắng chứa một thứ nước vàng và trong suốt như nước trà. Kê miệng mà nếm thử thì biết. Ni cô Diệu Tâm co rúm lại, thở hổn hển. Ba tiếng muống nước mắm như ba nhát búa đập vào đầu óc bà làm bà lão đảo.

Ngoài hậu liêu, hình như trời đã chiều. Mùi thuốc bắc sắc trong siêu ngai ngái bay lên làm bà có cảm tưởng mình sắp nghệt thờ.

Bà phải uống một muống nước mắm. Ngày mai dầu có phải đọc kinh sám hối, bà cũng không màng. Bà tin chắc rằng dầu đọc kinh cứu khổ cứu nạn với Bạch Y Quan Thế Âm Bồ Tát cũng chưa chắc màu nhiệm bằng một muống nước mắm. Nước mắm sẽ là một món thuốc tiên làm cho cây khô trở bông. Cố gắng lầy hết tàn hơi, bà thều thào gọi chú tiểu kiếm cho bà một muống nước mắm. Tất cả những người có mặt bên giường đều ngạc nhiên lẫn hốt hoảng.

Diệu Tâm lặp đi lặp lại mấy lần:

- Mô Phật! Cho tôi muống nước mắm, tôi uống vào sẽ hết bệnh liền.

Tiếng kêu gọi như một lời van vãn, thê thảm. Hai tay Diệu Tâm chìa ra tuyệt vọng. Chú tiểu bưng đến gần tách trà ướp sen kề gần miệng. Ni cô khép chặt môi, lắc đầu phản đối:

- Tôi chỉ cần uống một chút nước mắm cho mặn môi.

Nói xong ni cô chìm hồn vào trong cơn đồng thiếp hai cánh tay còn xò ra quờ quạng van xin. Cô em họ bước ra trai phòng thì thầm :

- Rõ là ma đưa lối, quỷ dẫn đường. Hồi nào tới giờ chỉ ăn chay lạt, đến lúc sắp chết lại đòi uống nước mắm. Tôi nhất định chống lại lời ma quỷ xúi bẩy chỉ phạm trai giới. Thà để cho chỉ chết mà không mang tội với Trời Phật và không uống công tu khổ hạnh hai mươi mấy năm nay.

Nói đoạn bà xuống trú phòng ngồi nói chuyện áp phe với cô cháu dâu, hoặc những thành quả bà đã thu đoạt được kể từ ngày bà bước chân vào đời. Giọng bà oang oang uốn éo và những tràng cười nói xôn xao vọng lên trên chánh điện. Ông Yết Ma với đôi mắt nhắm lại và nét mặt phẳng phiu dễ dãi thường nhật nhuốm một chút lo âu. Không khí nặng nề trùm xuống, nghẹt thở. Tiếng hét từ trai phòng vang lên. Ông lẹ chân tông cửa vào vừa lúc chú tiểu định bước ra, vẻ mặt còn hốt hoảng. Tất cả đứng im lặng quanh giường chờ đợi phút nghiêm trọng của ni cô trong khi cô đang vật vã từng đợt với tử thần. Tiếng nói bà vụt sang sảng như lúc còn ở trên sân khấu. Giọng nói trong trẻo tỉnh táo, nhưng đôi mắt bà vẫn nhắm nghiền:

- Tôi mới biết thương mình mấy năm mình khổ công theo đuổi tôi, đặt tuồng hát cho tôi hát.

- Con ráng học cho đỗ đạt làm quan nghe con cưng của má.

- Tôi chỉ thích sắm vai Đoàn Hồng Ngọc hơn làm Phàn Lê Huê. Mình thích tôi diễn vai nào nhất?

- Bớ này Tiết Giao! Ô này bạc tình lang! Mặt chàng đẹp trai mà làm chi? Lờ chàng ngọt ngào mà làm chi? Cổ thiếp ngày nay mất ngọc, thân thiếp bơ vơ.

Cả một quá khứ trôi nhanh lên ký ức bà rõ rệt và nhanh như một đoạn phim quay hết tốc lực của nó. Bà độc thoại từ quãng đời sân khấu đến quãng đời làm vợ ông phú hộ Thọ. Giọng bà sang sảng vụt dừng lại và dưới ánh đèn hiu hắt, ni cô mở trừng trừng đôi mắt trắng nhợt như cố thu nhận hình ảnh sau cùng của đời sống và ni cô quờ quạng hai bàn tay trơ xương với lời van vỉ đứt nối:

- Hãy cứu tôi, cho tôi uống một muống nước mát thôi.

Cô cháu dâu nhìn bà em họ:

- Mợ ơi ! Mợ nhờ sư sãi đọc kinh trừ tà nghen. Cần nhứt là canh giữ đừng cho ai đem nước mát lại.

Bà em họ tức mình:

- Để tôi đi đọc kinh cứu khổ. Hồi xưa Phật Thích Ca gần đắc đạo thì ma vương tới phá. Còn cái chị này sắp về Tây Phương tới nơi mà cũng chưa yên thân.

(Lòng Trần trích từ tập  
"Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta,"  
nxb Sóng, Sài Gòn, 1974.)

## Lòng trần

(...trích *Muống nước mát*)

Con đề dài rộng, hai bên trồng dừa Tân Quan cao hơn đầu người thẳng hàng, đều khoảng. Những quày dừa màu hỏa hoàng oằn trái. Bóng dừa chìm dưới đáy nước của hai đầm sen - bên trái đầm sen trắng, còn bên phải đầm sen hồng. Từ con đề đi vào khoảng ba trăm thước, một ngôi chùa nằm im lìm giữa hai hàng dương.

Chùa này vì ít thiện nam tín nữ lui tới nên càng thêm vẻ đìu hiu, lạnh ngắt. Từ đường cái nhìn vào, ít khi người ta nhìn thấy bóng dáng những nhà tu. Chỉ nhìn thấy chiếc tháp cao trơ vơ với rêu bám nham nhở và vài viên gạch mục rớt ra lở lói. Mái chùa thấp ẩm ướt và bóng tối đặc quánh. tiếng kêu vo ve của đám muỗi đói lẫn tiếng chí chóc của đàn chuột dưới những bàn thờ và tiếng vỗ cánh của đàn dơi hoang. Cao hứng chúng bài tiết bừa bãi không vị nể các ông Phật đang ngồi trang nghiêm nhìn ánh đèn chong leo lét. Bình hoa huệ sắp tàn, chỉ còn vài búp gắng gượng trên chót nhánh. Những cánh trắng héo hắt rớt tả tơi trên bàn thờ không mấy ai buồn dọn quét chăm sóc.

Lâu lắm, người ta mới thấy bóng một sư nữ gầy gò xanh xao ngoài năm mươi tuổi ngồi bên hông chùa, uể oải cầm chiếc dao cùn chặt những cành dương khô rớt trên nền đá và bó thành từng bó nhỏ. Ni cô ngồi dưới bóng nắng loang lổ đỏ, khoác chiếc áo cà sa màu cà. Hình như bà cố tìm vài mảnh nắng rớt nhiều nhất trên nền đất để hóng nắng. Giữa màu lá xanh bao quanh da mặt, bà càng thêm nhợt nhạt. Đôi mắt trũng sâu nhiều, tròng trắng nhìn băng quơ khi cánh tay gầy guộc khô khan của bà đưa chiếc dao chành lên xuống vài lượt, và giọng ho húng háng được đè nén làm bà run rẩy.

Bà đã đến tu ngôi chùa này hồi hai gò má còn hồng và nụ cười tươi sáng ẩn một chút ngổ ngáo. Nay hàm răng trắng xa xưa đã rụng mất vài ba cái và đóng bợn vàng ối.

Ông yết ma vốn người bán nam bán nữ, cao to mập trắng hều và có đôi mắt lém lỉnh. Hình như ông yết ma này gọi ni cô bằng dì họ. Ông này cùng theo bà đến chùa hồi mười tuổi và bây giờ ông đã quá ba mươi. Ông có tật lẳng tai, mỗi khi ni cô nói với ông điều gì, bà phải lấy tàn hơi gào thét. Ông cứ vênh tai ra, nét mặt ngờ ngác như người đi lạc vào một thế giới xa lạ thiếu âm thanh. Ni cô mỗi lần muốn đàm đạo với ông cháu quý phải nặng hơi mỗi cổ nên bà lười biếng ít muốn nói chuyện với ông ta lâu. Ngoài hai người, còn có một chú tiểu đầu để chõm với theo tóc dài vắt qua vành tai. Chú tiểu này vừa giúp đỡ ni cô như một tiểu đồng, vừa làm thông ngôn khi ni cô muốn nói chuyện dài với ông yết ma. Chú tiểu có vẻ nhẩn nhục và cam chịu. Chú sống thui thủi giữa hai người lớn, mỗi người có một thế giới bưng bít. Họ chỉ hợp nhau vào những buổi tụng niệm, còn ngoài những giờ lo cho Đàng Từ Bi, họ mỗi người mỗi việc tưởng chừng như sự hiện diện của nhau thật là mờ nhạt thừa thãi. Chú tiểu lo phần cơm nước. Những bữa cơm dọn với rau muối mè, tương hột đơn sơ, chú tiểu có thể quán xuyên chu tất. Mỗi buổi sáng, chú ra sau chùa bứt những đọt mùng tơi, hái những bông mướp vàng ối còn thơm mật, nhổ vài nắm rau đắng mọc dọc mé đê đem vào luộc. Ông yết ma ngoài mấy buổi tụng kinh, gõ mõ, còn có bổn phận vun quét rườn rau, cưng dưỡng mấy dây bầu và giàn mướp sai trái. Cái quá khứ không tì vết của ông yết ma - ông sống xa người trần tục không tiếp nhận cuộc sống đầy rẫy bon chen - khiến ông chỉ hiểu cuộc đời mờ mờ ngoài mái chùa. Cơm rau mỗi ngày hai bữa, ông làm việc hùng hục ngoài vườn rau và ngủ li bì vào những giờ rảnh rỗi. Những giấc ngủ êm đềm khoan khoái nuôi dưỡng thân xác ông mỗi ngày một to béo đầy đà. Về mặt ông cười cợt dễ dãi và phẳng phiu như tâm hồn ông. Đi tu từ lúc còn bé, ông sống kham khổ cũng đã quen. Ông cảm thấy yên phận để dọn mình mai sau về với Phật Tổ, dẫu làm con chuột uống dầu tại chùa Tây Phương cũng cam. Đầu óc ông tiêm nhiễm giáo lý một cách mờ mờ, cuộc sống trong kinh kệ chưa in rõ vào đầu óc ông. Ông còn mơ ước gì hơn; vả lại, ông không có thì giờ để nghĩ ngợi suy ngẫm gì ngoài những thủ tục đọc kinh tụng rau. Công việc nhà chùa chiếm hết ngày tháng. Ông dạy chú tiểu học kinh và cách tụng kinh. Chú ấy cũng là người để cho ông ta tâm sự về sự tiến triển của mấy dây bầu, của nụ hoa mướp có mùi thành quả. Chỉ có vậy thôi, thế mà ông ta sống lây lất hơn hai mươi năm qua đến không ngờ. Ngày đó, ông theo ni cô Diệu Tâm đến ngôi chùa này giữ vai trò một tiểu đồng, lúc đó còn sư cụ và ni cô thì mới ngoài ba mươi tuổi, dung nhan còn mặm mồm sắc lẽm. Đến khi sư cụ qua đời và được mai táng trong cái tháp trước sân chùa, ni cô Diệu Tâm mới lo quán xuyên ngôi chùa này.

Những ngày rằm hoặc những ngày lễ Phật, chỉ vài ba thiện nam tín nữ đến dâng hương vội vã. Hình như họ nghĩ rằng chùa nào đông đúc tấp nập, Phật Trời mới có mặt thường xuyên. Chớ chỗ buồn bã như vậy, chắc Phật Trời cũng lười lui tới. Ông yết ma cảm thấy phờ phợt trong cuộc sống trống vắng quanh hiu. Những lúc đám khách thập phương này chiếu cố chùa, ông có cảm tưởng như họ đến quấy rầy sự yên tĩnh của ông. Nhưng ông phải giữ đúng quy luật nhà chùa là cửa thiền lúc nào cũng mở rộng. Ông biết lán mán về quá khứ của ni cô ngày xưa lúc bà mới hai mươi tuổi, bà là vợ kế của nhà phú hộ trong làng Đạo Ngạn thuộc tỉnh Mỹ Tho. Ruộng vườn của bà cò bay thẳng cánh. Thửa đó, tất cả phụ nữ miền Nam chưa hề trang điểm, thế mà bà đã biết dùng phấn nọ do các công chúa của triều đình Huế sai ti nữ đem bán. Trước khi đánh phấn, bà dùng chỉ đánh cho sạch rồi lăn lên da, nhỏ sạch những sợi lông măng để cho da mặt tiếp nhận phấn dễ dàng. Đoạn bà dùng phấn nọ bôi lên mặt, lấy giấy hồng đơn thấm nước đắp lên mặt má. Bà nhai trầu cho đôi môi nhuộm đỏ.

Thật ra bà vốn là đào hát bộ, tên Năm Thàng. Ông phú hộ có tính phong lưu tao nhã. Đòi ông chỉ có việc lấy hát xướng làm tiêu khiển. Bất kỳ gánh hát nào có bà, ông cũng ngồi ghe bầu theo coi cho bằng được. Ngồi ghé thưởng hạng để cầm chầu, ông say sưa chiêm ngưỡng tấm nhan sắc chim sa cá lặn của bà trong vai Phàn Lê Huệ, Hồ Nguyệt Cô, hoặc Lưu Kim Đính. Người bạn theo hầu kiêm luôn anh đầu bếp giỏi, và tối đến, được theo chủ xem hát. Người phu trạm đã bắt đầu ghiền cuộc sống rày đây mai đó. Cũng bao nhiêu tuồng hát đó mà nhà phú hộ nọ vẫn coi hoài không chán mắt. Đối với ông, cô Năm Thàng từ cánh gà tuồng ra làm đôi mới cả sân khấu.

Hai năm xuôi ngược mỗi mê, ông cố gắng điều đình với ông bầu gánh chuộc cô Năm Thàng bằng mười mẫu đất, đem về làm vợ kế. Muốn thoát khỏi cảnh đời rày đây mai đó, cô Năm Thàng bằng lòng rời ngôi vợ thứ hai do sự đồng ý cưới hỏi rõ ràng của bà phú hộ. Cuộc sống huyền ảo bỗng dừng lại làm cô Năm ngỡ ngàng xa lạ. Sự giàu sang và chiều đãi, nâng như nâng trứng hứng như hứng hoa của chồng không bao lâu làm cô thêm nhớ lại cuộc đời sống cũ. Cô nhớ sân khấu, nhớ đời sống lang thang trên những chiếc nghe chài xê dịch từ làng này sang tỉnh khác. Cuộc sống tập thể tuy quấy nhiễu cô thường xuyên, nhưng đem lại cho tâm hồn cô những đổi mới. Cô say những vai trò nữ tướng, công chúa, bà hoàng... để bôi xóa tạm bợ trong vài tiếng đồng hồ đời sống nghèo đói cơ cực của mình. Một cô đào hát tên tuổi chưa được mấy mà đã làm bà phú hộ, có kẻ hầu người hạ. Thế mà cảnh giàu có vẫn không quyến rũ được cô lâu, không đủ quyền lực làm cô quên hẳn quá khứ.

Ni cô Diệu Tâm trở mình thức giấc. Bà lần mò ra chánh điện để kịp gác công phu. Trong im vắng hoàn toàn, ni cô nghe rõ tiếng chuột bọ chạy rột rẹt và tiếng thán lán trên kèo nhà chắc lười. Bên ngoài, ếch nhái dưới ao con trời giọng uênh oang át cả tiếng dế trong bụi ô rô nhọn oắt. Ni cô bước ngang phòng ông yết ma. Téng ngáy từ trong buồng vọng ra ào ạt, đều đặn. Bỗng giọng mới ú ớ vang lên:

- Ê ! mấy thằng chặn trâu, bây bẻ trộm bầu của người ta hả ? Bớ Phật Kim Cang, Phật La Hán vận họng nó cho rồi. Bớ Hộ Pháp.

Ni cô mỉm cười, bỏ xuống nhà sau rửa mặt. Nước mưa chứa trong hàng mái dầm sau hậu liêu mát lạnh lôi bà ra khỏi cơn ngầy ngật buồn ngủ. Bà trở lên chánh điện vận to ngọn đèn và thành kính cầm dùi động vào cái đỉnh đồng chung. Tiếng chuông ngân dài như réo gọi ông yết ma ngủ muộn và nhắc cho chú tiểu đến lúc tụng kinh công phu. Sau đó, từ lò cạo heo, tiếng heo bị thọc huyết eng éc bên kia sông, cách chùa hơn năm trăm thước. Tiếng kêu cứu thê thảm của mấy con heo vắn số nổi đuôi tiếng công phu. Phía sau chùa là lò rèn. Tiếng nổ lách tách của đám than vừa rục cháy nghe rất vui tai. Hai ống bễ khò khè như tiếng ngáy ngủ của loài trâu nước.



Chú tiểu dụi mắt đi ra đỡ lấy dùi chuông thay cho ni cô. Bà ngồi âm thầm giữa chánh điện hai bàn tay gầy lằn trằng chuỗi hạt hổ phách, ni cô tụng hết tuần kinh lui vào trai phòng bên tách trà nhạt còn bốc khói. Bà ôn lại ngày bà còn là một cô đào chánh đã làm say mê giết bao nhiêu vương tôn công tử. Ông phú hộ Thọ đã chia gần nửa số gia sản của ông để đổi cô. Rồi cô bỏ sân khấu về sống trong một ngôi nhà nền đúc cao tới ngực có hàng chục người hầu hạ. Mỗi lần cô giam mình sốt mảy, thầy lang được rước về tận nhà và ở lại đó cho đến khi cô khỏi hẳn. Cô mê món ếch bắc thảo chưng đường phèn. Người tớ gái đem cục mỡ gần thận ếch để vào một cái thố vẽ bát tiên và cho đường phèn vào, chưng cách thủy. Cục mỡ ếch nở to bằng cái chén trong như pha lê, thơm ngọt ngào rồi đặt chiếc thố sứ vào cái mâm bằng gỗ quý. Trong lúc cô dùng ếch bắc thảo, hai đứa con gái đứng hầu quạt hai bên. Cuộc sống lắm kẻ nuông người chiều đó níu kéo cô được vài ba tháng. Một hôm đoàn hát Cẩm Đường Ban có dịp trở lại làng Đạo Ngạn, cô Năm Thành cảm thấy có cái gì xót xa ray rức không yên thúc dục cô, nhứt là khi tiếng chiêng trống và tiếng phèn la nổi lên ỉng ỏi ở đầu đình. Cô Năm bèn chồn không thể tả, thế rồi đêm hôm sau đó, lúc ông phú hộ yên giấc cô lặn mò bỏ trốn theo đoàn hát và tiếp tục nghiệp dĩ. Phải chăng cô muốn thay đổi cái không khí nhòn nhọt âm thầm trôi nổi bên cạnh ông chồng chỉ có lòng sủng ái, nhưng tình yêu cô cho ông còn lờ mờ chưa thắng nổi tiếng trống chầu.

Khi ông phú hộ biết cô đã trốn về đoàn hát, lập tức ông xuống ghe bầu cùng với người phu trạm đi theo. Cuộc săn đuổi gian nan không làm ông thất vọng. Ông tin tưởng sự đi theo vừa giúp ông tiêu dao ngày tháng, vừa có dịp săn sóc cô và mong rằng ngày nào đó, cô Năm sẽ hồi tâm quay trở về. Mãi cho tới ba năm sau, ông vẫn vừa đi theo cô Năm Thành vừa tập soạn tuồng hát. Ông đã gởi gắm tâm sự, tình ý vào bản Hát Nam, Hát Khách và Hát Văn. Ông để hết tâm trí vào các tác phẩm thai nghén suốt mấy năm liền và sau đó được đưa lên sân khấu để cho cô Năm thủ diễn. Kỳ lạ, sau khi diễn xong tuồng hát của chồng, cô Năm Thành ôm ông phú hộ Thọ khóc hu hu rồi cởi áo mũ giáp trả lại sân khấu và hai vợ chồng đưa nhau về chốn cũ sống lại cuộc đời cố định. Cô Năm mới tìm thấy tình yêu muộn màng nhưng có một sức mạnh lỏi cô ra khỏi ánh đèn sân khấu vĩnh viễn, bỏ hẳn cuộc sống nay miếu này mốt đình nọ. Chỉ một năm sau, cô sanh được một đứa con trai kháu khỉnh. Đứa con trai đó nổi dôi tông đường của ông phú hộ trong khi bấy lâu nay ông cứ ngỡ là mình tuyệt tự. Ông mừng đến sa nước mắt khi đứa con trai đọc nhất của ông càng lớn càng giống những nét thanh tú trên gương mặt của ông và cô Năm.

Ông phú hộ toan tính biết bao nhiêu về dự định tương lai cho đứa bé. Nhưng ông đột nhiên chết bất thần vì một tiếng sét long trời sẹt vào nhà làm đổ cả tủ kiếng và giết ông nhanh chóng. Cái chết tức tưởi đó làm cho dân làng xầm xì bàn tán là ông ăn ở thiếu phúc đức nên trời sai Thiên Lôi xuống giết gấp rút như vậy.

Từ đó, cô Năm đoạn tuyệt cuộc đời cũ ngay trong ý nghĩ và tận tụy chăm sóc đứa con để đền ơn đáp nghĩa với người vừa là tri kỷ vừa là bạn chung tình đã cho cô một niềm tin yêu bao la. Nhất định cô chẳng đời nào cho con cô nổi nghiệp cô. Cuộc đời hát xướng bị người đời cho là vô loại. Cô cũng chẳng mơ con cô giàu có như cha nó chỉ ước ao sau này nó sẽ có nhiều bằng cấp học hành đỗ đạt. Cô ẩn nhẫn sống nuôi con, mặc dầu lúc ông phú hộ vừa mới chết, còn biết bao nhiêu người gấm ghé được lấy cô, nhưng cô quyết không buồn ngó đến họ.

Đến ngày giỗ chồng, đợi vào lúc nửa đêm, cô Năm Thành hóa trang, mặc áo giáp đóng vai Đoàn Hồng Ngọc oai phong lẫm liệt cầm dao múa trước bàn thờ làm như ông phú hộ đang ngồi trên ấy thưởng thức tài nghệ siêu phàm của cô. Đường đao bay vun vút quấn lấy người cô. Trong im vắng, cô cất tiếng hát nhỏ nhỏ những bài hát trong những vai tuồng mà ngày xưa ông phú hộ đã dày công biên soạn. Sau những đường đao bay như rồng lộn, cô Năm đứng thẳng

người nhìn đăm đăm lên bức ảnh ông phú hộ và hai hàng nước mắt chảy dài trên đôi má.

Đứa con của cô được một năm thì bị một cơn sốt dữ mà tất cả danh y đều bó tay đầu hàng. Cô Năm tê điếng trong niềm tuyệt vọng. Đã bao lần ý nghĩ tự sát chập chờn qua tâm não cô. Ba lần tự tử bằng ba cách : cắt gân máu, uống dầu nóng, treo cổ được phát giác ngay.

Cô lần tính lại đã quá hai mươi năm, nỗi đau khổ và bất hạnh xa cũ đã bắt đầu mờ nhạt. Những việc nhà chùa làm cô bận rộn suốt năm bôi xóa dần những nỗi buồn thâm, tưởng chừng vãi rả hành tội cô trong khoảng đời còn lại.

Nắng đã lên từ chân vườn, sau chùa, vài ba đứa mục đồng đang nghêu ngao mấy bản Kin Tiền. Nắng tuôn ánh sáng hình rẽ quạt trên mặt đất. Ni cô Diệu Tâm lục đục ở trú phòng. Những cây tre non được vót từng cọng nhỏ bằng cây tăm nhang bày đầy trong cái nia. Ni cô khệ nệ bưng nồi nước cơm từ bên bếp đem lên để kê bên nia tăm tre cắt dài khoảng ba tấc. Ni cô dùng những loại lá có mùi thơm như lá quao, lá ngũ trảo, lá bưởi phơi khô rồi giã nhỏ xay lấy bột đựng trong mấy chiếc thau đầy ắp. Chú tiểu ngồi bên cạnh rây lại lần nữa phần bột mịn, thơm ngát, cho vào cái chậu tráng men sứ trắng vẽ hoa hồng đỏ. Ni cô bỏ những cây tre chẻ nhỏ vào một ống tre cao độ hai tấc đựng nước cơm gạo mới đặc quánh như hồ nhúng ướt rồi mang ra lăn những cây tre đó vào chậu bột lá mịn. Hồ trên thân cây tre chẻ nhuyễn quyến lấy bụi lá thơm và những cây nhang này được đem đi phơi nắng.

Tất cả những thức ăn lẫn hương hoa cúng kiếng đều do một tay ni cô làm ra. Xài không hết, bà mang ra chợ bán lấy tiền bỏ vào quỹ nhà chùa. Đặc biệt bà có tài làm tương ta. Bà lựa nếp đem xôi rồi bỏ vào nia ủ bằng lá tranh hay lá ngấy độ ba ngày cho nếp lên men rồi thắng đường cho chút muối, đổ vào nếp làm tương ta. Những món hàng do nhà chùa sản xuất sẽ nhờ chú tiểu đem ra nhồi chợ bán lẻ. Công việc bề bộn đó chiếm cả ngày, ni cô Diệu Tâm say sưa, có khi quên cả việc ăn uống. Mãi đến chập choạng tối, lúc bao tử đòi hỏi gấp rút, bà vào nhà bếp xới tô cơm nguội ăn với chút tương ta. Ăn uống thiếu thốn lâu ngày làm thân thể bà gầy gò và những cơn ho húng hắng xảy ra thường xuyên. Nhưng bà không để tâm đến và cơn bệnh cũng lây lất trôi qua khi ông yết ma chưng cho bà chín lá chanh với chút đường phen bưng lên cho bà uống. Món thuốc ho không tốn kém này cũng làm bớt cơn đau ngực và bà tiếp tục lây lất với cơn bệnh.

Diệu Tâm cảm thấy bứt rứt nơi ngực. Hình như có một bàn tay nắm lấy trái tim, bà ngọt ngọt tưởng chừng trai phòng này thiếu không khí. Bà gượng ngồi dậy tựa lưng vào thành giường một lúc rồi cố gắng đứng dậy đẩy nhẹ cánh cửa sổ. Ánh nắng tủa vào khe cửa âm đạm rót trên một lổm giường và lác đác vài mảnh vuông trên nền gạch tàu. Diệu Tâm lần dò ra ngoài để tìm chút thoáng khí. Ni cô lầm lũi bước ra ngồi tựa lưng bên tháp sự cụ và ngược mặt nhìn trời. Cơn lạnh tiết ra từ trong lá, từ ao sen làm bà rờn rợn. Cơn ho tiếp tục và ni cô cảm thấy hình như chiếc tháp muốn xiêu đổ và mặt trời tủa ra nhiều vành sáng nhảy múa trước mắt. Diệu Tâm bám chặt lấy thềm cửa tháp và cơn buồn nôn hồi hải dâng lên, ni cô chỉ còn thấy cảnh vật đảo lộn, ánh sáng và bóng tối xoay tít, và nơi ngực như có cả khối tháp đè lên đó. Tiếng chim vụt tắt ngóm đầu đây và cơn gió rào trên ngọn dương ngừng lại.

Ni cô bưng mắt nghe tiếng nói lào xào vắng vắng đầu đây. Ni cô nhướng đôi mắt còn chút ít thần sắc nhìn quanh trai phòng. Chú tiểu túc trực bên giường mừng rỡ hỏi dồn:

- Dạ thưa ni cô cảm thấy đỡ chưa ?

Bà lặng lẽ gật đầu và muốn ngồi dậy. Chú tiểu hiểu ý đến đỡ bà lên tựa lưng vào thành giường. Bỗng cửa trai phòng vụt mở. Diệu Tâm nhếch mép cười tiếp nhận sự có mặt của đứa cháu đầu

và cô em họ đến đúng lúc bà thấy cơn bệnh này không hy vọng lành. Đưa cháu dâu gọi bà bằng cô chuyên nghề sống với nghề cờ gian bạc lận và nghề cho vay đoạt nợ. Nghề nghiệp nàng đến mức tuyệt xảo. Riêng cô em họ cùng đi theo cô cháu dâu đến thăm bà là một tay từng nhỏ râu ông huyện này, cạo đầu ông phủ kia. Cô em họ có tấm nhan sắc cũng ưa nhìn thôi, nhưng cô có biệt tài hể cập sách với ông nào thì nạn nhân tình ái của cô phải tán gia bại sản một cách nhanh chóng và êm thấm. Hai người đàn bà thân thích này thường lui tới cửa thiền hầu sám hối để chuộc tội. Họ thích thân thiện với bà có lẽ nghĩ rằng khi Diệu Tâm đắc đạo để về chùa Đấng Từ Bi sẽ với tay níu họ theo lên cõi Niết Bàn. Vì mặc cảm tội lỗi nên họ càng thích đi chùa dâng hương đem lễ học hồng hồi lộ Trời Phật cho giải bớt những oan kien mà ở trần gian họ đã làm, đang làm và tiếp tục làm nữa...Càng thấy họ đi chùa là phải hiểu rằng họ vừa làm được một cái áp phe. Khi có nhiều tiền, họ lại vào chùa thành khẩn hối lỗi, nhưng khi bước ra khỏi chánh điện thì họ lại quên tuốt.

Ni cô mệt nhọc gắng gượng trả lời họ vài ba câu hỏi thăm sức khỏe. Rồi không còn ngồi được nữa, bà nằm rũ xuống. Cô em họ đề nghị ông yết ma nên tụng kinh cho Diệu Tâm để nếu như bà có phải về nơi cực lạc cũng sớm được nhẹ nhàng hồn phách.

Ni cô nghe trong người rã rời từng khớp xương. Bà cố mở mắt nhìn ánh đèn vàng vọt đặt trên chiếc bàn cạnh bàn nước. Cổ họng bà khô đắng và lạt lẻo. Ni cô hé mắt nhìn cô em họ đang ngồi bên cạnh và cô cháu dâu đang lấy quây rót nước từ trong vỏ bình vào tách định bưng lại. Ni cô khoác tay tỏ ý không cần uống nước. Bà đã ăn chay ròng rã hơn hai mươi năm quá đậm bạc nên thân thể bà thiếu cả chất đạm.

Bà làm việc quần quật, suốt ngày. Không biết bà tìm cách quên hẳn tình hay để tăng ngân quỹ nhà chùa. Người ta thấy ni cô Diệu Tâm không sống cho mình nữa, kể từ khi bà bước vào chùa này. Bà sống kham khổ, nhẫn nhục và chịu đựng. Tiền công quỹ nhà chùa được đem ra bố thí cho những người tàn tật nghèo khổ. Bà ăn uống bất thường và coi việc ẩm thực là điều phụ thuộc. Chỉ cần một chén tương và một nhúm rau chám tương cũng rồi một bữa. Từ một tháng nay, bà không ăn uống được như thường nhật, mỗi khi ăn xong, bà đều mửa thốc mửa tháo ra, đến cả thuốc men cũng không giữ được trong bao tử. Họ hàng hay được tin bà thọ trọng bệnh cho mời biết bao danh y đến cứu chữa. Phần linh hồn thì do ông yết ma và một số sư sãi các chùa lân cận đến tụng niệm siêu độ.

Thân xác bà mỗi mòn trong giấc hôn mê chập chờn, bà nghe tiếng tụng niệm ngoài chánh điện. Trong bóng tối mù mờ, loáng thoáng có tiếng muỗi vo ve, đột nhiên ni cô Diệu Tâm cảm thấy miệng mình lạt quá, lạt kinh khủng. Phải chỉ có một chút nước tương để bà nếm thử. Trí óc của bà dán chặt vào ý nghĩ lười bà khô đi, đồng thời nước dãi tuôn ra đầy miệng. Thế rồi ý nghĩ của bà trôi xa hơn, nước tàu vị yếu, rồi nước mắm. Cơ thể bà vụt bùng lên. Nước mắm ! Nước mắm ! ni cô Diệu Tâm nuốt ực nước miếng. Một nỗi xót xa làm nước mắt bà ướt đầm. Có cái gì chống đối trong từng thớ thịt, khớp xương của bà.

Bà vụt nghĩ, nếu có một muống nước mắm chui vào bao tử bà thì có lẽ những chấn động, phản đối trong cái cơ thể mỗi mòn sinh lực của bà sẽ dịu xuống, và muống nước mắm sẽ đem lại cho bà sự khỏe khoắn để bà ngủ một giấc thật ngon và ngày mai bà sẽ tiếp tục sinh hoạt lại như cũ dưới mái chùa này.

- Nước mắm ! Muống nước mắm !

Ni cô hoàn toàn quên mất cái đời sống hiện tại ở trong chùa, quên cả mấy mươi năm tu hành khổ hạnh. Bà rơi trong một ý thức mù mờ chỉ có hình bóng muống nước mắm bằng sứ trắng chứa một thứ nước vàng và trong suốt như nước trà. Kê miệng mà nếm thử thì biết. Ni cô Diệu

Tâm co rúm lại, thở hổn hển. Ba tiếng muống nước mắm như ba nhát búa đập vào đầu óc bà làm bà lão đảo.

Ngoài hậu liêu, hình như trời đã chiều. Mùi thuốc bắc sắc trong siêu ngai ngái bay lên làm bà có cảm tưởng mình sắp nghệt thờ.

Bà phải uống một muống nước mắm. Ngày mai dầu có phải đọc kinh sám hối, bà cũng không màng. Bà tin chắc rằng dầu đọc kinh cứu khổ cứu nạn với Bạch Y Quan Thế Âm Bồ Tát cũng chưa chắc mầu nhiệm bằng một muống nước mắm. Nước mắm sẽ là một món thuốc tiên làm cho cây khô trở bông. Cố gắng lấy hết tàn hơi, bà thều thào gọi chú tiểu kiếm cho bà một muống nước mắm. Tất cả những người có mặt bên giường đều ngạc nhiên lẫn hốt hoảng.

Diệu Tâm lập đi lập lại mấy lần :

- Mô Phật ! Cho tôi muống nước mắm, tôi uống vào sẽ hết bệnh liền.

Tiếng kêu gọi như một lời van vãn, thê thảm. Hai tay Diệu Tâm chìa ra tuyệt vọng. Chú tiểu bưng đến gần tách trà ướp sen kề gần miệng. Ni cô khép chặt môi, lắc đầu phản đối:

- Tôi chỉ cần uống một chút nước mắm cho mặn môi.

Nói xong ni cô dìm hờn vào trong cơn đồng thiếp hai cánh tay còn xòe ra quờ quạng van xin.

Cô em họ bước ra trai phòng thử thăm :

- Rõ là ma đưa lối, quỷ dẫn đường. Hồi nào tới giờ chỉ ăn chay lạt, đến lúc sắp chết lại đòi uống nước mắm. Tôi nhất định chống lại lời ma quỷ xúi bẩy, xui khiến chỉ phạm trai giới. Thà để cho chỉ chết mà không mang tội với Trời Phật và không uống công tu khổ hạnh hai mươi mấy năm nay.

Nói đoạn bà xuống trú phòng ngồi nói chuyện áp phe với cô cháu dâu, hoặc những thành quả bà đã thu đoạt được kể từ ngày bà bước chân vào đời. Giọng bà oang oang uốn éo và những tràng cười nói xôn xao vọng lên trên chánh điện. Ông yết ma với đôi mắt nhắm lại và nét mặt phẳng phiu để dài thường nhật nhuốm một chút lo âu. Không khí nặng nề trùm xuống, nghệt thờ. Tiếng hét từ trai phòng vang lên. Ông lẹ chân tông cửa vào vừa lúc chú tiểu định bước ra, về mặt còn hốt hoảng. Tất cả đứng im lặng quanh giường chờ đợi phút nghiêm trọng của ni cô trong khi cô đang vật vã từng đợt với tử thần. Tiếng nói bà vụt sang sảng như lúc còn ở trên sân khấu. Giọng nói trong trẻo tỉnh táo, nhưng đôi mắt bà vẫn nhắm nghiền :

- Tôi mới biết thương mình mấy năm mình khổ công theo đuổi tôi, mình đặt tuồng hát cho tôi hát.

- Con ráng học cho đỗ đạt làm quan nghe con cưng của má.

- Tôi chỉ thích sắm vai Đoàn Hồng Ngọc hơn làm Phần Lê Huê. Mình thích tôi diễn vai nào nhất?

- Bớ này Tiết Giao ! Ô này bạc tình lang ! Mặt chàng đẹp trai mà làm chi ? Lời chàng ngọt ngào mà làm chi ? Cổ thiếp ngày nay mắt ngọc, thân thiếp bơ vơ.

Cả một quá khứ trôi nhanh lên ký ức bà rõ rệt và nhanh như một đoạn phim quay hết tốc lực

của nó. Bà độc thoại từ quãng đời sân khấu đến quãng đời làm vợ ông phú hộ Thọ. Giọng bà sang sảng vụt dừng lại và dưới ánh đèn hiu hắt, ni cô mở tròng tròng đôi mắt trắng nhợt như cố thu nhận hình ảnh sau cùng của đời sống và ni cô quờ quạng hai bàn tay trơ xương với lời van vỉ đứt nối :

- Hãy cứu tôi, cho tôi uống một muống nước mắm thôi.

Cô cháu dâu nhìn bà em họ :

- Mợ ơi ! Mợ nhờ su sãi đọc kinh trừ tà nghen. Cần nhứt là canh giữ đừng cho ai đem nước mắm lại.

Bà em họ tức mình :

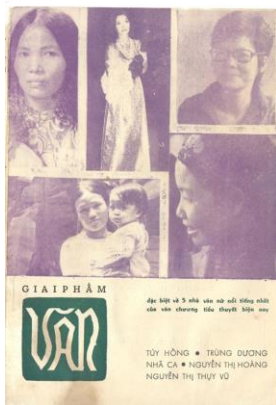
- Để tôi đi đọc kinh cứu khổ. Hồi xưa Phật Thích Ca gần đắc đạo thì ma vương tới phá. Còn cái chị này sắp về Tây Phương tới nơi mà cũng chưa yên thân.

*(Đăng Trên báo Xuân Kỷ Dậu Văn số 123 & 124 ngày 1 tháng 2, 1969)*

## Nguyễn Thị Thụy Vũ với "Lòng Trần" Hồ Trường An

*Trong 30 năm qua, Hồ Trường An đã cho xuất bản nhiều tập nhận định, phỏng vấn văn nghệ sĩ (Chân Trời Lam Ngọc, Theo Chân Những Tiếng Hát, Sàn Gỗ, Màn Nhung, Ánh Trường Kịch Giới - 2012), song gần đây ông viết phê bình văn chương, là lãnh vực thân cận của ông, bởi ông đọc nhiều và có óc quan sát tinh tế, trí nhớ tỉ mỉ và viết cặn kẽ.*

LTS: Bài sau đây trích ra từ chương sách thứ chín của cuốn *Trên Nẻo Đường Nắng Tối* của nhà văn Hồ Trường An, chưa xuất bản.



Ông viết: "Chương chín này là chương chót của quyển biên khảo *Trên Nẻo Đường Nắng Tối* gồm có bốn truyện ngắn: hai của Võ Đình, một của Nguyễn thị Hoàng, một của Nguyễn thị Thụy Vũ. Bốn truyện ngắn đó lọt ra cái khung hiện thực và tân hiện thực đã từng phong tỏa văn chương Việt Nam từ bao năm qua mà Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng, Nguyễn Mạnh Côn, Thanh Tâm Tuyền và Võ Phiến nỗ lực để xông xáo bước ra.

Qua bốn truyện ngắn này, ba tác giả cố gắng noi theo gương Tôn Hành Giả trong *Tây Du Ký* của Ngô Thừa ân để làm cuộc cân-đầu-vân, với mỗi bước nhảy vọt là bay thật xa. Họ có đến chân trời tư tưởng bao la và lạ lẫm nào không? Cái đó còn tùy theo mỗi khía cạnh nhận xét của bạn đọc nào muốn nhìn sâu vào hiện hữu, muốn đón

nhận sự canh tân trong văn chương, muốn thoát ra khỏi không khí buồn nản của văn chương tả chân (hiện thực, tân hiện thực) từ xưa đến giờ.

Nguyễn thị Hoàng và Nguyễn thị Thụy Vũ không hề nêu tình ý gì rõ ràng trên mặt chữ. Cả hai viết khơi khơi. Trừ Võ Đình đôi lúc trình bày một vài nhân sinh quan sơ sài lộn vụn, còn hai nữ sĩ kia chỉ trình bày diễn biến của sự việc, kèm theo đó là công việc miêu tả (tả cảnh, tả người, tả một vài tâm trạng của nhân vật).

Nhưng ẩn sau mặt chữ của họ thấp thoáng bao điều làm chúng ta ray rứt bàng hoàng khiến chúng ta nghĩ ngợi không thôi. Một chân trời tư tưởng mênh mông và thăm thẳm? Một bí nhiệm nằm sau lưng cuộc sống hay ở ngay trong cuộc sống? Làm sao chúng ta nắm bắt được trọn vẹn ý tình của ba tác giả kia? Tuy nhiên, chúng ta vẫn cứ tiếp tục ray rứt bàng hoàng, vẫn cứ tiếp tục suy gẫm...

Võ Đình đến với chúng ta qua hai truyện ngắn *Chuyện Cây Bàng* và truyện ngắn *Lại Chuyện Cây Bàng*. Hai truyện ngắn này ở trong tập truyện **Lâu Xếp** xuất bản vào năm 1997. Nguyễn thị Hoàng đến với chúng ta qua truyện ngắn *Tan Trong Sương Mù* ở trong tập truyện *Bóng Lá Hồn Hoa* do Văn xuất bản vào năm 1973. Và sau hết, Nguyễn Thị Thụy Vũ đến với chúng ta qua truyện ngắn *Lòng Trần* trong tuyển tập truyện ngắn gồm nhiều tác giả *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Trên Quê Hương Chúng Ta* do Sóng xuất bản vào năm 1973. Trước đó, hình như vào năm 1969 thì phải, truyện ngắn này được đăng trên tập san Văn do Nguyễn Đình Vượng làm chủ nhiệm, nó có cái tựa là *Muống Nước Mắt*."

*Đó là phần vào đề của chương chín. Kỳ này nhân số Chủ đề Phụ Nữ, Khởi Hành trích đăng sau đây phần viết về hai nữ sĩ Nguyễn Thị Hoàng và Nguyễn Thị Thụy Vũ để chúng ta cùng thưởng thức văn biên khảo văn học của nhà văn Hồ Trường An. Trong bài đôi chỗ có những nhận xét có thể gây hiệu ứng thái quá, chúng tôi vẫn đăng tải, vì nghĩ rằng Hồ Trường An cầm bút đã hơn bốn mươi năm, ông có lý do riêng của mình mà chúng ta dù không hoàn toàn đồng ý vẫn nên tôn trọng tác giả.*

Nguyễn thị Thụy Vũ, tác giả truyện ngắn *Lòng Trần* là chị ruột của bút giả nên bút giả biết rất rõ xuất xứ của truyện ngắn này cùng khuynh hướng văn chương của tác giả. Đây là câu chuyện có thật thuộc về họ ngoại của cụ thân sinh của tác giả và bút giả. Trong truyện, cô đào hát bội Năm Thàng và sư nữ Diệu Tâm chỉ là một người. Nữ nghệ sĩ Năm Thàng sau khi chồng và đứa con trai đều chết nên cắt tóc đi tu, có cái pháp danh là Diệu Tâm. Nhưng ở ngoài đời bà Năm Thàng là vợ dâu của bà nội chúng tôi, còn sư nữ Diệu Tâm là cô họ của cụ thân sinh tôi.

Tên của bà Năm Thàng ở ngoài đời là Tư Bồn. Bà lấy tên thật của mình làm nghệ danh. Bà thuộc hàng ngũ tiền phong trong ngành hát bội, trước lớp các bà Năm Nhỏ, Năm Chung, trước luôn lớp các bà Năm Sa-Đéc, Cao Long Ngà, Ba Út, Sáu Bê, Hai Sáng, Năm Đồ... Trong quyển *50 Năm Mê Hát*, cụ Vương Hồng Sển có viết vài hàng về nữ nghệ sĩ này.

Câu chuyện về cuộc đời của bà Tư Bồn và của sư nữ Diệu Tâm được ông thân sinh chúng tôi thường kể khi ba cha con nhắc tới làng Đạo Thạnh, thuộc tỉnh Mỹ Tho. Đó là nơi sản sinh hai nữ nhân vật ấy. Do đó, chi Thụy Vũ tôi liền nhập họ làm một đề tạo ra nữ nhân vật chính trong truyện ngắn *Lòng Trần*. Truyện rằng:

Năm Thàng là cô đào hát bội, thanh sắc lẫy lừng được một ông phú hộ say mê. Ông tình nguyện gia nhập gánh hát để được theo bước lưu diễn của cô. Ông săn sóc cô và soạn tuồng để cô diễn. Cảm động tấm chung tình của ông, cô bỏ nghề hát để làm vợ ông. Rồi đó, ông chồng chết vì tai nạn sét đánh, đứa con của cả hai cũng chết sau đó ít lâu. Cô Năm Thàng cắt tóc đi tu, lấy pháp danh là Diệu Tâm, sống khổ hạnh, giữ trai giới rất nghiêm nhặt cho tới tuổi già bóng xế.

Ngờ đâu, trong phút hấp hối, sư nữ Diệu Tâm đòi húp một muỗng nước mắt. Nhưng họ hàng thân tộc của bà cho rằng bà sắp thành chánh quả mà còn bị quỷ ma theo khuấy phá để bà bị tội phạm giới. Cho nên họ nhất định không chiều theo ý của bà. Bà chết trong cơn hành hạ của thể xác, trong cơn thèm thuồng không được thỏa mãn. Càng chua xót hơn, trong phút lâm chung, bà quên mình là kẻ tu hành mà chỉ nhớ mình là cô đào hát bội Năm Thàng:

... Tất cả đứng im lặng chung quanh giường chờ đợi phút nghiêm trọng của ni cô trong khi ni cô vật vã từng đợt với Tử thần. Tiếng nói của bà vụt sang sảng như lúc còn trên sân khấu. Giọng nói trong trẻo, tỉnh táo nhưng đôi mắt bà vẫn nhắm nghiền:

- Tôi mới biết thương mình, mấy năm mình khổ công theo đuổi tôi, mình đặt tuồng cho tôi hát.
- Con gắng học hành cho đỗ đạt làm quan nghe con cưng của má.
- Tôi chỉ thích sắm vai Đoàn Hồng Ngọc hơn làm Phần Lê Huê. Mình thích tôi diễn vai nào nhứt?
- Bớ này Tiết Giao! Ở này bạc tình lang! Mặt chàng đẹp mà làm chi? Lờn chàng ngọt ngào làm chi? Để thiếp ngày nay mất ngọc, thân thiếp bơ vơ.

Cả một ký ức trời nhanh lên óc bà rõ rệt và nhanh như một phim quay hết tốc lực của nó. Bà đọc thoại từ quãng đời sân khấu đến quãng đời làm vợ ông phú hộ Thọ. Giọng bà đang sang sảng vụt dừng lại, dưới ánh đèn hiu hắt, ni cô mở trừng trừng đôi mắt trắng nhợt như cổ thu hình ảnh sau cùng của đời sống và ni cô quờ quạng hai bàn tay trơ xương với lời van vãn đứt nối:

- Hãy cứu tôi, cho tôi một muống nước mắm thôi.

Cô cháu dâu nhìn bà em họ:

- Mợ ơi! Mợ nhờ sư sãi đọc kinh trừ tà nghen. Cần nhứt là canh giữ đừng cho ai đem nước mắm lại.

Bà em họ tức mình:

- Để tôi đọc kinh cứu khổ. Hồi xưa Phật Thích Ca gần đắc đạo thì ma vương tới phá. Còn chị này sắp về Tây Phương tới nơi cũng chưa yên thân (CGTT, các trang 77, 78)

Tác giả trình bày sự việc theo lối kể chuyện ở đoạn hồi ức về dĩ vãng vàng son của ni cô Diệu Tâm. Nhưng ở đoạn tả cảnh chùa trong phần nhập đề, ở đoạn bà nằm trên giường bệnh, tác giả mới thật sự viết văn. Bút pháp của chị đơn giản, đôn hậu và chân phương qua lối dụng ngữ miền Nam Kỳ Lục Tỉnh rất hồn nhiên và linh hoạt.

Từ nếp sống lưu diễn vinh quang, kinh qua nếp sống khuê các trên nhung lụa để đi đến nếp sống tịnh trai khổ hạnh trong chùa, ni cô Diệu Tâm (*hậu thân của nữ nghệ sĩ Năm Thành*) phải gồng mình khép mình trong trai giới. Đó không phải bà tu vì giác ngộ lẽ vô thường mà là để trốn tránh nỗi bất hạnh đau thương. Từ khởi điểm, bà đã đi lạc đường lối tâm linh. Bà trốn tránh cái thất vọng chứ không chịu quán niệm về cái Tánh Không của vạn hữu để thấy cái phù ảo huyền hoặc của thuận cảnh hay nghịch cảnh trong kiếp sống. Bà không dám đối diện với thất vọng đau thương để phá mê diệt khổ. Đau thương, thất vọng, đam mê, đắc ý, khoái lạc, tất cả đều là phiền não do cái Ngã tạo nên. Càng trốn tránh cái Ngã, nó chỉ tạm thời lặn sâu dưới Tầng Thức chúng ta. Nhưng hễ có cơ hội thuận tiện là nó trôi lên bình diện của ý thức. Nó vùng vẫy, hung hăng đánh phá tâm thức chúng ta. Đó cũng giống như cái lò so mạnh bạo bị dồn nén tới đa. Nhưng đến một khi nào đó, sự dồn nén lơi đi, nó bung ra với sức vùng vẫy cũng không kém dữ tợn.

Trong trường hợp ni cô Diệu Tâm, bà càng gồng mình trì giới, thì càng bị sức quyến rũ của giới cầm thu hút. Khi còn mạnh khỏe, bà còn đủ sức áp đảo nó bằng ý chí kiên cố. Nhưng khi đau yếu, ý chí đó trở nên bạc nhược nếu không tiêu tan rời rã đi. Nó vùng lên như hộng hỏa diễm sơn khạc lửa và tuôn phúng xuất thạch không ai cưỡng nổi. Nó như quả bóng ném mạnh vào bức tường để rồi dội ngược vào người ném một cách thô bạo.

Thân xác bà mòn mỏi trong giấc hôn mê chập chờn, bà nghe tiếng tụng niệm ngoài chánh điện. Trong bóng tối mù mờ, loáng thoáng có tiếng muỗi vo ve, đột nhiên ni cô Diệu Tâm cảm thấy miệng mình lạt quá, lạt kinh khủng! Phải chi có một chút nước tương để bà ném thử. Trí óc bà

dán chặt vào ý nghĩ đó, lưới bà khô đi đồng thời nước dãi tuôn ra đầy miệng. Thế rồi ý nghĩ bà trôi xa hơn, nước tàu vị iều, rồi tới nước mắt. Cơ thể bà vụt bùng lên. Nước mắt! Nước mắt! Ni cô Diệu Tâm nuốt ực nước miếng. Một nỗi xót xa là nước mắt bà ướt đầm. Có cái gì chống đối trong từng thớ thịt, khớp xương của bà.

Bà vụt nghĩ, nếu có một muống nước mắt chui vào bao tử của bà thì có lẽ những chấn động, phản đối trong cơ thể mòn mỏi sinh lực của bà sẽ dịu xuống, và muống nước mắt sẽ đem lại cho bà cái khỏe khoắn để bà ngủ một giấc thật ngon và ngày mai bà sẽ tiếp tục sinh hoạt lại như cũ dưới mái chùa này.

- Nước mắt! Muống nước mắt!

Ni cô hoàn toàn quên mất cái hiện tại trong chùa, quên cả mười năm tu hành. Bà rơi trong ý thức mù mờ chỉ có hình bóng muống nước mắt bằng sứ trắng chứa một thứ nước vàng trong suốt như nước trà. Kê miệng mà ném thử phải biết. Ni cô Diệu Tâm co rúm lại, thờ hồn hển. Ba tiếng muống nước mắt như ba nhát búa đập vào đầu óc bà làm bà lảo đảo.

Bà phải uống một muống nước mắt. Ngày mai dầu có phải đọc kinh sám hối, bà cũng không màng. Bà tin chắc chắn rằng dầu đọc kinh cứu khổ cứu nạn với Đức Bạch Y Quán Thế âm Bồ Tát cũng chưa chắc mầu nhiệm bằng một muống nước mắt. Nước mắt sẽ là món thuốc tiên làm cho cây khô trở bông, làm cho bao nhiêu sinh lực của bà bùng sống lại. Cố gắng hết tận hơi, bà thều thào gọi chú tiểu kiểm cho bà một muống nước mắt.

Tất cả những người có mặt quanh giương đều ngạc nhiên lẫn hốt hoảng.

Diệu Tâm lập đi lập lại mấy lần:

- Mô Phật! Cho tôi một muống nước mắt, tôi uống vào sẽ hết bệnh liền.

Tiếng kêu gọi van vỉ, thê thảm. Hai tay Diệu Tâm chìa ra tuyệt vọng. Chú tiểu bưng đến gần bà tách trà ướp sen, kề gần miệng bà. Ni cô khẹp chặt môi phản đối:

- Tôi chỉ cần uống một chút nước mắt cho mặn mòi.

Nói xong, ni cô chìm hồn vào cơn đồng thiếp; hai cánh tay gầy guộc còn giương ra quờ quạng van xin. (*Chuong Giông Thênh Thang, các trang 76, 77*)

"Tôi bước vào văn đàn bằng những truyện ngắn. Truyện ngắn khó viết vì tư tưởng lẫn cảm hứng chỉ được diễn tả trong một khuôn khổ ngắn. Người viết phải cô đọng tư tưởng. Tôi thích truyện ngắn không có cốt truyện, mà đầy nhiều chi tiết soi sáng thái độ lẫn quan niệm của tác giả đối với văn chương và cuộc đời. Trong ba tập truyện Mèo Đêm, Lao Vào Lửa, Chiều Mênh Mông, hầu hết các truyện ngắn đều có cốt truyện hẫng hoi, nên tôi không được vừa ý lắm." (Nguyễn Thị Thụy Vũ trả lời nhà văn Nguyễn Đông Ngạc, 1973).

Đè nén quá khứ đau buồn vào quên lãng, đè nén thất vọng vì những mơ ước không thành. Đó không phải là tu hành đúng phép, đúng cách. Tu là dùng ánh sáng trí tuệ để soi bản thể vạn pháp trong vòng tham sân si rồi đưa tất cả vào Tuệ Giác, vào Tánh Không (*cái Không tuyệt đối, cái gốc rễ rớt ráo*) của chúng. Có vậy, bậc hành giả sẽ tu hành một cách hạnh phúc và thanh thoi. Đè nén dĩ vãng và niềm đau khổ, nhưng có ai giết chết được chúng đâu? Chỉ có xoa dịu chúng, âu yếm vỗ về chúng và để rồi quán chiếu cái gốc rễ của chúng, xem chúng không có thật để ta không bám víu vào chúng nữa. Nếu được vậy, hành giả sẽ thành công như người thợ săn bắt được con trăn bằng cách nắm chặt cổ nó, khác hẳn trường hợp kẻ nắm đuôi trăn bị trăn quay đầu lại quật ngã. Chỉ có ánh sáng Tuệ Giác trong những phút quán niệm, lần hồi ni cô Diệu Tâm sẽ giác ngộ rằng cái quá khứ vàng son của mình là vô thường, nỗi đau khổ của mình cũng là vô thường do sự giả hợp của nhiều yếu tố mà hình thành. Ánh sáng Tuệ Giác sẽ cho bà thấy tất cả đều là không thật, đều là như huyễn, do đó bà sẽ giác ngộ.

Tôi xin lập lại: tu là tìm phương cách giác ngộ chứ không phải để tránh đau khổ. Đau khổ sẽ đuổi theo người u mê lánh khổ cho tới tận cùng dù nó có bị chìm sâu vào đáy thăm tận cùng của tiềm thức đương sự đi nữa. Phật gọi đó là thức thứ 8, Tàng Thức hay là A-lợi-da thức. kho tàng



bao la không ngần mé chất chứa những kỷ niệm, biến cố, thiện nghiệp hay ác nghiệp từ vô lượng kiếp đến hiện kiếp. Mỗi tác nhân, mỗi tác nghiệp dù nhỏ như mảy lông sợi tóc vẫn còn tồn tại mãi trong cái Tàng Thức ấy, không bao giờ mất đi. Đến cơ duyên chín muồi là chúng tuần tự hiện hành.

Muồng nước mắm đầu thế làm cho ni cô Diệu Tâm mang tội sát sanh. Nhưng nó là đầu mối, là cánh cửa mở ra để bà thấy lại con đường phạm phu thế tục quyến rũ vụt hiện bày trở lại trước mắt bà. Dù bằng ý thức chưa rõ rệt đi nữa, nhưng bà vẫn còn muốn đi trở lại trên con đường ấy, sau nhiều năm bà phải buộc mình sống trai giới chốn cửa Thiền. Nói rõ hơn, vì không còn phương tiện, cơ hội, sức khỏe và nghị lực, cho nên bà không thể trở lại đường cũ nên bà phải tiếp tục nương nấu chốn chùa chiền để tìm chỗ nương thân và điểm tựa cho tinh thần mình. Lại nữa, tu hành mà ép xác thái quá thì tinh thần cũng bị dồn ép theo lẽ thân tâm tương ứng. Ngày xưa, Đức Thích Ca Mâu Ni tu theo ngoại đạo, nhịn ăn, nhịn ngủ thét rồi thân xác kiệt quệ và tinh thần cũng hôn ám theo. Ngài bèn xuống sông tắm cho sáng khoái, chịu uống sữa do một người thiếu phụ mền kẻ chân tu đem dâng. Xác thân có mạnh khỏe thì tinh thần và trí óc mới trở nên minh mẫn. Nhờ vậy, ngài mới tiếp tục tu cho đến khi thành chánh quả. Đức Phật chủ trương Trung Đạo trong đó có phần Trung Dung trong cách tu hành: đừng nuông chiều xác thân trong những thú khoái lạc, nhưng cũng không nên ép xác thân đến độ hành hạ khốc liệt xác thân. Dây đàn chùng quá sẽ không nảy bật ra âm thanh. Nhưng nếu căng thẳng nó quá, nó sẽ đứt.

Viết truyện ngắn *Lòng Trần*, Nguyễn thị Thụy Vũ không phải chỉ nêu lên cái hệ lụy ở chính nơi cá nhân cùng cái nghiệp khó tránh mà cá nhân ấy phải chịu trách nhiệm trong việc vay trả. Chị còn nhắm vào bước đường tu tập của con người sợ khổ nên lánh khổ, con người ấy không biết soi sáng căn nguyên cùng bản thể cái khổ. Chồng chết, con chết là cái ác quả của ni cô Diệu Tâm từ bao thời tiền kiếp hiện hành trong kiếp này. Còn việc bà lạc bước đường tu là bởi bà thiếu Tuệ Giác, tưởng đâu chạy tịnh khổ hạnh là được Phật độ để thoát khổ và được chứng một quả vị nào đó. Bà quên rằng tu là trước hết phải thấu suốt quặng đời vinh quang thuở trước và cái tang tóc thảm thê tiếp theo, tất cả chỉ là lẽ vô thường, theo lịch trình sinh diệt. Tu là quán chiếu, là soi sáng bản thể của vạn pháp. Mà bản thể của tất cả đều là Không. Xa lánh cái phiền não (*vốn là Không*) tức là ta còn thấy cái khổ có thật nên mới xa lánh, tức là ta còn khư khư ôm lấy cái mộng tưởng, huyền hoặc. Rốt cuộc ta vẫn còn mê, chưa thể giác ngộ. Tu như thế dù có chạy tịnh, ép xác cũng không hiệu quả, cũng như lấy gươm chém vào nước, lấy chày giã nát ánh trăng. Nhưng nếu ta hiểu rõ nó là Không, rồi ta cứ quán chiếu cái Không ấy cho thuần thực thì ta đâu còn bị nó vương vấn, dính mắc dưới đáy thẳm của Tàng Thức nữa. Vì đã là Không rồi thì làm gì có chuyện vương vấn và dính mắc nữa?

Qua truyện ngắn *Lòng Trần*, tác giả Nguyễn thị Thụy Vũ trình bày một khía cạnh tâm linh khá đặc thù: lánh tục bằng cách nương nấu chốn am vân chưa chắc là ngộ. Vấn đề mê và ngộ vốn phức tạp và phiền toái. Mê vốn dễ bao trùm giăng bủa khắp mọi loại chúng sinh. Các bậc hành giả nếu đi sai một lần tơ kẽ tóc là bước qua đường tà có nhiều biển khổ bên mê đón đợi. Tu hành phải dựa vào nền tảng Chánh Kiến và phải do Chánh Tư Duy soi sáng hướng dẫn. Con đường đưa tới bờ chứng ngộ thắp thoáng nhiều bóng ma. Bóng ma! Đó chỉ là cách nói những chướng ngại nội tâm tuy vi tế nhưng mãnh liệt kinh khiếp được cụ thể hóa bằng hình ảnh ghê rợn để cảnh giác các hành giả đề phòng và xa lánh. Còn chướng ngại ở ngoại giới để tránh hơn vì nó thô tháp và diễn biến nhần tiền nên dễ làm cho hành giả nhận chân được chúng ngay.

Ni cô Diệu Tâm bị chướng ngại ngoại giới khi chưa xuất gia đầu Phật, bị chướng ngại nội tại khi ở chùa. Nghiệp lực cứ đưa đẩy bà vào từ cái đau khổ này đến cái phiền não kia. Đây là một

nhân vật được tác giả dùng để nêu ra một khía cạnh tiêu cực của vấn đề tâm linh, vấn đề tu hành. Độc giả không sao khỏi ngậm ngùi cho kiếp nhân sinh nói chung, cho nhân vật nói riêng. Nêu ra như thế, tác giả không nhằm mục đích bài xích chuyện tu hành hay nhạo báng các hành giả. Trái lại, chị đưa độc giả đối diện và quan sát chuyện phá mê diệt khổ, giúp họ thấp sáng chánh kiến khi dẫn thân vào con đường tu tập. Cái tiêu cực của chuyện vẫn dung chứa mầm mống tích cực để giúp hành giả tránh những chướng ngại và chạm bẫy do cái tà kiến tạo ra.

**Tổng kết:** Quyển tuyển tập *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Trên Quê Hương Chúng Ta* ít có những tác phẩm có ý tình chôn sâu sau mặt chữ, trừ *Cửa Tùng Đồi Cánh Gài* của Nhất Hạnh, *Con Thẩn Lăn Chọn Nghiệp* của Hồ Hữu Tường, *Một Ngày Để Tùy Nghi* của Võ Phiến... Bởi họ là những nhà văn lớn hoặc là nhà tư tưởng lớn, cho nên các nhà biên khảo và các nhà phê bình cày cục tìm tòi những ẩn dụ tư tưởng trong các tác phẩm của họ. Còn về phía các truyện ngắn của các nhà văn nữ đóng góp trong tuyển tập đó, có lẽ truyện ngắn *Lòng Trần* của Nguyễn thị Thụy Vũ được nói tới nhiều. Không hiểu các nhà biên khảo và các nhà phê bình khi đề cập tới truyện ngắn ấy đã nắm bắt những gì qua khía cạnh tâm linh? Nhưng hình như chẳng có ai nhìn nó qua lăng kính Duy Thức Học, trong đó có một phần nói về Tàng Thức. Họ chú ý tới nó vì hồi kết cuộc của câu chuyện quá bất ngờ, như trái lựu đạn nổ tung vào tín ngưỡng và vào ảo tưởng của họ. Riêng truyện ngắn *Tan Trong Sương Mù* của Nguyễn thị Hoàng, gần 50 năm qua mấy ai còn nhớ? Và chẳng có nhà phê bình nào, nhà biên khảo nào thèm đoái hoài tới nó, viết cho nó vài câu. Thật ra mấy ai chiều cảm được cái ẩn dụ của tác phẩm này? Mấy ai có kinh nghiệm khi đọc một tác phẩm văn chương có ẩn dụ? Mấy ai biết cái giá trị không nhỏ của ẩn dụ trong văn chương? Mấy ai hiểu rằng tìm được cái ẩn dụ trong tác phẩm là mở tung cánh cửa đóng kín trên mặt chữ để bước vào một chiều sâu đáng kể của nội dung tác phẩm?

Riêng về Võ Đình, độc giả chỉ nghĩ rằng anh là một họa sĩ nổi danh, còn văn chương là nghề tay trái. Bởi cái thành kiến kiên cố ấy nên họ không tìm được chất phục linh và chất hổ phách quý giá ở cây tùng sống trên vài trăm năm qua hai quyển tập truyện *Xứ Sấm Sét* và *Lầu Xếp*.

## Đàn kiến lửa

### Trường Hợp Nguyễn Thị Thụy Vũ

*Năm 1963, trên tạp chí Bách Khoa, xuất bản tại Saigon, bắt đầu xuất hiện một số truyện ngắn của một cây bút nữ lạ hươ lạ hoắc. Sự hươ, hoắc này không chỉ mang ý nghĩa một tên tuổi mới, mà, nó còn hươ hoắc ở cả phương diện nội dung nữa. Đó là những truyện ngắn ký tên Nguyễn Thị Thụy Vũ.*

*Nguyễn Thị Thụy Vũ xuất hiện trên văn đàn miền Nam khi Nhã Ca đã có một chỗ đứng riêng biệt vững vàng cả về thơ lẫn truyện; khi Túy Hồng đã định hình lấy cho mình bằng một lối văn chanh ớt, rất địa phương, rất Huế; khi Trùng Dương được nhìn ngắm như kẻ đang cầm ngọn cờ đầu trong nỗ lực đuổi theo phong trào văn chương hiện sinh; và, khi Nguyễn Thị Hoàng vừa chính ngọ với tác phẩm "Vòng Tay Học Trò," như một táo tợn bất ngờ hiếm thấy của với văn chương Việt Nam ở thời kỳ còn quá nhiều rào cản.*

*Tuy xuất hiện có phần muộn màng so với những cây bút nữ vừa kể, nhưng Nguyễn Thị Thụy Vũ cũng đã có lấy cho mình một tư thế, một móng vuốt riêng.*

*Tư thế xuất hiện mang tên Nguyễn Thị Thụy Vũ kia, là sự trần trụi của những chuyện kể mang nhiều tính tự sự về phần đời khuất lấp của cô. Đó là mặt thật của một người phụ nữ làm nghề*

dậy Anh vẫn cho những cô gái bán “bar,” cho những vũ nữ, những cô me mới tỉnh lẻ. Đó là thời điểm những người lính Mỹ ngơ ngáo, hùng hục xuất hiện trên phần đất miền Nam Việt Nam. Những truyện ngắn có cốt truyện, lớp lang đầu ra đấy, đã hấp dẫn số đông, lớp độc giả chỉ thích đọc những truyện có cốt chuyện và câu chuyện đáp ứng được tính tò mò.

Móng vuốt mang tên Nguyễn Thị Thụy Vũ kia, là những mô tả thật thà, mộc mạc với những suy nghĩ và đối thoại rất đường phố, rất gần gũi với bản năng cùng dục tính.

Không kể Nhã Ca và Túy Hồng, có một hướng đi khác; trước Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trùng Dương và Nguyễn Thị Hoàng cũng khai thác thể tài tình dục, hoặc ẩn ức tâm sinh lý như cốt lõi hình thành tác phẩm. Nhưng trước một Trùng Dương còn cố tình mặc khoác cho tình dục chiếc áo ngủ triết lý và trí thức, trước một Nguyễn Thị Hoàng còn nỗ lực son phấn, chòng chéo nhiều mẫu mã thời trang diêm dúa cho tình dục thì, Nguyễn Thị Thụy Vũ lại giữ nguyên trạng, giữ nguyên cái trần trụi, cái thô tháp rất bản năng, rất con người của tình dục. Sự trần trụi, thô tháp này, khiến không ít những người nhân danh đạo đức, nhân danh truyền thống, một thời, đã phải nhắm mắt, lên án... Và, đấy cũng là mặt thành công của hành trình vào văn chương của Nguyễn Thị Thụy Vũ vậy.

Tên thật là Nguyễn Băng Lĩnh, Nguyễn Thị Thụy Vũ sinh năm 1939 tại Vĩnh Long. Cô làm nghề gõ đầu trẻ tại tỉnh lỵ này cho tới năm 1961 thì dời lên Saigon.

(từ Du Tử Lê)

\*\*\*

Châu dẫn Biểu, người đánh xe thổ mộ đến trình diện bà Tư. Mọi việc đều thỏa thuận êm xuôi. Biểu đem một cặp vịt xiêm, hai chai rượu nếp than, một lít rượu đế xuống nhà bà mẹ nuôi để làm lễ ra mắt họ hàng bên vợ. Hôm đó, ông anh bà con của Biểu từ miệt Củ Chi cũng xuống chứng đám. Thế là Châu, hăm hở lên ngã Ba Cây Quéo để coi sóc nhà cửa cho chồng.

Bà Tư vẫn cờ bạc đều đều, vẫn chửi lộn hà rầm với hàng xóm. Cuộc đời không tiến mà cũng không lùi. Một hôm bà đang ngồi trên bộ ngựa gỗ tèm trầu thì Châu gánh một gánh rau bước vô, nét mặt lo lắng. Chị ta lột chiếc khăn rằn bịt trên đầu, lau mồ hôi, hỏn hển nói:

- Má nên lo gã chồng cho con Ngọc đi. Nó đang có chữa với thằng Chơn ở mướn cho thiếu Bảy Bụng.

Bà Tư sững sờ, chết điếng:

- Ai nói mày vậy?

- Không tin thì má thử hỏi đầu trên xóm dưới đi. Ở trong nhà chẳng ai hay mà người ngoài biết ráo trời rồi.

Bà Tư hét:

- Sao hồi đó tới giờ mày không nói cho tao biết?

- Tui thấy cũng chưa có chuyện gì. Nhưng bây giờ, nó thú thật với tui là nó có thai được hai tháng.

Bà Tư trợn mắt:

- Thiệt vậy hả? Chắc phen này tao phải đội quần hết thầy bàng dân thiên hạ xóm này còn gì.

Châu nói nhỏ:

- Thủng thỉnh rồi tính. Má làm inh ỏi lên thì người ngoài hay hết trời bây giờ.

- Mày nghĩ coi, còn non nước gì nữa mà giấu, vài ba tháng nữa là cái bụng nó thè lè ra. Bộ mày tưởng lấy thúng úp miệng voi được à?

- Minh phải o bế thằng Chơn để nó làm đám thú phạt với con Ngọc. Có vậy mới vớt vát mặt mũi mẹ con mình.

Bà Tư ra lệnh:

- Mày đi tìm con Ngọc, kéo đầu nó về đây cho tao.

Châu bước lẹ ra khỏi cửa. Bà Tư nhai nát miếng trầu, nhưng cứ sao miệng bà lạt nhách. Càng nghĩ bà càng tức âm ách. Ngọc không bằng một phần ngàn của bà thuở trước. Trong cuộc hôn nhân, bà luôn lèo lái một con ngựa ngoan hiền. Mỗi tiếng ho, mỗi cái ngáp của bà cũng đủ làm cho họ mất vía. Vừa mãn tang người chồng thứ nhất, bà nghĩ ra ý định chiêu phu. Điều kiện rất dễ dàng: nuôi bà ngày hai bữa cơm và cho tiền bà đậu vài chénh bài tứ sắc mỗi ngày. Bà không cần bông vàng, trầu rượu, heo gà gì hết.

Từ khi ý định chiêu phu của bà được phổ biến trong xóm thì biết bao nhiêu gã si tình đến quán cơm của bà châu chực. Sau hết, một tay anh chị Lăng Tô lọt vào mắt xanh của bà, nhưng trớ trêu một nỗi là gã đã có vợ. Bà vợ lớn tìm tới khóc lóc, năn nỉ bà Tư. Nhưng bà Tư thản nhiên:

- Ai mà thèm giữ chồng chị? Nó lủi đầu vô ở với tui, chớ phải tui rủ quyến gì nó đâu.

Người vợ bất hạnh từng nghe đồn bà Tư là tay đâm thuê, chém mướn nên chịu lép một bề. Bà cùng người con trai chờ bàn thờ cha mẹ chồng xuống giao cho bà Tư thờ phụng giỗ quẩy.

Trong đời tình ái của bà Tư, đàn ông chỉ là thứ Thiên Lôi để bà sai đâu đánh đó. Đàng này Ngọc khờ khạo quá, bị người tình cướp trên tay đời con gái mà không dám mở miệng buộc hẳn làm đám cưới. Được rồi, bà nhất quyết ra tay trừng trị thằng tiểu yêu đã làm bại hoại gia phong nhà bà. Bà đi xuống bếp, lấy con dao xắt chuối, cắt dưới gầm giường.

Ngọc đã về, rón rén sau lưng bà như một con mèo hoang, không dám hó hé gì cả. Châu lên tiếng:

- Nó về đó má.

Bà Tư quay lại:

- Nè con đi chó, mày cặp xách với thằng Chơn đặng nhà bà Bảy Bụng phải không?

Ngọc thốn thức gật đầu, nói:

- Dạ con dại có bầu với anh...

Bà Tư nổi xung, túm lấy tóc Ngọc:

- Mày ngựa quá mà. Bây giờ nó tính sao với mày đây?

Ngọc khóc ầm ức. Bà Tư bặt tai nằng xiềng niềng vì cái tội ngu, chứ không phải vì tội làm điểm nhục gia phong. Ngọc đáp ứng:

- Tuần sau anh đi quân dịch rồi nên anh hẹn lúc nào về phép sẽ mời ba má anh lên để nói chuyện với má.

Bà Tư rít lên:

- Mày là đồ uống máu dơ. Đợi đến lúc nó về phép thì cái bụng mày chinh ình rồi. Nếu nó thiệt bụng thương mày thì đâu có hẹn lần, hẹn lữa...

Bà Tư ngó qua Châu:

- Mày qua mời bà Bảy Bụng với thằng Chơn nhín chút thời giờ lại đây cho tao hỏi thăm vài câu chuyện... quan hệ. Đừng có lộn xộn phan phui về chuyện con Ngọc nghe chưa?

Một lát sau, Châu trở về với hai người khác. Một bà tuổi xồn xồn, bụng phệ, mặt mày sần sượng vì giấc ngủ trưa bị lũng đoạn. Gã con trai mặc quần xám, áo sơ mi trắng, chột lộ vẻ lo lắng khi thấy Ngọc ngồi củ rử ở mép giường.

Bà Bảy Bụng hỏi:

- Có đủ "tay xòe" chưa chị Tư?

- Ói, hôm nay không có cờ bạc gì hết. Tui mời chị lại nói chuyện đời cho đỡ buồn vậy thôi.

Bà Tư quay qua Chơn, chỉ chiếc ghế đầu:

- Em ngồi đây chơi.

Chơn khép nép sợ sệt. Ngọc cúi mặt nhìn xuống đất. Bà Tư đứng dậy khóa trái cửa lại, giữ chìa khóa trong túi áo, rồi thông thả nhả xác trầu vào ống nhổ và hớp nước trà súc miệng:

- Chắc cậu em cũng đoán biết tại sao qua mời cậu em qua đây? Bà gằn giọng – và gài kín cửa như vầy?

Chơn đáp ứng:

- Dạ... dì Tư có điều chi dạy cháu?

Bà Tư cười lạt, nói với bà Bảy Bụng:

- Nó là thằng làm công cho chị, tui coi như là chị thay mặt cho cha mẹ nó.

Bà Bảy Bụng hơi ngạc nhiên, ngó Chơn rồi dạy qua bà Tư:

- Gì vậy chị Tư?

- Còn chuyện gì nữa? Thằng Chơn rủ quyến con Ngọc cho tới mang bầu rồi làm lơ chị biết hôn?

Bà Bảy ré lên:

- Trời đất quỷ thần thiên địa ơi, ai mà dè.

Bà Tư ngó Chơn không chớp mắt, rồi thò tay lấy con dao xắt chuỗi Bén ngọt lạnh lùng đặt trước mặt Chơn làm Chơn xanh mặt:

- Nè, cậu em. Tui hỏi cậu điều này, nếu cậu trả lời suông thì thôi. Còn ngược lại, tui sẽ chém cậu từng lóng tay, nghe chưa. Cậu thử hỏi chị Bảy đây coi con già này hỏi xưa như thế nào. Tui coi việc tù tội như đi hứng mát Ô Cấp vậy.

Bà Bảy Bụng hạ thấp giọng:

- Chị cứ dạy cháu. Bao giờ nó không nghe thì trừng trị nó sau.

Bà Tư nhếch mép cười:

- Cậu có dám nhận là cậu đã lấy con Ngọc nhà tui cho tới nó mang bầu không?

- Dạ hai đứa con lỡ dại... thương nhau.

- Rồi cậu tính làm ngơ chuyện cưới hỏi phải không?

Chơn sợ sệt, ấp úng:

- Dạ con đã nói với con Ngọc, đợi lúc con về phép thăm nhà rồi sẽ...

Bà Tư quát mắt:

- Trời đất! Từ đây tới ba tháng nữa cậu mới tính tới chuyện cưới hỏi thì con nhỏ tui có nước đội quần thiên hạ. Bộ cậu muốn rút êm hả?

Rồi bà gằn giọng, dữ tợn:

- Tui nói cho cậu biết. Nội trong ngày mai nếu cậu không về mời ba má cậu lên đây thì tui quyết liều sống chết với cậu, nói có chị Bảy đây làm chứng.

Chơn cúi mặt buồn xo:

- Ba má cháu nghèo lắm. Dì Tư rán huờn cho con vài tháng nữa. Cần phải có vài chục ngàn mới làm đám cưới không đến nổi xập xệ.

Bà Tư lắc đầu lia lịa:

- Tui chỉ cần một lời nói phải quấy của tía má cậu thôi. Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm. Tui không đòi hỏi giết heo mổ gà gì cả.

Chơn lặng thinh. Ngọc vẫn khóc rầm rức. Bà Bảy Bụng chen vào:

- Chuyện đâu còn có đó. Để tui lãnh phần làm mai cho.

Bà Tư nhai trầu ngấu nghiến:

- Cậu phải tính cho xong trước khi cậu đi lính. Nếu không, tui sẽ chém cậu ra làm ba khúc rồi sau đó có ra sao thì ra. Nếu cậu trở mòi đoản hậu, tui nói thiệt, dẫu có chạy lên trời cũng không thoát khỏi tay tui đâu.

Bà Tư chụp lấy con dao hoa lên vài đường trông ón lạnh, rồi đặt mạnh xuống bàn:

- Bây giờ tui tu rồi đó. Nếu chuyện này mà xảy ra vào cái thuở tui còn mạnh tay khỏe chân thì không được êm thấm như vậy đâu.

Chơn đã giẫm phải ổ kiến lửa rồi. Không phải gã định đánh trống bỏ dùi, nhưng gã cần phải chờ hốt vài chân hụi để sấm một đôi bông búp bằng vàng làm sinh lễ, cùng heo gà để bày tiệc đãi đằng. Bây giờ bà Tư ví gã vào thế kẹt quá. Khắc chẳng ra, nuốt chẳng vào. Nếu bà đừng buộc gã làm con rể gì trơn thì gã đâu có lúng túng khổ sở như vậy?

Bà Tư nghiến răng:

- Cậu hứa trước mặt chị Bảy là cậu sẽ đi cưới con Ngọc đàng hoàng trong nội tuần này đi.

- Dạ... con xin phép dì Tư cho ngày mốt con mới rảnh rang công việc.

- Đâu có được. Cậu phải gặt đầu liền bây giờ hè. Cậu cưới vợ cho cậu chớ đâu có phải cho tía cậu. Nếu cậu không có tiền sắm nổi đôi bông cho nó thì tui cũng phải bù đắp, bao chi hết. Tui muốn vớt vát chút ít danh dự cho nhà tui, chớ tui đâu dám thêm tiền bạc của cậu. Con gái tui tuy buôn gánh bán bưng chớ vòng vàng đeo đở tay, có thua gì con gái ông Phủ, ông Huyện đâu mà.

Bà Bảy can:

- Chị cứ tin lời nó. Kiến trong miệng chén có bò đi đâu

- Ờ đúng vậy đó. Đừng ai giỡn mặt với con già này mà chuốc họa vào thân nghe.

Khi khách ra về rồi, bà Tư lấy cái tô đá múc nước mưa, uống ừng ực. Nước tới đâu mát tới đó.

Ngọc cầm khăn mù xoa quệt nước mắt. Cử chỉ đó làm xốn mắt bà mẹ nuôi. Bà têm trà, quát:

- Thấy con dĩ ngu si này khóc mà sao tao ứa gan? Mà lấy bậy cho sưng thây mà để cho tao phải mỗi miệng, rát nước miếng.

\*

Đám cưới của Ngọc thật đơn sơ. Bữa nhóm họ, bà Tư mời miệng chòm xóm đến nhà bà để dùng tiệc trà. Chính bà đích thân đến từng nhà trong xóm, nên khó ai từ chối.

Nguyệt thắc mắc, không biết phải mua quà như thế nào để mừng Ngọc.

Ngõi thành thạo:

- Ở đây không ai ưa nhận quà đâu. Minh đi tiền là tiện nhứt.

Nguyệt rủ:

- Chiều nay, tui đi làm về xong, tui mình cùng đi một lượt. Chị tính đi bao nhiêu coi cho được?

Ngõi nói không cần suy nghĩ:

- Qua bên đó, tui mình chỉ hóp được ly nước ngọt. Đi nhiều uống tiền. Tiền nhiều để dành cho ăn mà còn được phước hơn.

Thấy Nguyệt chưa kịp hiểu lời. Ngõi giải thích:

- Nhà đó là chùa tham. Để rồi chị coi, qua cái đám thú phạt này là họ cãi nhau giành phần chia chác. Họ ó ré, sâu xé rùm xóm, chịu đời không thấu.

Ngõi nhìn ra cửa sổ:

- Lại nữa, đi ăn cưới thì không sao. Đi ăn đám thú phạt xui lắm. Tưởng họ mổ gà, vật heo gì đó. Hên lắm mình được ăn bánh mua trong tiệm Khách Trú.

Nguyệt hỏi:

- Mình nên đi chải tóc, phun keo và làm móng tay coi cho được mắt một chút. Để u trệ người ta quờ.

- Ồ, hơi nào! Uống tiền lắm. Bộ chị tưởng bên đó dập dìu tài tử giai nhân gì sao mà phải bỏ công chải chuốt tóc tai?

Đến chiều, Nguyệt và Ngõi mặc áo đồng một màu xanh ve chai, không son phấn bước qua nhà bà Tư. Ngoài hàng ba, ánh đèn "măng sông" trong vắt quét một vệt ánh sáng vào bên trong. Tiếng radio mở ồn ào hòa lẫn tiếng ó ré của mấy người bà ngoài hẻm tưởng chừng ở đây có một đám giặc. Các bọm nhậu kéo giọng nhừa nhựa, nói những câu đầu Ngô mình Sở, không ai chịu nổi.

Bà Tư hơn hờ kéo ghế mời Nguyệt và Ngõi ngồi. Nguyệt liếc vào phía trong. Chiếc màn ni-lông trắng chen hồng lay động. Ngọc bẽn lẽn bước ra. Chiếc áo dài màu gạch thêu kim tuyến trắng bó sát lấy tám thân bụ bẫm của cô ta, và đố kỵ nước da đen mốc của cô ta. Ngọc nghiêng đầu chào hai người, Ngõi đứng dậy, cầm bao thư đựng tiền mừng trao cho Ngọc. Cô ả lí nhí cảm ơn khi Nguyệt chúc cho cô được trăm năm hạnh phúc.

Bà Tư lật phong thư không dán kín, lôi món tiền ra trước mặt Nguyệt, giọng thân nhiên:

- Châu biên vào sổ đi... Cô Nguyệt đi năm trăm đồng, còn cô Ngõi ba trăm.

Châu khom người xuống tập giấy, nắn nót từng chữ một. Nguyệt ngượng chín người. Ngõi nheo mắt nhìn qua Nguyệt, cười tinh quái.

Bà Tư mời Nguyệt:

- Mời cô Hai dùng chút nước ngọt mừng cho em đi.

Tuyệt nhiên, bà không đá động tới Ngõi. Ngọc lẹ miệng mời thay:

- Mời chị Ngõi ăn chút bánh lầy thảo.

Nguyệt hớp ngụm xá xí rồi đứng dậy kiếu từ. Khi bước ra ngoài sân. Ngõi nói nhỏ:

- Cái bọn họ tiếp khách tùy theo món tiền của người đi mừng. Phải dè, tôi không thèm bỏ tiền vào bao thư làm chi cho mắc công.

Nguyệt cười ngất:

- Từ cha sanh mẹ đẻ cho tới bây giờ, tôi chưa thấy cái đám cưới nào thâu tiền bữa bãi, kỳ quái như vậy. Thiệt, mấy người đó thấy tiền còn hơn thấy Phật.

Bỗng có tiếng ú ớ của người đàn bà vang đột ngột giữa lúc đám cưới bót ồn ào, Nguyệt đã gặp bà này một vài lần ở bên nhà bà Tư. Hôm nay, bà mặc áo dài màu hường tươi, màu áo chửi rửa tuổi tác năm mươi ngoài của bà. Bà là mẹ đẻ của Châu và Ngọc. Ít khi bà đến nhà bà Tư, trừ những ngày giỗ chạp, tết nhứt, hoặc những dịp Châu sanh nở. Bà ở miệt Hòa Hưng, suốt ngày chỉ tới các chùa lân cận, làm công quả để kiếm chác hai bữa cơm chay. Bà mê Phật còn hơn mê nhân tình. Tuy không thể đọc được kinh, không rành lần chuỗi hạt, nhưng không ngày nào bà không đến chánh điện để chiêm ngưỡng dung nhan Đức Thích Ca Mâu Ni.

Nguyệt lủi vào nhà, kéo Ngõi theo. Cả hai châu đầu ngó qua cửa sổ. Nguyệt chắc lưỡi:

- Bà già ngất mà ăn bận lòe loẹt, hực hỡ giống như ma bóng quá.

- Tuy vừa câm vừa điếc mà bà ngựa giàn trời. Bà không có chồng mà vẫn sanh con mẹ Châu và con Ngọc như thường.

Nguyệt tò mò:

- Ai lấy bà vậy chị?

- Ai mà biết. Bà Tư chưa tìm ra thủ phạm thay.

Nguyệt tinh quái:

- Không lẽ Hộ Pháp trong chùa nửa đêm tuột xuống bàn thờ để lấy bà?

- Nghe nói hồi xưa, lúc hai mươi tuổi bà Cam coi cũng ngọt mắt, sắc lẹm lảm chớ. Bà đi nấu cơm cho một tiệm sắt nguội trong Chợ Lớn. Tối, trời nực bà kê ghế bố ngoài hàng ba hóng mát. Bọn du thủ du thực nửa đêm đi coi hát về, làm bậy vài phát là bà ôm trống châu, để ra con mẹ Châu.

- Còn trường hợp của Ngọc?

- Ôi, ai mà biết. Bà đâu có nói được mà tố cáo ai? Đã vậy lại không biết chữ nữa.

Nguyệt ngậm ngùi:

- Tội nghiệp quá!

Ngõi trề môi:

- Xí, biết đâu bà sượng thứ điều bay tới chín tầng mây. Tôi hỏi chị, có ai nở gièm siểm, bắt bẻ một người vừa câm, vừa điếc không?

Bỗng Nguyệt kêu khê:

- Ủa, bà Năm Út tới kìa.

Năm Út hôm nay tô son, trét phấn, đeo cằm thạch, xách bóp đầm. Chiếc áo màu xanh thẫm điểm bông lớn bằng cái trứng gà không hợp với màu phấn tô mặt của mẹ.

Ngõi nói:

- Ý cha! Bà nịt bụng hay sao mà có eo, có eo, coi được quá chớ?

Nguyệt thường trầm trồ đôi bàn tay mềm mịn, mát rượi của mẹ. Ngón tay mẹ sưng đuột, phao móng tay hình hạt hạnh nhân, trời nóng cũng như trời lạnh đều ửng hồng. Bàn tay đó không hề làm bếp hay giặt giũ quần áo, chỉ biết xòe những lá bài tử sắc suốt ngày.

Trước kia Năm Út có nhiều tiền và cất mấy dãy phố lầu nhờ nghề cho vay đặt nợ ở mấy gánh hát để cho mượn. Thịnh thoảng, mẹ ta cũng nổi máu nghệ sĩ tính, xin soạn giả cải lương, đóng mấy vai con tỳ nữ giễu cợt với bọn hề mặt mốc, hoặc biểu diễn những màn chưng bươm bươm trước khi đoàn hát diễn tuồng nòng cốt. Sau đó, mẹ ta bị mẹ ép gả cho ông Năm Út. Thua buồn hoặc bất mãn về tình duyên nào đó, mẹ đâm ra bài bạc, bán đứt mấy dãy phố lầu rồi dọn về

đây. Ông chồng thì bán cà phê, nước giải khát. Còn mẹ vẫn đồ đen lu bù, lâu lâu bày ra bán cháo trắng thịt phá lấu hoặc cơm tấm bì.

Năm Út chợt thấy bà Cam mặc áo hường, đứng bên bình bông huệ, liền ứng khẩu hát lãnh lót:

*“ Người ngọc bên hoa, hoa ửng sáng,  
Hoa cười bên ngọc, ngọc thêm trong”.*

Mọi người cười ồ ồ. Bà Cam tuy không hiểu trọn câu nói của bà bạn hàng xóm, cũng cười bẽn lẽn, tinh tứ như công chúa bị hoàng tử ve vãn trong phim Ấn Độ.

Bà Tư mừng rỡ:

- Thiệt tao bằng bụng lắm, Năm Út à. Mà tới đây chia vui với em út, quý biết chừng nào.

Năm Út ung dung ngồi xuống ghế, lấy phong thư, liếc liếc bà Tư rồi ồm ồm nói:

- Thôi đi bà nội. Để tui nói chuyện phải quấy với vợ chồng con Ngọc một chút. Đâu, cô dâu chú rể lại chị Năm coi.

Chơn và Ngọc bẽn lẽn, bước lại. Mẹ nhìn Ngọc từ trên xuống dưới khen:

- Con Ngọc hôm nay sao đẹp mê ly quá xá. Tuy nó đen đúa, nhưng mà đen theo điệu xôi nếp than, càng ăn càng bùi miệng.

Ngọc cúi xuống cần nhẫn:

- Chị Năm... nói kỳ quá hé.

Năm Út làm bộ tỉnh khô, khẽ lấy tay nhip xuống bàn ca mấy câu vọng cổ đã thâu thanh vào đĩa hát Asia qua giọng ca của cô Tư Sặng hồi hai mươi năm về trước:

*Con ôi! Tháng Chạp tới đây là ngày tên con sẽ ghi vào cuốn sổ nhơn duyên, cung đàn bầm phím tơ loan cho trăm năm được bề chắc ơ... ơ... ơ...*

Một người đàn ông ngồi đối diện la lên:

- Đ.m... bà này ca bản xưa mùi tận mạng.

Năm Út tra gân cổ lên chót chét ca nữa. Bà Tư háy dài một cái:

- Thì mừng cho em út đi. Ca lý hoài làm tụi nó nóng ruột.

- Bất nhơn dữ không? Mà tụi nó nóng ruột... để làm gì vậy a bà Tư?

- Con nhỏ coi bộ muốn điên.

Năm Út trao phong thư cho Ngọc rồi lên giọng dạy đời:

- Nè Ngọc, chị khuyên em một câu: hễ con gái thì xuất giá thì tùng phu... Ông bà mình thường dạy như vậy...

Rồi mẹ quay qua Chơn:

- Con Ngọc thì lo bề xuất giá tùng phu, còn mà cứ việc chống khu... đẩy ghe vô ụ.

Cả đám cưới cười ồ ồ. Bên này Ngõi nằm lẩn ra “đi-văng” cười muốn hực hơi. Nguyệt cũng cười đến nỗi đau cuống họng, nặng cả ngực và muốn tróc mỡ sa.

Bên kia, Năm Út uống nước cam rồi bóc chiếc bánh ú nhai lách chách. Mẹ ông ẹo chề bai:

- Nè bà Tư, đi ăn đám cưới như vậy hoài chắc tụi nó bết mặt, có thể leo lên sân khấu vũ “xét-xi” ngon lành một cây.

Bên này, Ngõi xầm xì với Nguyệt:

- Con mẹ Năm Út chi lắm. Một khi con mẹ xì ra, ba làng bùm họng y thị cũng không kịp.

Năm Út xách bóp đứng dậy kiếu gia chủ, liếc Chơn một cái thật lẳng, rồi núng nính ngoáy cặp mông tròn vo ra cửa:

- Chị biết hai em cũng chẳng vui sướng nhiều bằng cặp vợ chồng mới cưới khác. Đêm nay, bắt quá...

Bà Tư trợn mắt, tức mình:

- Con đĩ heo nái, ăn nói vô duyên.

Năm Út hát lãnh lót:

*“Đêm nay đây sướng mỗi mê  
Đường đi nước bước đi về từ lâu”*

Năm Út vừa bước ra hẻm, chợt thấy Ngõi và Nguyệt thập thò ở khung cửa sổ vàng rực ánh đèn liền bước vào. Nguyệt niềm nở mời mẹ ta ngồi và đưa cái quạt phát giấy cho mẹ quạt.

Ngõi cười:



- Bà này ư soi bói chuyện của người ta hoài. Nhè chỗ nhột của người ta mà cù lét chớ.

Năm Út liếc qua bên nhà bà Tư:

- Con Ngọc muốn tiệm may nào may áo không biết mà khi ngó vào là thấy cái bụng nó nổi tròn vo, ngứa mắt quá chừng.

Ngõi hăm he:

- Xong đám cưới, bà Tư sẽ đào mồ cuốc mả ông bà, ông vài chị đa.

Năm Út cười tồn tên:

- Sức mấy. Bả là anh hùng một cõi, còn tao đây là đồ xả rác hay sao? Hồi xưa tao cũng cầm đầu một toán đánh ghen tập thể, ở miệt Lăng Tô, Tân Thuận, thử hỏi ai mà không biết?

Ngõi bật cười:

- Chị bảnh quá he? Vậy thì chết thiên hạ còn gì?

Năm Út trề môi:

- Chẳng bảnh, chẳng bao giờ hết. Nhưng ai bảnh hơn con này chắc là khó sống.

Đám cưới tản mát dần. Trời tối mịt ở ngoài cửa sổ. Nguyệt sửa soạn khăn mặt, đi tắm. Đồng đi chơi cũng vừa về. Cả hai qua nhà Ngõi dùng cơm không chờ Đăng vì Đăng đã dọn trước là tối nay chàng đi coi hát bóng tới mười giờ mới về.

Cơm nước xong xuôi, Đồng đi ngủ sớm. Nguyệt bụng hộp đồ thêu ra, tản mẩn thêu thùa cho qua một buổi tối. Ngõi sau khi gội đầu xong, bước qua nói chuyện khào.

Con nít xúm lại la ó rùm beng ở dưới mái hiên nhà bà Tư. Chúng xúm quanh bàn bầu cua cá cọp, sát phạt nhau từng đồng bạc nhỏ, nhưng không kém hào hứng.

Năm Út bước lại thùng chứa rác, bỏ vào đó xác vỏ quít, ngứa miệng:

- Tụi bây, đừng có làm om xòm. Để chị Ngọc bây ngủ cho khỏe để nó kiếm con.

Khi bọn tiểu yêu tản mát thì Năm Út lẫn Tư Búp bước vào nhà Nguyệt. Tư Búp nói nhỏ:

- Có con trong bụng rồi mà còn kiếm nổi gì? Chắc là thằng Chơn chỉ có nước tráng men cho đứa nhỏ...

Năm Út nói:

- Có chữa rồi nên kiêng cử ăn nằm với chồng họa may con cái sau này thông minh, học giỏi.

Đèn bên nhà bà Tư, không hiểu sao, tắt lịm. Bà loay quay lo thấp đèn dầu, và bắt đầu cằn nhằn, trách móc Tư Búp giễu cợt tầm rỗng, ăn nói xô bồ xô bọn.

- Tui lóng rày sức tàn vóc mỗi rồi. Hồi trước, con vợ thằng Út mà nói giọng đó, tôi xé nó tét háng.

Ngõi xuí bậy:

- Bả chửi chị kia. Ăn thua đủ với bả cho tụi này xem chơi.

Năm Út cười:

- Ôi, hơi nào, bả nói lén mà ai thềm chấp nhứt.

Bà Tư bước ra hiên nhỏ xác trâu, liếc sang nhà Nguyệt, nét mặt cùng hung cực ác. Khuôn mặt bà nhiều thịt húp như bị chứng phù thũng không thể làm giảm ánh mắt sắc sảo và cặp mày xéch ngược, đầy uy quyền.

Bà nói với bà Bảy Bụng:

- Chi Bảy nghĩ coi. Con cháu tui tuy là nghèo hèn vậy chớ cũng được một lần cưới hỏi rõ ràng. Mấy con đĩ chung quanh đây ganh ghét, xàm xì nói hành nói tỏi. Mà nói cho cùng, nếu lấy trước cưới sau, nó cũng chỉ lấy có một thằng. Còn cái thứ đàn bà dâm dăng nay cụp thằng này, mốt cụp thằng nọ. Đã vậy, mà mấy con đĩ trời đánh thánh đâm đó không biết vinh, biết nhục, cứ xáp lại nói xóc óc mẹ con tui.

Bà Bảy cười hèn hèn:

- Ôi, hơi nào chị để ý chuyện tẹp nhẹp đó? Họ nói gì mặc họ. Minh tử tế, đàng hoàng thì mình biết.

Năm Út, Tư Búp, lẫn Ngõi bị một câu “bút mây động rùng” ấy, nhột nhạt, xốn xang. Tư Búp trề môi:

- Tưởng bà tử tế gì đó. Cái thứ đoạt chồng thiên hạ, ác đức, tội lỗi dẫu tắm nguyên con sông Đồng Nai cũng chưa rửa hết tội.

Năm Út nhún vai:

- Nghe nói hồi xưa bà dựng bằng kén chồng. Trời ơi! Đĩ ngựa một cây đó.

Không khí hai bên bắt đầu căng thẳng. Nguyệt muốn tìm chỗ trốn để khỏi nghe hai bên chửi bới lẫn nhau. Nàng miễn cưỡng ngồi tiếp khách, lòng hồi hộp. Ngồi đứng dậy, Tư Búp trề môi, nói khích:

- Mà chạy mặt bà Dạ Xoa đó rồi hả?

Ngồi ngoảnh lại:

- Có muốn sanh sự với bà thì làm ơn ra khỏi nhà chị Nguyệt, kéo chỉ mắc họa lây.

Năm Út đứng dậy:

- Mà làm bộ biết điều, còn tui tao là hạng ăn ở bội thiên nghịch địa vậy.

Tư Búp mỉm cười rồi ngáp ồm ồm, nhìn qua bà Tư giọng châm biếm:

- Làm gì mà mình lúc nào cũng buồn ngủ y như là đàn bà có chữa vạy cà?

Năm Út cười:

- Tại mang tiếng đ... bậy nên có chữa chớ sao.

*(Văn – Xuân Quí Sừu - 1973).*

*Bản của Ấn Thư Quán*

## Câu chuyện về một "Muống Nước Mắm" của Nguyễn Thị Thụy Vũ Jennifer Trần

Câu chuyện về một "Muống Nước Mắm" của Nguyễn Thị Thụy Vũ.

Nhưng câu chuyện về một Deep South của Quentin không chấm dứt với chiến tranh. Đại tá Sutpen về nhà, [Quentin] nói, để thấy rằng vợ đã chết, con trai, một kẻ trốn chạy, những nô lệ của ông phân tán (họ bỏ chạy trước khi được giải phóng bởi quân đội Union), và hầu hết đất đai của ông bị trưng thu do nợ nần.

(Malcolm Cowley giới thiệu William Faulkner, trong *The Portable Faulkner*, nhà xb The Viking Press New York)

"Tại sao anh thù ghét Miền Nam?", Shreve McCannon hỏi, sau khi nghe xong câu chuyện – "Tôi không thù Miền Nam", Quentin trả lời liền lập tức. "Tôi không thù Miền Nam," anh lập lại, như thể nói với tác giả, và với chính mình. Tôi không thù .... Tôi không. Tôi không thù! Tôi không thù!

William Faulkner. *Absalom, Absalom!* (1936)

Trong số những truyện ngắn của Thụy Vũ, có một, ít được nhắc tới, nhưng có lẽ đây là truyện ngắn hay nhất của bà, cho thấy cái mạch ngầm của 'dòng văn học miền nam': thiên về tâm linh, và nó 'nhập thể' qua hình ảnh của một đạo gia hơn là của một nhà văn. Đây là điểm thật khác biệt giữa hai dòng văn chương, một mang "chiến đấu tính", và một tuân theo sức mạnh vô hình, của điều được gọi là "thiên tài của nơi chốn", hay của Thần Đất (genius loci, the spirit or guardian deity of the place).

Đó là câu chuyện về một người đàn bà, hình như một 'Chị Hai' trong một gia đình miền nam. Chị Hai nhiều khi không hẳn là một ruột thịt trong gia đình, mà chỉ là một người làm công lâu đời, người viết không khỏi liên tưởng tới người vú da đen, trong *Âm Thanh và Cuồng Nộ* của William Faulkner: những con người gìn giữ lương tâm của cả một miền đất. Malcolm Cowley viết về những nhân vật của Faulkner: dù anh hùng, hay tiểu nhân, họ có một cảm quan kỳ cục: nhẫn nhục với số mệnh của mình (They... carry, whether heroes or villains, a curious sense of submission to their fate).

Bà Chị Hai của Thụy Vũ, suốt đời ăn chay niệm Phật, tới phút hấp hối, bỗng muốn được hưởng mùi trần: hãy cho tôi ném thử một muống nước mắm! Thế là có người thì giẫy nẩy, đây là Quỷ ám, cản trở không cho bước vào cõi Phật. Họ viện dẫn, ngay cả Đức Phật trước khi đắc đạo, trước nhìn ra ý nghĩa đau khổ của cõi đời sinh tử lão bệnh, và tìm ra được giải thoát ra khỏi vòng luân hồi, cũng đã từng bị Quỷ ám ảnh. Có người gật gù, phải thực hiện ước vọng cuối cùng của một linh hồn trước khi lìa đời....

Tôi không nhớ Thụy Vũ đã 'quyết định' ra sao, về nhân vật của mình, "chấp nhận luân hồi, anh bước vô", hay là...

Theo tôi, câu chuyện muống nước mắm của Thụy Vũ nằm trong dòng văn chương "tâm linh", như một "Con Thần Lăn Chộn Nghiệp" của Hồ Hữu Tường. Hay một Cửa Tùng Đồi Cánh Gài, của Nhất Hạnh. (1)

Ở hải ngoại, chúng ta thấy không khí tâm linh này thấp thoáng ở một số tác giả như Miêng, Phạm Hải Anh...

"Hãy nói về Miền Nam", một người bạn học ở chung phòng tại Harvard nói với Quentin. Một tay người Canada tên là Shreve McCannon vốn tò mò về một vùng đất chẳng ai biết (unknown) vượt bên ngoài Ohio. "Nó ra sao", anh ta hỏi. "Người ta làm gì ở đó? Tại sao người ta sống ở đó. Tại sao người ta sống, vậy đó?"

Nổi bật khoản về một miền đất quá bên kia dãy Trường Sơn, có thời được coi là Hoành Sơn Nhất Đái, Vạn Đại Dung Thân, nhưng bắt đầu trở thành "unknown", không phải với một người Canada, mà là với chính mình, đó là một ám ảnh viết mở ra Khung Rêu, của Thụy Vũ:

"Từ hồi nhỏ, tôi phải chịu đựng một ám ảnh thường xuyên: sự suy sụp bệ rạc của một gia đình thịnh mãn ở Miền Nam. Nguyên nhân chính của sự suy sụp này thì ai cũng biết: chiến tranh... Khi khởi công viết quyển truyện này, tôi đặt trước cho mình một chủ định: ghi lại cái ám ảnh từ thuở nhỏ đại đó của tôi, trong ước vọng, một lần nữa, giải tỏa nó cho xong".

Khung Rêu, tác phẩm được giải nhì văn học toàn quốc (1970) làm độc giả say mê Faulkner nhận ra trang trại nhỏ nhỏ có tên là Sutpen's Hundred, lọt thỏm trong Thiên Đàng Giả Tưởng: Xứ Yoknapatawpha (The Yoknapatawpha Country) của ông. Khung Rêu, qua tóm tắt của Vương Trùng Dương, trong bài viết Nguyễn Thị Thụy Vũ Giữa Dòng Đời Nghiệt Ngã: "Bối cảnh câu chuyện xoay quanh gia đình ông Phũ, điền chủ, quan lại, giai đoạn về hưu. Nhìn bên ngoài gia đình giàu sang nhưng bên trong từ ông Phũ đến con cái chẳng ra gì, con trai có đứa thì chơi bời trụy lạc, đứa thì dốt nát, con gái có đứa lẳng loạn, đứa thì thất tình hóa điên, đứa thì ái nam ái nữ. Ông Phũ lấm vợ nhưng đầu óc đầy nhục dục, hăm hiếp người làm trong nhà tuổi bằng con cái... tạo ra thảm kịch, băng hoại của gia đình đến thời suy sụp"

Như trên cho thấy, Thụy Vũ đổ cho chiến tranh gây nên sự suy sụp. Nhưng Faulkner nhìn xa hơn, ông cho rằng sự suy tàn của Miền Nam, là do chính những con người của nó. Như Malcolm Cowley chỉ ra: Miền Nam Sâu Thẳm được cai trị bởi những điền chủ, một số là quý tộc như bộ lạc Sartoris, trong khi một số khác, là dân ở đâu mới tới, như Colonel Sutpen. Cả hai đều cùng chung một mục đích: xây dựng một trật tự xã hội lâu dài, trên một vùng đất họ cướp được từ những người thổ dân da đỏ. Đầu óc thẳng băng, sống theo một qui luật nhất định (fixe code), nhưng "sâu thẳm" ở trong họ, là một ám ảnh tội lỗi, ở trong cách sống của họ, ở trong mơ ước tạo lập thiên đường hạ giới của họ (but there was also an inherent guilt in their "design", their way of life); và chính chế độ nô lệ mà họ bắt dân da đen phải chịu đựng, đã gieo vào mảnh đất một lời nguyền, và từ đó, là Cuộc Nội Chiến. Như trong thư của Faulkner viết cho Cowley, đám con cháu của Sutpen đã coi ông như là một thứ rác rưởi, đồ trôi sông lạc chợ (trash, originless), nhưng lại cảm thấy được an ủi, bởi sự kiện: rằng một người như Sutpen, giấc mơ của họ mới cao làm sao, nhưng chỉ đủ sức mạnh, và sự dẻo dai, để thất bại một cách thật là cao cả (the fact that a man like Sutpen 'could only have dreamed so high but have had the force and strength to have failed so grandly.) Do đó, không phải do tính tình, mà chính là do số mệnh, mà Sutpen trở thành một nhân vật mang tính biểu tượng của Miền Nam.

Faulkner thường được coi như là một "ông già nhà quê", với độc giả người Mỹ. Và không phải nước Mỹ, mà là thế giới, đặc biệt là nước Pháp, đã "khám phá" ra ông. Nếu trí nhớ không phản lại người viết, khi ông được Nobel văn chương, tờ NY Times, trong một bài báo đã "cảnh cáo" độc giả nước ngoài: đừng nghĩ rằng ở Mỹ, nơi nào cũng có những thảm kịch loạn luân, thù hận da đen, như trong tiểu thuyết của Faulkner mô tả.

Cuộc Nội Chiến, kết quả của nó, là một nước Mỹ hùng cường ngày nay. Liệu một khi người Mỹ nhẩy vào Miền Nam Việt Nam, họ có mơ tưởng một lập lại lịch sử của chính họ, tại một vùng đất "unknown" nơi đầm lầy nhiệt đới Việt Nam? Và họ đã thất bại một cách thật là cao cả? Trên đây chỉ là một "giả tưởng", của người viết bài này, nhưng trên thực tế, với tác giả Thụy Vũ, nó là một hy vọng thực sự, nếu chúng ta để ý đến hoàn cảnh gia đình của bà, mà như tác giả Vương Trùng Dương, qua bài viết đã dẫn ở trên: "Nguyễn Thị Thụy Vũ tên thật là Nguyễn Thị Băng Lĩnh, sinh năm 1937 tại Vĩnh Long. Nhà văn sống giữa lằn ranh Quốc-Cộng trong gia đình. Vì sống giữa lằn ranh đó, Nguyễn Thị Thụy Vũ đã gánh chịu bao điều ngộ nhận về khuynh hướng chính trị... thân phụ là nhà thơ Mặc Khải, tác giả Phấn Nội Hương Đồng. Mặc Khải nằm vùng, hoạt động cho Cộng Sản...". Nếu Thụy Vũ cho rằng chiến tranh là duyên do của suy sụp, nhưng bởi vì "sống giữa lằn ranh", bà cũng còn tin tưởng, chiến tranh dưới dạng giải phóng, là khởi đầu một hưng thịnh của nó.

Chú thích:

(1) Người viết xin tóm tắt sơ qua, cái nghiệp của một con thần lằn. Tác giả của nó, Hồ Hữu Tường, theo người viết, cũng là một thứ đạo gia, xuống núi hành hiệp, qua những vai trò: hiệp sĩ, khi chấp nhận triết lý hành động của một Đệ Tử, nhà văn, khi viết Phi Lạc, thiền sư, trong Trầm Tư Của Một Tên Tội Tử Hình, và sau cùng, một người dân Miền Nam, như tất cả mọi người, sau 1975.

Câu chuyện Con Thần Lằn mở ra tại một ngôi chùa hẻo lánh, tại một miền đất xa xôi. Bữa đó, có hai người khách lãng du tình cờ ghé qua. Đứng vào ngày cuối cùng, trước khi quyết định lên giàn hỏa tự thiêu của vị sư trụ trì. Nhân câu chuyện lúc cùng khách, vị sư cho biết, ông đã tụng đủ mấy ngàn lần một bộ kinh, và theo như truyền thuyết, sau khi tụng xong lần cuối cùng vào tối nay, ông sẽ lên giàn hỏa, tự thiêu, và sẽ thành... Phật. Hai ông khách, khi về phòng riêng, nói chuyện với nhau, cho rằng nhà sư đã hiểu lầm ý nghĩa của bộ kinh, hơn nữa còn hiểu sai Phật Giáo, vốn cấm con người tự huỷ mình. Không ngờ khi họ nói chuyện, con thần lằn trong chùa đã nghe được. Đây là một con thần lằn đã tu nhiều đời, hiểu được tiếng người. Và nó cũng đã tin tưởng như nhà sư, và cũng tính theo ông lên giàn hỏa, sau khi nghe ông tụng xong lần cuối bộ kinh. Thế là con thần lằn cố tìm cách cứu mình, và cứu vị sư. Bằng cách uống dầu đèn, nó làm cho vị sư không làm sao tụng xong lần thứ... chót của bộ kinh, để lên giàn hỏa tự thiêu. Vị sư sau cùng khám phá ra, và tiện tay cầm vò tụng kinh, ông đập chết con thần lằn, rồi tụng tiếp, và tự thiêu. Hồn cả hai lên gặp Phật. Phật quở vị sư, tu mà còn đủ sân si, lại còn thêm tội sát sinh, bắt trở lại làm người, tu tiếp. Còn con thần lằn, Phật giải thích, tuy đã ngộ ra được một phần chân lý, nhưng phương tiện "nuốt dầu" như thế là còn có tính "bạo động", ép buộc, và "ngẫu nhiên". Phật cho phép con thần lằn được tự chọn nghiệp, trước khi đầu thai, và phải "độ" cho được, tất cả con số chúng sinh đầu thai thành người, từ tro than của "nhục thân" một con thần lằn, tức là kiếp trước của nó. Như người viết còn nhớ, truyện lần đầu chấm dứt ở đây, nhưng sau đó (trên tờ Văn ở Sài Gòn, sau 1954, trước 1975), tác giả viết thêm, cho con thần lằn đầu thai, làm một nhà văn hóa.

Liệu có thể coi Cửa Tùng Đồi Cánh Gà, là một tiếp nối Con Thần Lằn Chọn Nghiệp? Đây là câu chuyện một vị sư trẻ xuống núi hành hiệp, mang theo một cây gươm, và một cái kiếng chiếu yêu. Nhờ kiếng chiếu yêu, chàng dũng sĩ trong chiếc áo thầy tu đã dùng cây kiếm trừ khử được rất nhiều yêu quái lột người... nhưng dần dần, anh ít sử dụng tới kính chiếu yêu, và do đó, cũng ít phải có dịp rút kiếm ra khỏi vỏ, như thể thiên hạ đã hết cả yêu quái... Rồi tới một

ngày kia, nhớ thầy, nhớ chùa, anh trở lại. Cửa chùa ngày anh còn, thường luôn luôn mở rộng, sao nay khép lại, trước anh? Buồn rầu, anh ngồi bên con suối xưa, thấy bóng mình trên dòng nước: một con người mệt mỏi, chán chường... Anh tự dưng có ý định soi một lần bóng mình, trên kiếng chiếu yêu... và rụng rời thấy, một con quỷ trên mặt suối giận dữ nhe nanh...

Không hiểu Hồ Hữu Tường đã từng đọc Nhất Hạnh, và tự hỏi như trên: liệu có thể coi Cửa Tùng Đồi Cánh Gà là một tiếp nối Con Thần Lăn, và vị dũng sĩ thiền sư đã thất bại, như chính ông đã từng thất bại... ?

Và Nhất Hạnh, đã có lần nào đọc (lại) Cửa Tùng?

\*\*\*

**Phụ đính:**

## Một buổi chiều

... Đối với những anh em văn nghệ ở ngoài tòa soạn đó, tôi là Nguyễn thị Thụy Vũ. Nhưng đến nó tôi vẫn là cô Nguyễn Băng Linh. Tất cả xem tôi như một người thân. Anh em tòa soạn đó đã từng chứng kiến tôi trong lớp gái Lục Tỉnh bước lên Sài Gòn, thường đỏ mặt tía tai mỗi khi nghe những câu hỏi tếu của bất cứ ai. Tôi đến tờ tập san đó bằng thái độ e dè, có cảm tưởng mình làm văn nghệ như mình hát xiếc trên hai sợi dây căng ngang tít trên cao. Tôi đã nhận năm trăm đồng tiền nhuận bút ở tác phẩm truyện ngắn đầu tay do ông chủ nhiệm đưa. Năm trăm đồng bạc thuở đó cũng như năm ngàn đồng bạc bây giờ chứ ít ỏi gì sao. Nhưng thuở đó sống trong sự bảo bọc của cha mẹ, tôi viết văn vì thích viết mà thôi. Năm trăm đồng chỉ làm cho tôi nghĩ rằng, bài mình được một tạp chí "lớn" đóai hoài tới. (trích *Những Dòng Mực Cuối Năm*, đăng trong số này)

### 1.

Con đường Võ Tánh đưa tới Bảy Hiền cho tôi một ý nghĩ là lạ: quen thuộc mà dửng dưng. Tôi đi trên con đường ấy nhiều lần, nhưng ý nghĩ ấy không thay đổi. Tôi còn xa lạ đối với không khí Thủ Đức. Tôi chẳng thấy ở đây có chút một gì vui tươi. Ở đây nhộn nhịp, nhưng tôi có một thế giới riêng, thế giới tẻ ngắt, như lúc tôi sống ở Long Xuyên.

Chiều thứ bảy hôm nay, đường Võ Tánh vẫn vắng. Ở đây gần như ở ngoại ô. Ngồi trên chiếc Vélo Solex, tôi không buông hết ga. Chiếc Solex bò từ từ gần như là chiếc xe đạp. Tôi đi qua những mái nhà lợp xúp, rải rác hai bên lề. Thịnh thoảng vài anh chàng trẻ tuổi, cặp tay một ả mặc jupe bó sát lấy cái mông đầy thịt, từ trong ngõ vắng đi ra. Đường này ít xe cộ. Tôi qua khỏi Lăng Cha Cả, qua một nghĩa địa của người Pháp với những ngôi mộ vuông mang những chữ thập trắng thẳng hàng. Sự lặng lẽ trên con đường này càng tăng thêm. Thịnh thoảng một chiếc trực thăng vượt ngang đầu tôi xé tan cái không khí yên lặng của nghĩa địa.

Tôi đã đến cổng nhà một cô bạn người Mỹ. Con đường vào nhà nhỏ hẹp, hai bên viền cây ngọc lan, dẫn tôi đến một biệt thự trắng xóa ẩn một nửa dưới chòm cây. Tôi đi vòng sau bếp, rồi leo lên thang gác. Ở đây, tôi có thể nghe tiếng đoàn quân xa chạy rần rộ bên đường Lê Văn Duyệt. Tôi lò mò lên phòng Martha Smith, cô bạn gái kiêm cô giáo tôi.

Đáng lẽ giờ này Martha còn đi bơi ở hồ tắm Cộng Hòa, nhưng nàng đã hứa tiếp tôi. Bước nhẹ vào phòng, tôi đến bên cạnh nàng, nhưng nàng chưa hay biết. Martha đang mê mải đọc một tờ báo Việt vì nàng cũng đang trau dồi Việt ngữ.

Tôi kêu lên:

- Hi! Martha!

Nàng giật mình buông rơi tờ báo, vỗ lấy vai tôi:

- Tôi sẽ đi Vũng Tàu tuần sau. Bây giờ tôi dành cho chị cả buổi chiều này.

Martha hơi nhỏ nhắn đối với gái Tây phương. Nàng có lần hỏi tôi:

- Này Linh, chị trông tôi giống gái Tàu không?

Thật vậy, nàng giống ả xẩm nếu mái tóc nàng đen. Tóc Martha hót kiểu Jeanne d'Arc. Nàng ít mặc đầm, chỉ thích mặc quần tây, áo sơ-mi ngắn. Trông Martha có vẻ thể thao lắm. Nàng bảo rằng nàng ưa hát tiếng Việt mặc dù giọng còn cứng lắm, và nàng lại có biệt tài bắt chước các ca sĩ Việt Nam. Tôi vội khai thác ngay:

- Martha! Hát tặng tôi một bản nhạc Việt đi. Nàng nhận lời ngay, không từ chối. Bỗng nhiên Martha đứng phắt dậy, xách cái đàn Guitare ra. Cô ta đặt cây đàn dựa vào thành ghế.

- Linh! Thí dụ đây là máy vi âm. Và hôm nay tôi hát tặng chị bản "Mưa Rừng".

Bất chợt, Martha móc chiếc khăn tay ở túi. Tay trái cầm khăn, tay mặt vịn cái cán đàn. Tôi hiểu ngay, nàng đã quan sát tỉ mỉ các nàng ca sĩ Việt Nam. Tôi vụt cười thành tiếng. Lúc đầu, Martha làm ra vẻ mơ màng. Sau đó nàng cầm khăn mùsoa vừa hát vừa chớp mắt lia lịa, vừa nhún nhảy.

Hát xong, nàng hỏi tôi:

- Tại sao các cô ca sĩ Việt Nam khi trình diễn lại cầm khăn tay?

Tôi không biết giải thích thế nào cho ổn. Sau đó, tôi nói bằng một giọng rầu rĩ:

- Vốn đa cảm, họ phải cầm khăn tay theo để phòng khi họ khóc. Nhạc buồn dễ làm cho người Việt chúng tôi khóc lắm.

Martha ngạc nhiên rồi ngẫm nghĩ:

- Nhưng tôi gặp họ trình diễn nhạc nhộn mà. Và lại khi hát họ tươi cười.

Tôi nói liêu:

- Họ cười, nhưng họ khóc sau hậu trường.

Martha cười nghiêng ngửa. Sau màn ca hát, Martha đi pha trà. Nàng vừa làm vừa hát khe khẽ. Điệu bộ nàng nhí nhảnh. Sau vài phút, chúng tôi ngồi bên nhau nói chuyện tâm tình. Giọng Martha không vui tươi như lúc đầu. Tôi tấn công nàng:

- Sao chị sang đây một mình? Chị không nhớ nhà sao?

Martha nhướn mày so vai.

- Cũng đôi khi thôi, chị à! Nhưng tôi thích xa nhà. Tôi muốn tìm không khí mới, và lại tôi muốn... gặp chị như hôm nay đây.

Martha lấy điều thuốc, rồi bật que diêm. Dáng điệu nàng chậm chạp như để xếp lại quá khứ cho có thứ tự. Khi làn khói xám từ trong miệng nàng bay ra, nàng duỗi người trên ghế sofa, mắt nhìn lên trần nhà:

- Linh à! Sở dĩ tôi sang đây vì tôi thất tình. Tôi yêu một thanh niên cùng học ở Michigan, nhưng... chàng ta có người đẹp khác. Chán quá, tôi thích thay đổi cái không khí lạnh lẽo của quê tôi và tìm đến xứ chị để được ấm áp hơn.

- Nhưng chị còn đi đâu ngoài Việt Nam không?

- Có chứ. Tôi sẽ đi Nhật, Thái Lan và Cambodge nữa. Chưa đi các xứ sở đó nên tôi cảm thấy quê chị cho tôi khá nhiều kỷ niệm đáng nhớ.

Tôi cảm ơn nàng bằng một cái nhìn âu yếm.

- Chị sẽ làm gì sau khi chu du Á Châu?

- Dĩ nhiên là tôi về quê hương sống ở nông trại dưỡng già và viết hồi ký. Thế nào trong trang đầu hồi ký của tôi, chị cũng là nhân vật đáng kể.

Bỗng nàng dụi điều thuốc chỉ cháy một nửa, rồi ngồi phắt dậy như cái lò xo:

- Này Linh! Sắp tới giờ Bill đến thăm tôi đây.

Tôi vội xin phép ra về, nhưng Martha níu tôi lại:

- Sao lại về? Hôm nay tôi dành cho chị một sự ngạc nhiên.

Cứ ngồi đây chờ tôi một tí đi.

Không hiểu sao tôi ngoan ngoãn ngồi lại chỗ cũ.

Martha vào phòng riêng khép cửa lại.

Tôi nhìn quanh quất. Căn phòng hình chữ nhật, sơn trắng xóa. Giữa nhà, một bộ xa-lông nệm mousse màu nâu thẫm. Chiếc ghế sofa kê sát tường, bên cạnh cái pick up, và đối diện kệ sách báo rất ngăn nắp.

Có lần Martha bảo: "Tôi chừng dọn phòng này sơ sài nhưng nó có cái nghĩa riêng của nó. Mỗi lần đi làm về, tôi nằm trên chiếc ghế này hút thuốc. Lúc đó tôi quên rằng tôi sống xa nhà, chị ơi! Vì cái phòng này giống hết phòng mà má tôi dành riêng cho tôi lúc tôi còn ở Texas. Chỉ thiếu cái lò sưởi kiểu cổ đun bằng củi thôi.

Trong không khí yên vắng, bỗng vang tiếng thụ cầm của bà mục sư già gần bên làm tôi dễ buồn ngủ.

## 2.

- Linh mạnh đấy chứ?

Tôi quay lại. Bill đã đến bên tôi. Chàng niềm nở bắt tay tôi. Bill to lớn, mắt chàng trong xanh như đôi mắt mèo. Tóc chàng hoe vàng, màu của dây tơ hồng bò trên hàng giậu. Tôi quen Bill qua một cô bạn rồi Bill mời chúng tôi đến nhà. Bill đưa chúng tôi thăm trại gia súc ở Bảy Hiền. Bill thích pha trò và rất lịch sự. Có lần Bill lái xe đưa chúng tôi đi thăm trại heo giống. Đến chuồng những con heo khổng lồ, chúng tôi phải bưng lấy mũi vì cái mùi bất hủ của chúng nó. Bill thấy chúng tôi tỏ vẻ khó chịu liền cười khanh khách:

- Linh! Tôi đưa Linh vào hãng nước hoa đấy!

Bill đưa chúng tôi từ chuồng heo đến tàu ngựa. Mỗi nơi Bill giải thích một cách dí dỏm. Ngoài những lúc đi thăm trại gia súc, Bill còn chịu khó dạy tôi học Anh văn. Bill thân với tôi ngay từ đầu. Bill có lần bảo:

- Linh! Tôi thích có những người bạn gái Việt. Sao họ lành quá. Đẹp nhất là lúc các cô thẹn thì dễ mếu mị.

Bill đưa mắt đảo khắp gian phòng. Tôi hiểu ngay là Bill muốn hỏi tôi về Martha:

- Đợi một chút, Bill. Martha sẽ cho lũ chúng mình một sự ngạc nhiên. Chờ xem!

Bill ngồi xuống cạnh tôi cười vợ vắn. Bốn mắt chúng tôi dán lên cánh cửa phòng nàng và chờ đợi. Cửa phòng bật mở. Martha hiện ra với chiếc áo dài Việt Nam màu hồng, tay cầm chiếc nón lá. Nàng ngạc nhiên hơn, tóc nàng biến thành dài, đen óng và bỏ xõa trước ngực (đó là mái tóc già). Nàng chậm chạp tiến về phía chúng tôi trịnh trọng cúi đầu.

- Chào Bill. Linh xem tôi thế nào?

Bill cười:

- Martha! Em tuyệt thật!

Martha quay sang tôi, bảo:

- Linh! Tội mình đi chơi phở. Có tội hẳn chị không từ chối đi với con trai Mỹ chứ?

Tôi gọi:

- Kia Martha, sao lông nheo chị lại nâu vàng vậy?

Martha kêu lên:

- Ấy chết! Tôi quên.

Martha chạy xỏ vào phòng, ngồi lại bàn trang điểm. Tôi bỏ Bill ngồi đó, vào ngồi bên nàng để làm cố vấn sắc đẹp cho nàng. Martha lấy cái bàn chải nhỏ đánh cho đôi hàng lông nheo biến thành đen nhánh. Martha nhìn lần nữa vào gương, mắt nàng mơ màng, miệng nàng cười đắc ý. Nàng chạy đến bên Bill, giục:

- Đi, Bill! Hôm nay anh đi dạo với hai cô con gái Việt. Linh, thôi chúng mình ra xe đi.

Tôi mượn có bận việc vì tôi có mặc cảm bây giờ mình là người thừa. Bill Chilion là bạn của tôi, Martha Smith quen với Bill do tôi giới thiệu. Bây giờ hai người yêu nhau.

### 3.

Tôi chưa chịu trở về căn nhà trọ ở Hàng Xanh. Tôi cho xe chạy ra bến Bạch Đằng. Trời tối hẳn. Cuộc sinh hoạt ở đây náo nhiệt hơn. Phần nhiều người ta đi chơi có bè có bạn. Làm một cuộc phiêu du đơn độc, tôi bỗng có cảm tưởng thiên hạ quên tôi. Tuy vậy, tôi thấy dễ chịu. Pho tượng hai bà Trưng đặt giữa công trường Mê Linh dường như lãnh đạm ngó xuống lớp người nhón nháo chung quanh. Tôi gửi chiếc Solex, rồi thơ thẩn trên những lối đi trải sạn, giữa những bồn cỏ hình vuông dài, những cây liễu trồng giữa bồn ủ rữ dưới ánh điện lơ mờ. Tôi men lại bể cá vàng giữa công trường. Cuộc sinh hoạt của loài cá rục rờ này cũng nhộn nhịp. Tôi mua một gói bấp rang bơ, rồi thả từng hột xuống bể cho chúng đớp.

Tự nhiên, tôi buồn rữ. Martha xa nhà thiếu hẳn tình thương gia đình, nhưng bù lại nàng được nhiều người say mê. Nàng có nhiều mối tình. Sắc đẹp Á Đông của nàng dễ quyến rũ những người chuộng vẻ đẹp xa lạ như Bill.

Tôi xa gia đình và rất nhớ Duy. Tôi nhớ những khi tôi chưa lên Sài Gòn, chiều nào Duy cũng đưa tôi đi chơi phố.

Bây giờ, tôi bỗng như người vô hồn giữa phố đông xa lạ. Cảnh vật vẫn hoạt động theo nhịp điệu cũ, như không buồn ngó ngang đến tôi như những chiều trước. Và Duy không có ở đây. Hình như tất cả đều quay mặt không nhìn tôi.

Thuở đó, ba má tôi xuống Sóc Trăng lập nghiệp. Em gái tôi đã lên Sài Gòn học. Chỉ còn có một mình tôi sống trong căn nhà cổ âm thầm này. Tôi làm nghề giảng tập viên, lương thì ít, cực thì nhiều. Nỗi buồn lơ mờ tưởng như không sao dứt được.

Cứ mỗi sáng thức dậy, chưa rửa mặt, tôi bước ra cổng nhà chờ bà bán xôi. Chỉ một đồng, tôi đã được một bữa ăn sáng và sửa soạn đi dạy học. Nói là sửa soạn cho oai, chứ chỉ khoác lên người chiếc áo nội hóa và với cái mặt xanh nhợt không son phấn. Trên con đường đến trường (*một trường làng cách nhà tôi lối mười phút đi xe đạp*), tôi vừa đạp vừa nghĩ vu vơ. Đôi khi tôi đuổi theo một giấc mơ hết sức ngớ ngẩn. Tôi mơ thành triệu phú nhờ một tấm vé số kiến thiết. Rồi thì bao nhiêu chuyện đẹp xảy ra sau khi thành nhà triệu phú. Tưởng tượng đó làm tôi bật cười. Nếu gặp mấy con bạn thấy bất ngờ cái cười quái gở ấy, chúng lại kêu lên: “Cười gì vậy?” Tôi chỉ biết cười thêm để trả lời cái câu hỏi đột ngột ấy.

Cái xã hội nhà trường cứ đều đều như tiếng tích tắc đồng hồ. Sau giờ hò hét con nít, tôi trở về cái nhà cũ kỹ, lạnh ngắt ấy. Đêm nào tôi cũng nghe tiếng sông róc rách sau nhà, tiếng tàu xà lan chạy xình xịch. Hình như đêm nào tôi cũng chìm trong những tiếng động đó. Tôi phải ra đi. Ra khỏi cái nhà này, cuộc đời tôi sẽ thay đổi. Tôi tin chắc như vậy. Thừa dịp nám phổi, tôi làm đơn nghỉ hẳn việc dạy học.

Sau khi tôi được phép nghỉ, ông hiệu trưởng trường tôi âm thầm tổ chức một bữa tiệc tiễn hành.

Bữa tiệc tổ chức tại nhà hàng thuộc vào hạng trung trong tỉnh. Chúng tôi gồm tất cả 11 người (*tám nữ và ba nam kể cả ông hiệu trưởng*). Các bạn nữ đồng nghiệp của tôi có vẻ quyến luyến tôi thực tình. Chắc hẳn họ tiếc mất đi một con bé dám cầm đầu cãi cọ với ông hiệu trưởng có tí “máu xấu”. Thực vậy, sau bài diễn văn của ông hiệu trưởng, các bạn gái của tôi tỏ vẻ cảm động mặc dầu tôi hiểu ngay ông ta làm một chuyện theo nghi lễ đối với nhân viên ông ta thôi việc hay bị đổi. Nhưng tôi cảm thấy buồn buồn trước một sự đổi thay dù tôi tha thiết muốn như thế.

Sau khi tiệc tàn, và được mỗi bạn tặng cho một cái vỗ vai hay cái siết tay gần như muốn gãy hết cả ngón, tôi lủi thủi trở về. Căn nhà càng tăng thêm lạnh lẽo, cái lạnh lẽo của nhà xác đúng hơn. Tôi xếp vội vài thứ cần dùng mang theo. Khi mọi việc đâu vào đó, tôi vào giường cố dỗ giấc, nhưng bao nhiêu ý nghĩ vui buồn cứ lần lượt quấy rộn tôi. Cứ trần trọc mãi, tôi có cảm tưởng đêm dài không bao giờ hết. Bất chợt đồng hồ buông năm tiếng, tôi thức dậy sửa soạn lên đường. Tôi chỉ đánh thức người anh họ và gửi gắm nhà cửa cho anh rồi lạng lẽ ra đi. Ông



anh họ tôi còn ngái ngủ. Tôi nói huyền thuyên nhưng không biết mình nói những gì. Nhưng tôi cần tuân hết những ý nghĩ lộn xộn trong lòng tôi. Cuộc đời ở đây đè nặng làm tôi nghẹt thở. Ra khỏi đây, tôi nhẹ cả người. Nhưng, như người ngồi mãi trong chỗ tối tăm, khi ra ánh sáng lại bị chói mắt, đột nhiên nước mắt tôi trào ra. Ông anh họ an ủi tôi. Cái ý tưởng một cuộc đời khác nối liền theo chuyến đi không làm tôi phấn khởi chút nào. Bây giờ tôi là một vì sao đổi ngôi. Vòm trời nơi đây có một bộ mặt dừng đứng nhưng sao lúc này nó lại ràng buộc tôi như vậy? Ra đi một mình, khi trời còn mờ tối, cảm xúc ủy mị xui cho tôi cái cảm tưởng bị người xử sở hất hủi.

Giòng sông Mỹ Thuận trôi xiết. Mùa này nước sông đục. Trong nắng sớm, những cánh buồm xa thấp thoáng. Tôi đã sang sông, nhưng không phải đi lấy chồng. Tuy vậy, tôi tin sẽ gặp một cuộc đời khác. Rồi nghĩ lại tự nhiên mình rút khỏi cuộc sống cũ, tôi hơi hối tiếc. Nhưng tôi phải đi. Cuộc đời ở đây đứng sừng lại. Tôi muốn tìm cái gì khác hơn cái tôi đang có. Nếu tôi như con chó ngậm một miếng thịt rồi đi qua cầu, thấy bóng miếng thịt lớn hơn, vội nhảy ùm xuống nước bắt lấy, thì ít ra tôi cũng hái được một chút kinh nghiệm.

Tôi ra đi hơi đột ngột và lặng lẽ quá. Ba tháng sau, Nga, bạn tôi gửi thư cho tôi, thuật lại những lời nhận xét của các đồng nghiệp tôi về chuyến đi của tôi. Có người nói tôi trốn xứ để đi sanh nở. Có người đồn tôi xách gói theo ông hiệu trưởng (*vi sau khi tôi nghỉ việc, ông hiệu trưởng cũng bị đổi đi về miền đất đỏ sau một tuần*). Đọc thư Nga, tôi ngờ ngẩn không rõ nên vui hay buồn. Sở dĩ thiên hạ đồn như thế vì tính tôi nhỏ bé quá, mọi chuyện gì họ cũng thích bàn tán. Họ giàu tưởng tượng và khoái thêm thắt vấn đề. Hơn nữa những cô giáo xin nghỉ việc thành linh chỉ có hai lẽ: đi để hay đi theo trai. Chuyện ấy xảy ra thường cho các cô lâm vào cảnh không may ấy. Cách đó vài tháng, lang thang ngoài chợ Bến Thành, tôi gặp một người chị bạn đồng nghiệp và đồng xứ với tôi. Tôi không giấu được mừng rỡ khi cầm tay chị. Vô tình tôi bắt gặp đôi mắt của chị dọ thám xuống bụng tôi. Bất giác tôi không nín được cười. Tôi vụt hiểu cái nhìn nhiều ẩn ý ấy. Nhưng sau năm tháng bỏ quê, chị không thể thấy bụng tôi lên cao được một phân nào.

#### 4.

Anh Duy! Bây giờ em học Anh văn. Em trở lại làm nữ sinh. Hai mươi bảy tuổi rồi, em không còn một tâm hồn nữ sinh nữa.

Em còn nhớ khi ở quê nhà, mỗi buổi chiều thứ bảy em mặc áo trắng, dẫn bạn học trò gái đi dạo ở vùng ngoại ô tỉnh lỵ. Thầy trò ngồi xúm xít dưới bóng cây. Chúng nó cúi đầu trên khung thêu. Còn em thì kể chuyện đời xưa, có tính cách giáo dục. Anh kiểm em, rồi ngắm em. Chung quanh em toàn là màu xanh của lá cây. Anh bảo em là nàng tiên trong nội cỏ của thiên đường.

Bây giờ em ở đây. Cái vẻ bỡ ngỡ quê mùa của em không ăn khớp cảnh xa lạ của thủ đô đầy màu sắc này. Rồi khung cảnh cũ, em hết là nàng tiên rồi.

Bây giờ anh đi xa... Em nối lại đời học trò. Mong em thì to, và nổi cô đơn không nhỏ. Cuộc yêu đương của chúng mình kéo dài chỉ gieo cho em nhiều cái nhàm chán. Em đã quá lứa rồi. Em cần phải có nghề nghiệp hẳn hoi. Em cắc ca cắc cùm để dành từng đồng, từng xu. Còn gì chua chát hơn làm một cô gái già vô nghề nghiệp, sống nhờ đứa em gái, giữ con cho nó như một vú em. Rồi mỗi khi nhìn sự đàn dứu của vợ chồng nó, rồi tủi thân, rồi ghen ghét cái hạnh phúc của kẻ khác. Em sợ lắm, anh Duy ơi!

Tôi cho xe chạy về Gia Định. Ý nghĩ đó làm cho tôi buồn, nhưng trong cái buồn ấy có vẻ hài hước. Xe hết xăng, nhưng tôi không lại trạm đổ xăng và cứ đạp chậm chậm. Đến một khoảng tối của con đường Bạch Đằng, một đứa bé chặn tôi lại rồi nói:

- Cô ơi! Có ông Huê Kiều muốn nói chuyện với cô.

Không hiểu sao tôi thắng xe lại. Trong bóng tối mờ mờ một người Huê Kiều, mập, lùn và bụng bự, nói với tôi bằng tiếng Việt bập bẹ:

- Hà! Cái lầy chào cú lằng (cô nương). Cú lằng ăn cơm chưa? Li coi hát pổng với tôi nhá!

Tôi ngạc nhiên, rồi đau đớn bàng hoàng. Nếu đi với Duy, thì tôi đâu có gặp cảnh này. Một người con gái đi một mình trong đêm. Ý nghĩ ấy làm tôi sợ hãi.

Tôi nói bằng một giọng run run, và không hiểu sao nước mắt tôi gần như muốn tuôn ra:  
- Nì làm rồi. Tôi đi học lớp tối mới về.

Hắn luống cuống xin lỗi tôi. Tôi lạnh lùng đạp xe. Đường vắng, tôi cần phải đạp mau. Nghĩ đến lát nữa đây, mình sẽ nằm trong bóng tối trên căn gác xép, tôi muốn trở về Long Xuyên ngay. Ở đó, tiếng sông róc rách sau nhà có lẽ sẽ vỗ về tôi. Và tôi sẽ nằm dưới bầu trời quen thuộc, ôn lại những chuyện thời thơ ấu.

*(Trích Bách Khoa số 162, phát hành năm 1963)  
Nguồn: Thư Quán Bản Thảo tập 48 Tháng 9-2011"*

## Bà Điếc

Tặng cô em Tuyết Hồng đã từng sống  
gần tôi suốt mười mấy năm thơ ấu.  
N. T. T. V.

Duy choàng tay qua đôi vai tôi, đôi môi chàng màu tro nặc mùi thuốc lá hờ hững đặt lên môi tôi. Nụ hôn chia tay này không còn nồng nàn như mấy năm về trước. Tôi lách ra khỏi vòng tay ấy, ngoái lại nhìn chàng. Da chàng trắng nhờn nhợt như da bụng con thằn lằn. Mặt chàng sần sùi và thô nặng như một tảng đá không còn làm da thịt tôi nháng lửa nữa. Đôi vai rộng và cái miệng tròn của chàng ngày trước đã lồi cuốn sự chú ý của tôi. Bây giờ cuộc yêu đương hờ hững không đem đến cho nhau nhiều rung động nữa. Đàn ông đâu phải chỉ mê hoặc đàn bà ở cái vai và cái miệng. Thân thể của chàng đã xa lạ với thân thể tôi từ mấy tháng nay. Tôi muốn tìm ở đàn ông sự dịu dàng ở khuôn mặt, một lời nỉ non, một nụ hôn đơn sơ không cần có kỹ thuật. Tôi đứng nhìn Duy cho đến lúc chàng khuất sau khúc quanh của ngã tư đường rẽ lên chiếc cầu qua thành phố. Trở vào nhà tôi ngồi lại bên cửa sổ cạnh chiếc bàn con. Trên bàn, màu thuốc lá hút dở còn bốc khói trong chiếc gạt tàn bằng sứ trắng. Tờ chương trình hát bóng nằm bên cạnh xâu chìa khóa của tôi. Ly cà-phê còn vương chút cặn đen ngòm dưới đáy. Tôi đã từ chối không làm một cuộc phiêu du với chàng vào chiều thứ bảy này vì không thích đến những nơi đông người. Tiếng nhạc âm ỉ ở rạp chớp bóng sẽ làm thần kinh tôi căng thẳng. Tôi thích ngồi một mình ngắm giòng sông vào mùa nước nổi. Mỗi buồn bâng quơ của tôi dâng lên ăm ắp như nước sông đầy.

Gần cửa sổ, những chùm hoa hoàng lang lủng lẳng trên cành. Mùi thơm thoang thoang bay khắp mặt sân ủa tới gian phòng ngủ. Mặt trời đang dấy chết bên kia sông. Những tia nắng cuối cùng đỏ nhạt đang run rẩy trên mái lá. Gió sông ập vào cửa làm tóc tôi bay bay. Những ý nghĩ về Duy rối rắm như mở tóc trước gió này. Vài con dơi từ mái ngói uốn cong bay vụt ra sông. Sự vắng ngắt của buổi chiều ôm chầm lấy tôi và dim tôi muốn ngộp thở. Tôi uể oải đứng dậy đóng ầm cửa sổ rồi lững thững đi bách bộ một vòng quanh nhà. Bóng tối từ từ chụp lên ngôi nhà hoang vắng này. Gió sông lùa cơn lạnh vào xương sống tôi và làm cứng nó lại.

Duy đem lại cho tôi những gì ? Một gương mặt lì lợm không nói lên được một cảm xúc nào ? Hay chỉ là một không khí ám áp ít oi không thể làm tôi yêu đời hơn một phân hay một ly nào ?

Cứ thường mỗi buổi chiều, khi tiếng chuông của một ngôi chùa xa âm u vọng tới và khi bóng tối bắt đầu bôi xóa lem luot những cảnh cây sà bên khung cửa sổ, mái nhà và giòng sông tôi vụt có một ý tưởng rằng : Cơ khổ ! Tại sao tôi cứ ở đây, bên giòng sông quen thuộc, nhắm mắt

trước cuộc sinh hoạt âm thầm của lối xóm và trong ảo tưởng lạnh lẽo ? Tôi phải rời khỏi bóng tối của căn nhà này, rời bóng chập chờn của rèm sáo, đàn dơi trong nắng chiều, những quyển sách nhúc nhẻ cả đầu và cái ám ảnh vu vơ, nặng nề đè tôi muốn nghẹt thở từ bao lâu rồi.

Cuộc, đời sắp tới của tôi sẽ gồm có gì ? Một người chồng không phải là Duy ? Những ngày bình thần ? Hay chỉ là nếp sinh hoạt lạnh lẽo gồm nổi cô đơn này xỏ khoen vào nổi cô đơn khác như sợi dây lòi tói ? Tôi đi lần ra sân trước ngắt vài đóa hoa "nở ngày" màu tím thắm đem cắm vào lọ sành màu lục, thấp ngọn đèn Huệ Kỳ đặt giữa nhà. Rồi đốt nén nhang và rót nước cúng Phật. Khói nhang bay nghi ngút. Tôi không biết mình phải khấn gì giữa buổi chiều ảm đạm này. Đôi mắt Phật Quan Âm lạnh lùng hướng về tôi. Tôi đi từng bàn thờ ông bà, cắm mỗi nơi vài cây nhang trầm. Trở lại bàn Phật tôi cầm chiếc dùi đánh nhẹ vào cái chuông đồng rồi có cảm tưởng như mình là một ni cô giữa khung cảnh trang nghiêm này. Trên kèo nhà, con cắc kè há cái miệng đỏ thén như ngậm lửa hướng về tôi, chậm rãi kêu lảnh lớt. Má tôi thường nói: "Khi cắc kè kêu thì mình phải đếm như thế này : tiếng đầu thì hên, hai là xuôi, ba là may còn tiếng thứ tư là rủi. Nhưng thực là vô duyên. Lúc nào con cắc kè khốn nạn này cũng chấm câu vãn chỉ bốn tiếng. Cầm đèn đi vào phòng ngủ, tôi ngồi lại bàn viết, dở chồng sách cũ. Tôi nghĩ mình nên ghi những cảm tưởng lên giấy. Từ lâu tôi có cao vọng viết một tập tùy bút lẫn truyện ngắn. Ở ngoài đời tôi thất bại, cô đơn. Chắc hẳn văn chương không cấm những giấc mơ lẫn ảo tưởng của tôi thao túng, vẽ vờ. Những nhân vật đàn ông của tôi, phần nhiều nói ra thêm thẹn toàn là các anh chàng đẹp trai, có phong độ. Và tôi không ngần ngại chui vào truyện để làm những mỹ nhân để bắt bớ với họ. Chuyện làm thường quá, có tổn kém chẳng là sự xúc cảm vu vơ của tôi suốt đêm mà thôi. Vậy mà nó giúp tôi không nghĩ đến hiện tại. Còn bây giờ thì tôi hơi mỗi mệ. Tôi vặn đèn nhỏ lại rồi vào giường. Từ nhỏ, tôi sợ bóng tối chụp lấy tôi. Ánh sáng vàng vọt của đèn chong sẽ làm tôi bớt sợ hãi. Vắng vẻ quá ! Tiếng chuột chí chóc ở đâu đây. Lấy mền trùm kín lên tận cổ tôi cố nhắm mắt mong cho cơn buồn ngủ từ từ xâm nhập vào người tôi và những ray rức vụn vặt kia sẽ lui dần...

Thình lình tiếng đám cửa đùng đùng tiếp theo sự la thất thanh kêu cứu :

- Mơ Hai ơi! Con Linh bị mấy thằng thợ sửa cầu hãm hiếp, máu me ra đầy quần nè. Mở cửa mau đi !

Tôi tung mền, nhảy phóc xuống giường chạy ù ra cửa, Tiếng lách chót và tiếng tay đám mạnh vang dội. Tôi kinh hãi mở vội cửa. Dưới ánh đèn Hoa Kỳ trên tay tôi, nét mặt nhăn nheo như trái vải khô của bà Điếc, cái miệng méo lệch và đôi mắt mờ của bà trừng trừng như lạc vào một thế giới nào. Bà há hốc miệng và tiếp tục la. Tôi nắm tay bà gọi giật :

- Bà Bảy, tôi đây nè ! Má tôi đã đi làm ăn xa. Còn tôi,... có ai làm gì tôi đâu ?

Bà dẫn tay tôi ra, giọng bà lạc hẳn :

- Rõ ràng tôi thấy đang bị...

Bà ngừng lại, nhướn mắt đỏ ngầu nhìn tôi. Tôi hét to hơn để cho bà nghe rõ :

- Tôi đây ! Má tôi đâu có ở nhà. Bộ bà quên rồi sao ?

Mắt bà vẫn dán lên mặt tôi. Đôi mắt bà chệch xuống sau một cơn kinh phong. Những tia máu nằm vắt ngang trên tròng trắng và mắt bà nổi phồng lên như sắp rớt ra khỏi lỗ mắt.

Tôi nắm vai bà lắc mạnh, hét :

- Tôi đây, tôi đây nè !

Bà Điếc vẫn la thát thanh :

- Ai cứu nó. Trời ơi ! nó là con gái mà...

Nhìn đôi tay run rẩy của bà. Tôi chột hiệu. Bây giờ là lúc bà đang sống ở một trạng thái mê loạn, quái đản. Tôi gào lên :

- Tỉnh dậy đi bà ! Tôi đâu có đi ra khỏi nhà.

Bà Điếc ngẩn người một lúc rồi nhếch cái miệng méo xệch, không còn một chiếc răng giống hếch cái miệng rùa, cười tỉnh cơn mê :

- Vậy hả ! Mà không việc gì sao ? Tao thấy...

Tôi đặt tay lên vai bà đỡ dành và đưa bà về cái chòi nằm dưới gốc liễu già cạnh nhà.

- Vào ngủ đi bà.

Nhà tôi nằm bên giòng sông Long Hồ.

Trước nhà là con đường cỏ đá xanh không tráng nhựa. Chỉ một chiếc cyclo máy vượt qua cũng đủ làm cho lớp cát bụi có dịp bốc lên và bay tăn mác vào thềm nhà. Bên kia đường, một thửa vườn hoang xen lác đác vài mẩu rẫy chạy dài hút mắt. Những ngôi mộ đất nằm rải rác dưới mấy tàng dương thưa lá. Vào ngày nắng ráo, vài con quạ đứng rĩa lông. Thỉnh thoảng chúng cao húng kêu thét lên. Tiếng kêu khàn chát khuấy động bầu không khí oi ả, lặng lẽ. Bên những líp rau chưa trồng vài đồng un bốc khói làm mờ đục cả một góc vườn. Khi trận mưa dớt, bọn sóc, nheng phóng từ cành cây cổ thụ này sang cây cổ thụ kia, Đó cũng là nơi trú ẩn, của lũ chồn đen lẫn chồn mướp để rồi đêm đến chúng lén vào xóm bắt gà vịt. Nhà tôi ít khi mở cửa. Mặt tiền tối om om vì nền cao mà mái thấp. Trên nóc nhà những cụm rêu xanh mướt, mịn như trải nhung. Vài ba cây cỏ dại lẫn rau càng cua mọc trong lòng máng xối.

Ba má tôi đi làm ăn xa tận miền đất đỏ và em gái tôi đã đi lấy chồng ở Rạch Giá. Là phận em, nó hỗn hào, dám lấy chồng trước chị. Chuyện đó làm tôi ngỡ ngàng với chòm xóm khi họ hỏi tôi chừng nào cho họ ăn trâu. Lúc nào tôi cũng rùn vai bảo rằng không thích lấy chồng, trong khi đó tôi cảm thấy bị chế nhạo sau lưng. Còn lại mình tôi và bà Điếc thay phiên nhau lo giữ phận nhang khói cho ngôi nhà hương hỏa này. Bà Điếc không ở chung với tôi, chỉ thích một ngôi nhà riêng biệt nên má tôi cất cho bà cái chòi lá nhỏ ở cạnh bờ sông. Giữa bà Điếc và tôi có hai giang sơn riêng biệt. Bà chỉ giúp tôi quét dọn và làm cỏ trước sân. Hồi còn con gái, bà đã theo bà nội tôi từ Mỹ Tho về nhà này làm dâu phụ. (Ngày xưa những cô gái nhà giàu thường có mang theo cô phù dâu về nhà chồng). Vì mồ côi cha mẹ, bà bằng lòng theo bà nội tôi đến một xứ lạ hoắc. Ngày bà còn trẻ, nhiều trai tráng hàng xóm thường lui tới với bà. Trong số những người đi qua đời bà, chỉ có ông Tư chẵn dê kiêm người tài xế của ông nội tôi, là mối tình chánh. Đứa con gái của hai người khi được hai tuổi thì chết vì bị chứng ban đen và chẳng bao lâu ông Tư mắc phải bệnh dịch tả cũng qua đời. Chưa bao giờ bà có ý nghĩ ra khỏi gia đình tôi, nơi đó đã đem lại cho bà nhiều kỷ niệm vui buồn suốt đời làm tôi nhớ. Bà thường tâm sự với má tôi :

- Mợ Hai à ! thầy bói nói bàn tay tui có đồng tiền vạn nhật. Số tui phải ở đây hoài, nếu ra đi sẽ khổ sở hơn. Sau cái chết của ông Tư chẵn dê, bà gian díu với ông Năm Còm bạn chề chén của

ông Tư. Ông này tặng cho bà một thứ bệnh ngặt nghèo làm ung mủ cả hai chân răng và chúng thi nhau rời khỏi nướu của bà. Bà được đưa vào nhà thương và kết quả là bà phải bị mổ tử cung. Cái đóc giọng của bà cũng bị rụng mất. Tiếng nói của bà lại ngọng nghịu. Sau cơn bệnh ấy, bà mất cả thăng bằng. Tính tình gắt gao, nóng nảy. Cách giải phẫu của y sĩ chẳng những không làm tình dục bà tắt đi, mà trái lại còn chụm thêm củ đuốc để cho cơn cuồng loạn xác thịt của bà chồm lên cao. Bà khao khát đàn ông đến nỗi không còn biết hổ thẹn là gì nữa.

Tôi không rõ bà Điếc đã đến đây được bao nhiêu năm rồi. Khi tôi còn thơ ấu thì tóc bà có vài sợi bạc. Những nếp nhăn trên mặt bà như nếp nhăn chiếc lồng đèn giấy. Tuy vậy, bà vẫn tía lông mày, đánh lên đôi má nhăn nheo một chút phấn bột. Thỉnh thoảng tôi nhìn trộm bà đang tần mẩn trước tấm gương con. Hai hàng lông mày của bà cong và nhỏ mức như hai sợi chỉ. Bà thích mặc chiếc áo màu sặc sỡ bó sát lấy cái thân khô đét như cây đa. Bao nhiêu tiền má tôi cho đều quy về ăn diện, dù số tiền quá ít chỉ đủ ăn quà vặt. Bà quên hẳn mình già.

Tánh tình bất thường của bà Điếc càng lúc càng tăng.

Một hôm, gần cận Tết, má tôi gọi một ông tá điền ở tận dưới quê lên giúp chăm sóc và quét dọn nhà cửa để chuẩn bị rước năm mới. Ông Tư Tấn đã ngoài sáu mươi nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Mặt ông lúc nào cũng đỏ au như vừa uống rượu mạnh. Tóc ông trắng như phủ một lớp muối bột. Ông có thói quen sau ngày làm việc cặm cụi là thường lấy cây đòn cò ra dạo vài bản Kim Tiền. Tiếng đàn ấy tuy không dội được vào tai bà Điếc nhưng bà thích thú ngồi ngắm ông Tư Tấn kéo đòn và thỉnh thoảng đôi mắt lờ mờ của bà tình tứ hướng về ông. Ông Tư Tấn đắc ý vờ tiếng đòn trầm bổng của mình ; chốc chốc ông lại gạt đầu theo tiếng nhịp nằm gọn giữa lòng bàn chân khảng khiu của ông. Ông lớn lên cười đáp lại với bà...

Sau vài cuộc tình ái phát phơ, bây giờ tôi mệt mỏi thật sự. Tôi bất chấp dư luận để sống, mà rồi vẫn cô đơn, tìm được kẻ mà mình đặc ý, tính cho chàng ta đặc cử vào giầy hôn thú thì tôi gặp cảnh hụt đôi luôn luôn. Bây giờ, tôi bám vào Duy để lấp vào những ngày trống rỗng. Chàng nhạt nhẽo quá. Tôi lại mơ cao để rồi số tuổi càng ngày càng chồng chất theo nỗi chán chường.

Bây giờ, tôi sống bên bà già bệnh hoạn, khủng khiếp như thế này, ngôi nhà rộng và hiu quạnh như cái chùa. Em gái tôi lâu lâu về thăm nhà. Một con đàn bà trống trải, ngu muội. Nó thường nói toẹt rằng: "Các cô chưa chồng nhìn phớt qua thì thấy trẻ, nhưng xem kỹ lại thì chất ngàm". Tôi soi kiếng, xót xa. Con gái chỉ có một thời. Tôi đã đánh mất cái hấp dẫn tươi trẻ. Mình mẩy càng ngày càng đầy ra, co kéo xuống duỗi như cây cột nhà. Đã lùn lại mập. Con em gái chẳng tha, có dịp lại quở : "Chị giống như con heo thiến". Uống dấm, cử ăn mà tôi vẫn "giàu sang" về thịt mỡ. Lại nữa, đã làm thân con gái, tôi lại sanh vào năm Dần. Bất lợi biết bao ! Đi đâu, tôi khai rằng mình tuổi Mùi, làm con dê cho bớt khủng khiếp trong số mười hai con vật tượng trưng cho mỗi tuổi trong một con giáp. Các chàng thích bắt bớ với tôi không mấy may tính chuyện trầu cau vì sợ tôi ăn hiếp lúc về sống chung. Cái thứ đàn bà tuổi Dần cao số thật.

Thôi ! tôi chẳng tính chẳng mơ gì nữa. Cứ ăn uống thỏa thích. Dầu sao mình vẫn còn có Duy, già hơn ngài non vợ chồng. Nhiều lúc đưa tay sờ bụng, vòng eo mà mình muốn đi hiến máu để làm phước. Tuy vậy Duy vẫn nịnh hớn, cho rằng da tôi mát rượi như bánh đúc, mịn như sa-ten.

Tôi chán viết văn. Văn chương nào phải là cái cơ để cho phụ nữ giải tỏa ẩn ức. May mà tôi không đem bài vở đăng báo. Có một chàng văn sĩ đòi bạt tai lũ đàn bà cầm bút, hăm he đuổi họ trở về chỗ bếp núc và chỗ ngồi lê đôi mách. Thái độ du côn đó chẳng những không làm tôi giận mà tôi còn mê chàng nữa, rồi vẽ ra trong óc là chàng đẹp trai hấp dẫn như James Bond hay chàng điệp viên 007.

Một hôm bà Điếc gọi ông thợ hớt tóc dạo đi ngang qua nhà. Bà đưa cho ông ta năm đồng nhờ cạo lông mặt. Ông thợ cạo hơi dọ dự. Tôi giục:

- Ông cứ làm cho bà vui lòng.

Bà Điếc bắt cái ghế đầu chễm chệ ngồi bên lu nước mưa. Ông thợ cạo quàng trước ngực bà chiếc choàng trắng rồi ông ta cầm cái bông phấn xoa nhẹ trên da mặt. Lưỡi dao sáng, mỏng được rút từ trong bao da. Ông liếc dao soèn soẹt trên bàn tay chai cứng rồi dùng hai ngón tay banh những nếp nhăn chìm sâu trên màu da mặt đen xạm của bà Điếc. Bầy con nít xúm coi như xem đám hát Sơn Đông. Vì ý mình là một khai quốc công thần của gia đình tôi, nên bà tha hồ muốn làm gì thì làm. Ai cũng nể bà vì tuổi tác và cho những trò lố bịch của bà là trạng thái sanh tật của tuổi già. Có lần bà túm áo má tôi quật xuống thềm nhà vì má tôi cản không cho bà đi uốn tóc. Tuy đã ngoài sáu mươi tuổi nhưng bà còn mạnh lắm, Má tôi bị đánh bất ngờ nên ngã quỵ. Lúc đầu tôi và em gái tôi đứng xem sự tranh sức của hai người rồi cười ngất vì tưởng thế nào má tôi cũng quất bả sụm. Nhưng bất ngờ bà Điếc dìm má tôi xuống và leo lên mình đám đá tui bụi. Cuối cùng má tôi kêu cứu :

- Tui bây đứng đó nhăn răng cười được hả ? Để bà giết tao luôn đi.

Chúng tôi xông vào gỡ tay bà Điếc nhưng vì cơn cười của hai chị em tôi sôi sùng sục nên không đủ sức mạnh rút bà rời khỏi má tôi. Thấy chúng tôi vào can, bà la to vu khống :

- Bớ làng xã, bớ mả tà, mẹ con nó giết tui !

Hàng xóm nghe la chạy sang rồi đó hai ba người hì hục tiếp chúng tôi lôi xềnh bà Điếc. Tay bà vẫn ghì chặt lấy áo má tôi miệng không ngớt chửi rủa lên:

- Mồ tổ cha nó, ai cũng bình nó hết.

Hàng xóm được dịp cười đùa bàn tán, không khí vui tươi có cơ hội hâm sôi lên trong khu xóm buồn tẻ này.

Khi ông Tư Tấn trở về quê với vợ con bà tự lự suốt mấy tháng. Bà không buồn ngó ngàng đến công việc nhà .Má tôi phải nấu cơm và hầu

hạ bà như mẹ chồng. Biết hàng xóm vì nể má tôi nên bà càng có dịp chưởi mắng họ vô duyên có. Chẳng ai có phản ứng gì. Trái lại những lời nguyện rửa của bà biến thành những câu hài hước. Bà nghi ngờ ai cũng mê ông Tư Tấn nên bà ghen tương đáo đẽ.

Một buổi sáng bà xách gáo xuống cầu gọi đầu. Tóc bà đã bạc hơn nửa mái đầu. Gọi đầu xong, bà vào thay bộ đồ lục soạn trắng lớp rồi đội khăn the màu hường ồng ẹo đi chợ. Tôi chặn lại hỏi  
- Bà Bả đi đâu sớm vậy ?

Bà nguyệt tôi một cái :

- Tao đi uốn tóc, Khéo hỏi !

Tôi vịn vai bà can:

- Bữa nay Chúa nhựt tiệm uốn tóc đóng cửa hết rồi.

Tôi cố nhin cười để cố làm cho bà tin tưởng, nhưng bà nhìn tôi lộ vẻ nghi ngờ. Cô bạn láng giềng của tôi chơi ác kể tai bà :

- Chị Linh nói gạt, bà đi mau để người ta uốn cho kịp.

Bà gạt phát tay tôi, phải dứt rồi ngoe nguẩy đi một nước. Khi đứng trước cửa tiệm, bà len lén nhìn vào, rồi cố bạo đạp bước vô trong.

Bà chủ ngồi ở quày hàng cất tiếng hỏi :

- Bà kiếm ai ?

- Tui đi uốn tóc. Giá bao nhiêu ?

Bà chủ ngạc nhiên hỏi vặn :

- Phải có người nhà bằng lòng chúng tôi mới dám uốn tóc cho bà.

Bà trả lời đầy giọng cương quyết :

- Tui có tiền để trả cho cô mà.

Trong khi bà chủ còn đang cố giải thích cho bà Điếc hiểu thì tôi và cô bạn đạp xe đạp chạy như bay đi lũng mấy tiệm uốn tóc. Vừa thò đầu vào hiệu Nam Hiệp, chúng tôi thấy hai người đang bàn qua cãi lại. Tôi không dám nói năng với bà chủ tiệm chỉ sợ bà Điếc biết tôi vào căn mũi. Tôi giục Thanh (cô bạn láng giềng) cho bà chủ biết rằng bà Điếc khật khùng. Bà chủ noãn miệng cười rồi khẽ gật đầu. Bà Điếc nhìn Thanh rồi quay sang bà chủ tiệm cố lắng nghe sự đối thoại giữa hai người. Sau rốt, bị từ chối, bà Điếc đoán được sự có mặt của Thanh nơi đây. Bà nguyền dãi bà chủ tiệm rồi bỏ ra về.

Hai đứa tôi đã lòn về trước. Vào nhà tôi vờ vào phòng đọc sách lắng nghe từng tiếng động của bà trước thềm nhà. Bà ri rầm chửi rủa một mình. Không thấy tôi đâu, bà xông vào buồng lục kiếm, Tiếng guốc lộp cộp của bà lẩn về cửa buồng. Tôi cố giữ vẻ thản nhiên chúi mũi vào quyển sách, Bà chỉ về phía tôi nhieć :

- Cái con này nó vô dang (bà muốn nói vô duyên) ghê! Tao đi uốn tóc mắc mớ gì mà mày xúi con Thanh qua cản trở ? Sao mày biết uốn tóc mà mày cấm cản tao hả con mập kia ? Con chó thiến này làm chuyện lãng òm.

Cố nén tràng cười đang chực tuông ra, tôi chối phất :

- Nãy giờ tôi ở nhà, đâu có xúi biểu ai đâu.

Bà chẳng chịu tha :

- Mày cứ sợ ai cũng ngộ hơn mày nên mày ganh ghét tao. Thấy cái bản mặt phì lũ của mày mà ứa gan...

Tôi vẫn lặng thinh. Máng nhieć chán, bà trở về căn nhà nhỏ làm bằm rửa sả suốt buổi. Không ngờ bà Điếc có địch thủ để ganh duyên đọ sắc.

Tội nghiệp ! Kể đó lại là tôi...

Rồi một cái Tết trôi qua. Lật bật đã đến ngày đưa ông Táo. Trước nhà máy chậu hồng và thước được đưa nhau nở vào buổi sáng. Tôi đang ngồi tỉa những cánh lá úa, Thành nảy ra ý kiến mời bác thợ chụp hình chụp cho tôi vài kiểu, Tôi bác bỏ ý kiến chụp hình ngoài trời vì bữa hôm đó trời âm u quá, và tôi đề nghị cắt vài bông hồng kết thành một bouquet đem vào tiệm chụp lấy rõ mặt mũi. Để điểm trang cho bó hoa, tôi tần mẩn cột vào một cái nơ lụa màu thiên thanh. Bấy giờ thì tới phiên tôi ngồi vào gương đánh phấn nước, kẻ hai bên lông mày cho mặt sáng lên. Đôi môi của tôi được tô bằng một thứ son đỏ hoẹt. Trang điểm xong, tôi nhìn vào gương ngắm nghía lần chót, hai đuôi lông mày tôi vẽ đậm xách ngược giống như mày của Liz Taylor. Tôi mím đôi môi làm duyên và chọn cho mình một góc cạnh khác hẳn để tránh chụng cái mặt đầy thịt hai bên má như cái bánh bao. Tạm hài lòng về cách hóa trang của mình, chúng tôi đi qua tiệm hình cách nhà vài ba mươi thước. Thành trịnh trọng gói bó bông lại cẩn thận. Tôi ngồi trước máy hình do sự đạo diễn của ông ba Tàu. Ông ta xoay đầu tôi nghiêng bên này bên kia để ngắm nghía. Chưa vừa lòng, ông sửa lại bó bông trên tay tôi.

Tôi áp bó bông vào má. Thú thật tôi không dám cười vì có mặc cảm cái miệng mình rộng như miệng cá vò, nên cố mím môi lại cho nó mỏng bớt và cho đôi mắt mơ màng huyền ảo thêm.

Về nhà, trước gương tôi cố diễn lại cái màn cũ, ngồi ưỡn ẹo bên bó bông rồi tự mãn chờ ngày lấy hình.

Như mọi chiều thứ bảy, Duy trở lại thăm tôi. Trên tay chàng, tờ báo Điện Ảnh cuộn tròn. Chúng tôi ngồi cạnh cửa sổ hướng ra sông. Tôi dành tờ báo và lật vội. Hình anh chàng Hercule đưa cái ngực dầy và những bắp thịt ở bụng chia làm sáu mảnh nổi bật lên. Quay lại nhìn Duy. Ô ! cái bụng của chàng cao lên như cái mả mới đắp.

- Anh bự con, nếu anh cố tập thể thao thì chẳng bao lâu ngực anh sẽ nở, nứt là bụng anh sẽ chia ra làm sáu miếng như bụng Hercule.

Duy nhìn tôi rồi nhìn xuống cái bụng bình rĩnh như giấu cái nòi trong áo. Chàng cười:

- Bụng phải để cho nó thống nhất một khối thì mới mạnh được. Chia ra nhiều khối e mất tinh thần đoàn kết đi.

Trước vẻ yên lặng bất mãn của tôi, Duy lấy thuốc lá ra đốt. Tôi vẫn dán mắt vào tờ Điện Ảnh. Những chuyện không đâu cũng dễ đem đến cho nhau những bất mãn. Những cuộc gặp gỡ như thế đã giết dần những tình cảm tốt đẹp. Không khí buồn tẻ nhốt chúng tôi. Tôi cảm thấy sắp chết ngột, cần phải dẫy dựa để thoát.

Thành đem hình về. Máy con bạn lảng giềng giành nhau coi. Chúng nó suýt soa khen hoa đẹp, cái nơ xinh. Cơ khổ ! Chúng nó quên cái điều quan trọng nhất là khen hình tôi. Tôi giành lấy hình. Sao mà đôi môi tôi dầy dục nằm vắt ngang như hai con đĩa trâu. Đôi mắt tôi đánh "phong" xanh gớm ghiếc. Chụp chung với bông hoa là điều bất lợi cho tôi. Người ta mắc ngắm những vật gì làm phụ tùng cho tôi, hơn là thích ngắm khuôn mặt tôi.

Duy sắp đi quân dịch. Tôi sẽ kéo dài đời sống cô đơn với số mỡ thừa thả dơi dưới làn da mát như bánh đúc, trơn như sa-ten và bên mụ già càng lúc càng chìm đắm trong một thế giới ma quái. Cứ xem buổi điểm tâm hằng ngày mà mình ngán ngược. Với một tô hủ tiếu tôi chưa thấy thấm tháp gì ở bao tử, Dùng thêm một ly cà-phê sữa, tôi chỉ mới no lưng lửng thôi. Phải thêm một



khúc bánh mì dồn thịt nguội nữa, tôi mới vũng đạ đi làm ở một tiệm may gần nhà lồng chợ Vĩnh Long. Ăn uống như vậy đó, ngoài hai buổi cơm chánh, tối nào tôi cũng ăn hột vịt lộn hoặc hai vắt mì trước khi đi ngủ. Cái ngực tôi đồ sộ, và cái bụng cũng bệ bộn không kém. Phen này chắc phải đi đóng phim giả làm đào Ấn Độ.

Có đôi lúc tôi soi gương thấy mình giống hệt con đào Savitri. Đôi mắt ốc bươu này nếu vẽ thêm một quầng đen, phải vẽ thêm một vết son đỏ giữa hai chân mày, phải gắn hột xoàn ở một bên sống mũi, phải đứng trước tấm phong vẽ hình hai con rắn hổ phèn xòe bàn nạo. Như vậy, tôi có thể thủ vai chính trong phim "Công Chúa Cá Phò Mã Cùi" hoặc trong "Xe Duyên Chỉ Thắm". Có nhiều lúc tôi muốn lấy chồng Chà và để được ăn Ca-ri để cho xong cuộc đời. Dáng đi ột ệt của tôi làm đề tài hài hước cho trai trong xóm. Có nhiều lúc ngồi may, chợt nghĩ tới cái "ben" chít trên áo dài mà mình tủi thân. Lúc sau, tôi phải xoay qua mặt "rốp xắc" cho tiện.

Ông Tư Tấn có dịp trở lên chợ và ghé thăm bà Điếc. Bà dọn cho ông một bữa cơm bĩ bàng gồm có rượu, thịt hầm, cá bống chưng, ông ngồi ngâm nga uống từng ngụm nhỏ. Hôm đó bà bận rộn suốt ngày. Đan diều được mười bữa thì ông Tấn bỏ đi, tiền bạc mà bà các ca các cùm mấy tháng nay bị ông Tư Tấn vượt sạch. Từ đó, chứng bệnh sống bên lề thế giới quái đản tăng dần. Cơ hồ bà rời khỏi cuộc sống chung đặng với người chung quanh. Bà tự tạo cho mình một thế giới khác, nhiều mơ ước kỳ quặc.

Ít khi bà có mặt với thực tại, bà không mơ mộng, suy nghĩ, bà sống trong cơn đồng thiếp, hay một vũ trụ lạ lùng mà tôi không sao hiểu nổi.

Vào một buổi trưa hè, tôi đang ngồi tra mấy cái nút vào chiếc áo. Bà chạy ù vô đóng cửa ầm ầm miệng gào lên :

- Cọp vô nhà ! Mày phụ tao đóng cửa mau đi.

Tôi vẫn thản nhiên tiếp tục công việc, mặc tình cho bà hò hét và cuống cuồng đóng cửa nọ bẻ cửa kia. Thấy tôi vẫn ngồi lì trên võng bà vừa đóng cửa vừa nhiech :

- Cái con này đáng cho cọp nhai lằm. May không sợ cọp ở núi Tà Lơn xuống sao ?

Mặt bà xanh lét mồ hôi rịn hai bên mép và trán. Cửa đóng xong bà đến bên tôi thở hồng hộc.

Chán cái trò cọp rượt bà lỏn lỏn rút êm về chòi.

Theo lời đề nghị của hàng xóm, tôi đưa bà đi Y sĩ chuyên môn chữa thần kinh. Nhưng Y sĩ trả lời bà vẫn là người bình thường. Bà chỉ bình thường vào ban ngày, Khi đêm về, bà sống trong thế giới người chết. Gào thét suốt đêm làm khuấy động cả giấc ngủ hàng xóm.

Lại một buổi chiều, gió lốc trên mái ngói, tuông ồ ạt xuống những ngọn hoàng lan quanh nhà. Bóng tối đầy ắp trong khắp mọi gian buồng. Tôi hé cửa nhìn sang chòi bà Điếc, ngọn đèn dầu hôi vàng vọt đang rung rinh qua mặt cáo. Tiếng cầu nhau đều đặn của bà cũng bắt đầu nổi lên. Cứ mỗi buổi chiều khi nắng đã đi trốn khỏi mái nhà bên kia sông là đến giờ bà Điếc bắt đầu phát thanh. Bà nói luôn miệng, thỉnh thoảng lại cười thét lên ra vẻ khoái trá. Bóng tối đã đưa bà vào một thế giới ma quái. Bà gọi tên những người khuất mặt và làm nhảm trò chuyện với khoảng không. Hình như có ai ngồi bên bà để bà hỏi rồi trả lời lấy một mình như thế suốt đêm, gần đến sáng bà mới lẩn ra ngủ. Thành linh bà hét lên mừng rỡ :

- Vợ thằng Hường đó à ? Lâu quá mới gặp mày. Sao bây giờ mày ốm vậy ?

Bất giác tôi thấy lạnh xương sống. Người đàn bà mà bà Diếc vừa nói chuyện là thiểm dâu tôi đã giận chồng uống thuốc ngủ tự tử ngay trong nhà tôi ba năm về trước. Hình ảnh cuối cùng lúc thiểm hấp hối đang diễn lại trước mặt tôi. Đôi mắt thiểm mở tròn sau khi Y sĩ chích cho thiểm một mũi thuốc hồi dương. Đôi môi màu trái mòng tơi của thiểm mấp máy sau cơn hôn mê suốt mười tiếng đồng hồ. Những đường gân trên người thiểm chuyển động. Chiếc giường run rẩy nghiêng ken kết. Thiểm nhìn chồng chọc vào những người có mặt quanh giường, tay quơ lên không gian. Đôi bàn tay trắng xanh, dài, tím đen bỗng co quắp lại. Bọt hai bên mép thiểm trào ra giữa tiếng khóc thét của đàn con nhỏ cơ hồ như vắng đầu đây. Tôi lẹ làng quay lại sau lưng hình như có tiếng khua động. Tôi chạy đến vặn đèn to lên. Càng sợ tôi lại hướng mắt về bàn thờ của thiểm. Đôi mắt của thiểm như lờm tôi. Trong bóng tối chập chờn, tôi có cảm tưởng thiểm sắp rời khung kiếng để lần về hướng tôi đứng ? Vội mở cửa tôi chạy tuông ra ngoài đi băng qua nhà Thành năn nỉ :

- Mày qua ngủ với tao đêm nay, nếu không tao sẽ bỏ nhà đi chỗ khác.

Thành gắt :

- Hồi đó tới giờ sao chị không sợ mà hôm nay lại bày đặt lộn xộn vậy ?

Tôi thuật cho Thành nghe chuyện bà Diếc. Thành níu tôi chạy về hướng chòi bà. Lúc này bóng tối đầy đặc úp kín khu ngoại ô thành phố. Gió vẫn rít mạnh. Hình như trời nổi cơn giông. Mảnh trăng lúc này nằm vắt qua cây nguyệt quới đã bị trăng che khuất. Tôi nắm chặt tay Thành, Chúng tôi đứng bên hè, vạch nhẹ vạch lá đưa mắt nhìn vào trong. Bà Diếc ngồi khoanh tay trên bộ ngựa gỗ. Ngọn đèn dầu hôi đặt trên chiếc bàn trà với hai ly nước trà bốc khói. Bà vui vẻ nhìn đăm đăm vào khoảng không:

- Mày có gặp thằng Thế không ?

Ngừng một lúc như để nghe kẻ đối thoại vô hình trả lời, bà tiếp :

- Mày không gặp nó sao ? Hôm qua nó vô đây đòi ngủ với tao nè.

Đôi mắt Thành mở to nhìn tôi. Chúng tôi đứng sát vào nhau. Bàn tay lạnh cóng của tôi chạm phải làn da đầy gai ốc của Thành. Thằng Thế mà bà vừa nhắc đến là chú của tôi đã chết vì chứng bệnh phong đòn gánh mấy năm về trước cũng trong căn nhà này. Hồi chán, bà lăn ra nằm sát vào vách tay gối lên đầu, còn cái gối của bà đặt phía ngoài. Bà nép mình tránh và nói tiếp :

- Tao nằm đây, mày có mỗi lưng thì nằm xuống đi vợ thằng Hường.

Gió sông ào vào cổ tôi. Tôi lạnh cóng cả người như bị ướp nước đá. Chúng tôi quay vào nhà. Đi độ vài bước, tiếng cười sảng sặc của bà Diếc lại vang lên:

- Tụi bây rình rập gì tao đó ? Tao không có đem thằng nào về ngủ đâu.

Tôi chạy nhanh, tiếng cười ghê rợn của bà như đuổi theo.

Chúng tôi xẹt vào buồng ngủ đóng kín cửa. Ngọn đèn chong vẫn để cháy tỏ. Khi chúng tôi vào giường, tiếng rì rầm của bà vẫn còn văng vẳng. Chẳng bao lâu tiếng thở của Thành đều đặn. Lấy mền bịt tai lại, mắt tôi nhắm nghiền. Cuối cùng, cơn buồn ngủ vẫn không đến. Tôi lò mò đi

tim viên thuốc an thần. Tiếng đồng hồ bên hàng xóm đều đặn buông hai tiếng. Sự sợ hãi vu vơ từ chập tối đến giờ lên tiếng từ già tôi.

Thành rón rén bước xuống giuờng, tôi vẫn nằm co ro trong mền ngủ nướng. Ánh nắng buổi sáng len lén bước vào thăm theo đường song cửa sổ. Tiếng hàng quà vọt lên như vòi nước. Tiếng guốc của Thành lóc cóc trở lại, nó tung mừng lòng xênh tôi dậy :

- Mau ra coi bà Điếc nè !

Tôi chạy ụt ịt sau Thành. Đến sàn nước, bà Điếc đang ngồi cạnh lu nước súc miệng bằng bàn chải với kem, bọt bèo ứa hai bên mép. Chiếc bàn chải đưa qua lại đều đặn trên hai nướu không còn răng. Chúng tôi vịn nhau cười sằng sặc. Bà Điếc ngẩng lên, đôi môi trắng xóa y như râu con lân, Tôi đến vịn vai bà, hỏi :

- Răng cở đâu mà đánh bằng bàn chải. Coi chừng chảy máu miệng bây giờ.

Bà nhổ xong ngọm nước đầy bọt xà bông rồi há miệng chỉ vào trong cùng :

- Tao còn một cái răng cấm nè.

Thành lẩn ra cười :

- Hèn chi hôm trước chị Nguyệt nói là chỉ bắt gặp bà đang ngồi ăn mía ghim.

Mưa đêm ồ ạt, cơn hồ như muốn trút xuống trần gian để lôi cả nhà cửa trôi theo giòng nước. Nóc nhà tôi tuông ngói rồn rần trong cơn lốc. Tôi cầm đèn đi xuống nhà bếp đẩy hé cửa sổ nhìn về chòi bà Điếc. Cái chòi lác lư trước gió. Ngọn đèn bên trong tắt phụt tự bao giờ. Bà Điếc không nói nhảm. Vẫn không có tiếng động nào ngoài cơn gió dữ dội và khối nước ụp xuống mái nhà. Tôi khoác áo mưa cầm chiếc đèn bấm chạy vụt ra chòi. Vệt ánh sáng xanh quét vào chòi. Bà Điếc vẫn ngủ say. Tôi yên trí trở vào giuờng nằm co rúm trong mền như con tôm kho tàu trong lòng chảo. Hình như tôi đang chìm trong không khí ngọt ngọt sâu thẳm không có cách nào ngoi lên được. Những kỷ niệm lợt lạt từ đâu lữ lợt kéo về. Đã bao lần tôi cố né tránh những thứ bận rộn đó, nhưng nó cứ rỉ rả lọt vào cuộc sống bên trong của tôi. Tôi sợ những đêm mưa rả rích như thế này. Ngọn đèn chong đang nhảy múa trong ống khói pha lê trong suốt. Âm thanh đều đặn của những giọt nước mưa trên mái ngói dần dần rủ tôi vào giấc ngủ.

Như thường lệ, cứ mỗi sáng tôi xuống sông lội một vòng cho tiêu bớt những thớ mỡ sa đang tích trữ dưới này bụng tôi. Cái quần đùi đen để lộ đôi chân ú nần như hai cái ống nhỏ và trắng xanh như bụng con cá tra. Tôi đi ngang chòi bà Điếc để xuống cầu. Bất chợt tôi hé vách nhìn vào. Bà đang nằm quay mặt vô vách, thỉnh thoảng lại cựa mình rên khe khẽ. Tôi lách cửa vào trong, rờ trên trán của bà. Sức nóng chuyền sang bàn tay tôi. Bà vẫn chưa hay sự có mặt của tôi. Tôi lay và gọi giật bà. Bà Điếc cố cựa mình một cách khó khăn rồi nhướng đôi mắt lôm sôm nhìn tôi, phều phào nói :

- Tao đau hồi hôm đến giờ.

Giọng bà chìm lìm trong cổ. Bà run bầy bầy, đôi tròng mắt vàng như nghệ.

Sau khi khám bệnh, bác sĩ trầm ngâm giây lát, nói :

- Bà ta bị chai gan. Nên đưa bà vào nhà thương.

Nghe tiếng nhà thương bà phản đối, cho rằng nằm nhà thương là bị bỏ rơi rồi sẽ chết để cho ruồi bu kiến đậu. Đành chịu thua, tôi để bà ở nhà, rồi nhờ Thanh đi bỏ thuốc theo toa bác sĩ và thay phiên nhau săn sóc bà. Tuần lễ sau, bệnh bà Diéc không thuyên giảm và cái bụng của bà to như bụng ếch ương. Tay chân bà khô gầy như bộ xương trong phòng thí nghiệm. Tôi nhờ bao nhiêu người đến thuyết phục bà đi nhà thương nằm. Bà Diéc vẫn cho rằng nếu ra khỏi nhà này bà sẽ chết. Cuối cùng tôi nhờ hai ông hàng xóm khiêng bà lên xích lô. Bà cố dẩy dựa nhưng sức bà đã kiệt nên bà không tài nào ra khỏi vòng tay lực lưỡng của họ. Trên chiếc giường sắt phủ ra trắng, bà Diéc nhắm nghiền mắt, đôi môi khô tái nhợt. Thỉnh thoảng, bà nhướng mắt lên đỉnh mùng rồi thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn. Thi (cô em họ tôi) ngồi bệt nơi góc phòng làm nhằm đọc tiểu thuyết. Chốc chốc, Thi ngẩng lên liếc vội về phía bà Diéc.

Nửa tháng chậm chậm trôi qua. Chúng tôi thay phiên nhau ngủ nhà thương. Cứ mỗi buổi chiều, hàng xóm lũ lượt tới thăm. Những gói quà chất đầy ngăn tủ. Độ vài ba hôm bà được y sĩ rút nước thừa chứa trong bụng. Nước ào ào chảy xuống thùng thiếc, sủi bọt trắng ngần. Ruồi nhặng mở cuộc liên hoan quanh mép thùng. Số mỡ thặng dư của tôi rút lui dần sau nhiều đêm bị đánh thức. Thân thể tôi như rã rời từng mảnh. Người tôi nhẹ bớt nhưng đầu óc tôi nặng nề. Hai con mắt màu tím xanh như đánh phong. Tôi giao bà Diéc lại cho cậu em (con cô tôi) để về nhà nghỉ ngơi một lúc. Đẩy cửa vào nhà, mùi ẩm ướt trên nền gạch xông lên. Tôi đặt chiếc giỏ trên tay xuống lần ra sàn nước. Giòng nước mát dội từ trên đỉnh đầu chạy dọc xuống tận chân đã lôi tôi ra khỏi cơn nặng nhọc. Mùi cay nồng của chất alcohol và mùi tanh tanh của bệnh viện trôi theo dòng nước. Tôi trở vào nhà quăng mình lên võng, Tiếng kéo kẹt đều đặn vang vang trong căn nhà âm u. Gió sông lòn vào khung cửa. Tắm màn màu da trời bay bay. Mí mắt tôi mỗi mệt ôm choàng lấy tròng mắt. Một ý tưởng chợt nảy lên đầu óc tôi. Nếu bà Diéc chết. Nếu... Tôi giật thót cả mình mẩy, Không, không thể nào... Tôi không dám nghĩ xa hơn. Bà điên rồ, mê muội... Nhưng cuộc đời của bà gắn liền cuộc đời tôi từ lâu. Nước mắt tôi trào ra. Tôi không thể sống ở nhà này với những bóng ma,

Tôi chợt nhớ ra mình đã tắt kính từ một tháng nay. Duy đã đi Saigon hơn một tuần rồi. Ôi ! tôi, phải đi khám bác sĩ. Đành ông thường không nghĩ tới hậu quả của một phút bồng bột. Tôi lấy tay sờ lên bụng. Từ lúc bà Diéc đau ốm, tôi quên tất cả, chẳng để ý đến sự phòng ngừa. Nhưng sự bồng chồn vẫn không làm giảm cơn kiệt quệ. Tôi mơ hồ như cái đầu tôi rớt qua một bên võng, mọi sự việc đã chuẩn khỏi óc. Màu trắng chập chờn của bốn bức tường với bệnh viện và những chiếc giường sắt phủ drap lụi xa rồi mất hút.

Anh Duy! Sau vụ phá thai em sụt mất mười hai ký thịt. Em gầy gò, xanh xao. Đành ông như anh là kẻ vô trách nhiệm. Anh chớ tưởng sức mảy mà em trả đũa chuyện anh bỏ em bơ vơ với cái bào thai trong bụng được ba tháng. Đêm đêm, em giật mình, cố cảm tưởng mình là kẻ sát nhân. Mai sau, xuống âm ti địa ngục, cũng riêng mình em chịu tội. Càng tội hơn là lúc đầu em chẳng may bị lương tâm cắn rứt.

Bà Bảy Diéc đã chết rồi. Tới phút lâm chung bà chịu rửa tội để về với Chúa. Lẽ nào, một cô gái trẻ tuổi như em, ở bên lề cái thế giới âm hồn như vậy mãi sao anh.

Bây giờ em chỉ còn có hai lượng vàng và một cái máy may. Đợi cho đỏ da thắm thịt để che mặt thể gian, em sẽ tiếp tục may thuê cho thiên hạ. Đời em chưa hẳn tàn như là cảnh chợ chiều. Em sẽ chết một từng đồng để tìm bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ. Em sẽ cho bươm cái ngực teo trở thành cái ngực vĩ đại, sẽ nhờ ông ta vá lại màn trinh. Để rồi anh xem. Em sẽ lấy chồng sĩ quan Thủ Đức. Nhất định là đời em chưa lâm vào ngõ bí đâu. Trả thù anh, chẳng lẽ em mượn du côn đánh anh. Em sẽ làm một người đàn bà phong nhã. Đôi lúc em còn mơ đi học hát để trở thành ca sĩ phòng trà.

Giờ đây thì em cô đơn quá. Ba má em trị cái tội làm lỡ của em bằng thái độ hắt hủi, bỏ liêu. Quần áo em bây giờ rộng phùng phình. Phải sửa sang lối ăn mặc, trang diện, em mới báo thù anh cho anh sáng mắt ra là con Linh này không phải là thứ gái gặp chuyện rủi ro là đem nước mắt ra giải quyết.

Nhìn trẻ con lồi xóm, em đau lòng. Phải chi anh chịu làm cha thì con chúng ta sẽ chường mặt với thế gian. Trời sẽ phạt em. Mai sau dù có chồng đàng hoàng, em sẽ tuyệt tự, phải xin con nuôi. Em vốn hiền lành, nhân đạo, tại anh, tại anh đổ, em mới làm kẻ sát nhân.

Em sẽ ra đi khỏi tỉnh nhà, chạy trốn ám ảnh quá khứ. Mùa này có ốc gạo và xoài tượng. Các bà mang bầu tha hồ ăn cho thỏa thích bù tới lúc nằm giường cũ chỉ ăn cơm trắng với cá kho khô. Bây giờ em bệnh hoạn, chẳng ăn gì ngon, lại ngủ không được. Nhắm mắt lại em thấy đứa nhỏ bò qua qua bò lại, nhe hai cái nướu trống trơn ra cười với em. Lại nữa, hình ảnh bà Diếc ám ảnh em từng giây phút, ban đêm lẫn ban ngày. Biết đâu em sẽ là phản ảnh của bà sau này, điên cuồng vì khát vọng quên mất tuổi già.

Ôi ! em sẽ chết trong đêm vắng, trong ám ảnh dày vò chẳng ? Em phải đi, phải đi...

Em nhìn ra một chân trời khác. Em sẽ tìm yên ổn cho mình. Nơi đó, em chính đốn lại cuộc đời. Để rồi anh xem ! Kẻ nào khinh dễ em, kẻ đó sẽ hối hận. Anh đừng mong rằng đời anh xuống sẽ mãi đâu. Trời phạt anh thất nghiệp. Anh lường gạt tiền bạc thiên hạ nên anh bị tù.

Tuy vậy, em sẽ mở cho anh một con đường khi anh ra khỏi khám. Con đường ấy sẽ đưa anh vào vòng tay rộng lượng của em. Trời sinh chúng ta gắn bó với nhau. Dù có khinh nhau, nhưng chúng ta khó mà bút sọt dây oan nghiệt đã ràng buộc chúng ta từ kiếp trước...

## Những dòng mực cuối năm

Lật bật mà cái năm Quý Sửu sắp qua đi. Chữ nghĩa văn chương vì nạn khan hiếm giấy mà thiếu môi trường hoạt động. Hiệp định Ba Lê, tình trạng phi hòa phi chiến, vụ si-căng-đan Watergate, cuộc chiến tranh bùng nổ ở Trung Đông vẫn chưa làm tôi ngao ngán bằng tình trạng khan hiếm giấy. Đường và gạo dù có trục trặc, thuế T.V.A dù có thiết lập ra với bao điều giải thích nhưng rồi cũng giải quyết êm thấm, duy có tình trạng khan hiếm giấy thì biết đến bao giờ thanh toán cho xong đây?

Tôi ôn lại những chặng đường của cuộc hành trình mà cây bút của mình đã trải qua. Tám năm rồi đó. Cây bút của tôi đã bị biết bao dư luận mà trải qua cuộc thăng trầm. Nói theo âm nhạc là khi thì nó lên dièse, khi thì nó đổi thành bémol. Nói theo cách làm bếp thì khi chay, khi mặn. Dù thế nào đi nữa, dù có khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, tôi vẫn sung sướng là mình đã vào đời, tham dự giọt lệ nụ cười của cuộc đời bằng ngòi bút của mình.

Năm Quý Sửu, một năm lấm chuyện của thời sự quốc tế, và cũng là một năm lấm chuyện cho tôi - chuyện vui thì ít mà chuyện bực mình thì nhiều. Và hôm nay, ngồi ở bàn viết, lắng tai nghe cơn mưa cuối mùa lướt qua mái nhà, tôi có cảm tưởng năm tháng trôi qua mau quá, mà giấc mộng ngày xanh của tôi đêm đêm vẫn thấp thoáng trên dòng chữ, trên trang giấy để hiện lên... cuộc đời văn nghệ người đàn bà này bắt đầu khoảng tuổi trung niên, mà mãi tới bây giờ vẫn chưa nghĩ tới chuyện gác bút để tiếp tục đẻ con, tiếp tục đọc sách và nhất là để suy nghiệm lại những gì mình đã viết. Trong văn giới, mình hãy còn trẻ quá mà.

Năm cùng tháng tận rồi, cái xuân Giáp Dần sắp đến. Mình sẽ bước qua một khúc quanh nào trên dòng định mạng đây? Mâm cơm chiều đã dọn ra. Mưa vẫn còn rơi. Đêm đến quá sớm. Chén cơm nóng, nấu bằng một thứ gạo tầm thường. Dĩa cá nục kho nâu sẫm. Ăn cơm để mà tri ân những kẻ đã giúp mình cầm bút, để nghĩ tới tờ báo đã đăng bài mình đầu tiên. Lúc mới cầm bút là mình chỉ muốn giải tỏa ẩn ức trên giấy, sau này rõ ràng là mình sống bằng ngòi bút. Vứt bút đi là mình sẽ ôm con nhện đói và có thể pha thuốc chuột để mẹ con đồng tránh cơn đói hoành hành. Sinh nhai bằng ngòi bút là chuyện quá bi thảm đối với người đàn bà. Nhưng ở đời, thiếu gì chuyện lươn lẹo, tréo hèo. Thiếu gì chuyện ngược đời ăn trầu bằng bột, gói bánh bằng vôi, hoặc giã gạo bằng nôi, nấu cơm bằng cối. Vậy mà mọi việc rồi sẽ quen mắt, thuận tai dần đi...Mâm cơm của thời buổi kinh tế mắc bệnh bán thân bất toại. Tô canh chua nấu với xương khô, một đĩa rau luộc. Đâu dám kêu ca gì. Vắt một miếng chanh, dầm một trái ớt vào đĩa nước mắm này đi. Cơm nóng, canh nóng, cả nhà ngồi đông đủ, và bên ngoài mưa lạnh rơi đều đều, thánh thót. Hạnh phúc đơn giản quá. Không có gì phải phàn nàn, nhưng thật sự cũng chẳng có gì đáng tự mãn.

Cơm nước xong thì cơn mưa đã dứt. Mới có tám giờ tối mà tôi tưởng chừng đêm đã vào sâu. Tôi ngồi lại bàn viết, xem lại bản thảo của thiên tự truyện mình đã đăng trên một tờ nhật báo. Tôi còn phải sửa chữa thêm thất lại, vì theo nhu cầu feuilleton tôi đã phạm quá nhiều sơ hở, hoặc những lỗi lầm khá buồn cười trong công việc dựng truyện cùng đúc kết cái dàn bài của nó. Tôi đọc lại đoạn tôi đem một truyện ngắn cho nhà văn Võ Phiến xem, lòng vui vui với cái thuở làm văn nghệ đầu mùa. Tôi hình dung lại khuôn mặt của ông cùng hình ảnh cái tòa soạn tập san đã đăng bài đầu tiên của tôi.

Trong các cuộc phỏng vấn, trong thiên tự truyện "*Thấp Ngọn Đèn Cho Tôi*", tôi nói nhiều về trường hợp tôi bước vào văn đàn. Tờ tập san đó là cánh cửa đầu tiên đã tiếp đón tôi. Gần tám năm qua, tờ tập san đó vẫn đều đặn ra mắt độc giả, nửa tháng một kỳ. Đó là một tập san sống dai nhất. Trong năm nhà văn nữ thuộc thế hệ trẻ có bốn cô nàng xuất thân từ tờ tập san đó.

Tôi đã chính thức sống bằng ngòi bút của mình. Đó là nghiệp chướng hay là một điểm phúc, tôi cũng không rõ nữa. Tôi vẫn nhờ ngòi bút của mình mà vượt khỏi quặng đời tăm tối, và tôi phải ốm o so bại cũng tại vì kiếm sinh nhai bằng ngòi bút. Trong nghiệp chướng oan khiên vẫn nảy bông hoa hạnh phúc, và trong vòm trời hạnh phúc vẫn có mầm mống thiên tai. Cứ lý luận như vậy tôi không dám kêu ca hiện tại, hoặc tự mãn về sự nghiệp văn chương của mình.

Nhớ thuở nào, tôi viết dăm ba truyện ngắn đưa cho ông Võ Phiến, mạch văn của tôi không được trôi chảy lắm. Viết văn lúc đó là cả một sự ị ạch như trâu kéo cày. Thuở đó, nhà văn nữ rất hiếm. Người đàn bà có ý thức chút đỉnh dễ nổi tiếng ngay. Huống chi tờ tập san đó là một tờ báo vốn có sẵn ít nhiều uy tín từ trong quá khứ. Quặng đời đó đối với tôi hình như xa quá. Tôi bước vào văn đàn với lót gá già và bốn năm sau ly khai với tờ tập san đó, tôi đã là bà mẹ độc thân. Năm nay tôi lại đập bầu thêm một lần nữa. Cuộc đời thay đổi, đường lối văn nghệ của tôi cũng thay đổi năm hồi mười hiệp rồi. Thế mà thân mình tôi vẫn khô khan, mỏng lét cũng như tòa soạn tập san đó, vẫn âm thầm rầu rĩ bên đường Phan Đình Phùng, với cái mặt tiền thâm u, trầm lặng. Nơi đó, ông chủ nhiệm làm việc âm thầm.

Tôi đã ly khai với tờ tập san đó, không có nguyên nhân nào rõ rệt. Vì viết feuilleton nhiều nên tôi đâu có thì giờ viết truyện ngắn. Nếu tôi xắn truyện dài thành từng mẩu truyện ngắn, thì tờ tập san không tán thành công việc đó. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng mình sẽ phải viết một cái gì cho nó. Ngưỡng cửa danh vọng đầu tiên của tôi là chỗ đó. Tôi viết feuilleton như một cô gái đã có chồng mà còn đi ăn sương. Các nhật báo, các tuần báo khác là những tình nhân, những khách làng chơi xộp, trút tiền như bươm bươm xuống người tôi. Riêng tờ tập san đó là một ông chồng già khó tính, nhưng chung thủy, luôn đợi tôi trở về.

Năm nay có thể là tôi trở về tờ tập san đó. Nhưng tôi phải ra đi để đối phó với cuộc đời củi quế, gạo châu này. Có thể năm tới, tôi trở về thăm tờ tập san đó một lần nữa, thăm chốc lát rồi ra đi. Các bạn gái đồng nghiệp của tôi cũng đi ngang về tắt như tôi. Không ai muốn nắm nuôi ở tờ tập san đó. Ở đó, chỉ có thể làm văn nghệ, chứ không phải là chỗ kiếm cơm. Ở đó tôi phải viết lách đứng đắn, phải làm việc thận trọng. Tôi lia tờ tập san đó, chứ không phải bỏ nó, và tôi đi chinh phục kể sinh nhai bằng hình ảnh tòa soạn của nó trong tâm tư tôi.

Tôi biết cây bút của mình bớt ăn khách dần, và hình như đã xuống giá. Tôi đâu có thì giờ làm văn nghệ nữa. Khi bước vào tòa soạn đầu tiên, tôi còn lý tưởng hóa văn nghệ, đầu óc không hề in dấu đồng, ước vọng vẫn lai láng như con nước lớn tràn sông. Bây giờ, tôi vừa viết văn vừa đợi ngày đào thải... Nhưng, tôi vẫn cảm thấy sung sướng. Mình đã được làm mẹ, và nuôi con bằng óc não của mình. Đó là một cái có chính đáng mà tôi không thể cộng tác với tờ tập san đó bằng tác phẩm truyện ngắn. Tôi bạc tình và vô ơn chăng? Nhiều lúc tôi tự hỏi như vậy và mỉm cười, lòng vui vui một cách vô cớ. Tờ tập san đó cần phải có những khoảng đất trống để vun quén những bông hoa văn nghệ khác. Lửa hoa của chúng tôi đã mãn khai, phải sang một vùng đất khác, và lâu lâu chỉ có thể rải một chút phấn nhụy về tờ tập san đó. Đó là chuyện hết sức tự nhiên. Nó còn phải khai thác cho những tài năng khác mà lại.

Đối với những anh em văn nghệ ở ngoài tòa soạn đó, tôi là Nguyễn thị Thụy Vũ. Nhưng đến nó tôi vẫn là cô Nguyễn Băng Linh. Tất cả xem tôi như một người thân. Anh em tòa soạn đó đã từng chứng kiến tôi trong lớp gái Lục Tỉnh bước lên Sài Gòn, thường đỏ mặt tía tai mỗi khi nghe những câu hỏi tếu của bất cứ ai. Tôi đến tờ tập san đó bằng thái độ e dè, có cảm tưởng mình làm văn nghệ như mình hát xiếc trên hai sợi dây căng ngang tít trên cao. Tôi đã nhận năm trăm đồng tiền nhuận bút ở tác phẩm truyện ngắn đầu tay do ông chủ nhiệm đưa. Năm trăm đồng bạc thuở đó cũng như năm ngàn đồng bạc bây giờ chứ ít ỏi gì sao. Nhưng thuở đó sống trong sự bảo bọc của cha mẹ, tôi viết văn vì thích viết mà thôi. Năm trăm đồng chỉ làm cho tôi nghĩ rằng, bài mình được một tạp chí "lớn" đoái hoài tới.

Bây giờ, đến tất cả tòa soạn báo nào, tôi hiện thân là một cơn lốc, cười giỡn, tung hứng từng câu, đốp chát sức mùi dao búa, bụi đời... Nhưng đến tòa soạn đó cũng như đến tòa soạn *Văn*, tôi trở về con người cũ. Anh em ở đây đã biết tôi là ai, tôi xuất xứ từ đâu rồi. Họ đã biết căn cội, nguồn gốc cùng con người thật của tôi. Tôi hiện nguyên hình là con gái Lục Tỉnh, gót còn dính phèn đất ruộng, ngôn ngữ vẫn còn sức mùi rẫy bãi.

Đây là chỗ để tôi thảo luận nghiêm chỉnh, đây là chỗ để tôi sống lại một quãng đời làm văn nghệ đầy thú vị. Ngồi ở tòa soạn của tờ tập san đó chừng một buổi thôi, tôi sẽ gặp rất nhiều người quen cũ. Họ đến đó ung dung, với thái độ nhàn nhã, tự tại. Ở đây không có những khuôn mặt thẳng thốt chạy đua theo sự tăng vọt của sinh kế vì ở đây không phải là chỗ mưu cầu đồng tiền bát gạo. Người đến tòa soạn đó thường cất giấu bộ mặt sinh kế qua một bên để hỏi thăm lẫn nhau về mức sáng tác, về những quyển văn nghệ đã đọc qua. Không khí ở đó thật êm ả. Tiếng quạt máy trên trần nhẹ nhàng. Ngọn đèn rải xuống bàn ghế, giấy má một thứ ánh sáng lạnh lẽo. Bao năm trôi qua, những người ngồi nói chuyện với nhau đã già rõ rệt, nhưng tôi có cảm tưởng như hôm qua mình đã đến đó và khi bước ra tòa soạn tờ tập san đó tôi vẫn hòa mình vào guồng máy sinh hoạt thật dễ dàng.

Nói đến tờ tập san đó, tôi nghĩ ngay đến ông Võ Phiến. Trong thiên tự truyện trên nhật báo *Sóng Thần* tôi đã viết đầu đuôi câu chuyện tiếp xúc giữa ông và tôi. Hèn lâu tôi không gặp ông. Ngay đến ngày cưới của người trưởng nam của ông, tôi không được thiệp báo tin lẫn thiệp mời, và khi tôi hay được thì đã trễ nửa năm rồi còn gì. Đời tôi là một chuỗi dây đầy thiếu sót, vụng về. Tôi còn giữ một chút liên lạc những gì với tòa soạn tập san đó qua hình ảnh cô bạn gái viết văn của tôi. Một cô thì làm chủ nhiệm một tờ nhật báo ở Thủ Đức. Một cô thì vừa dạy học vừa viết feuilleton, vừa làm bếp và săn sóc chồng con. Cô đầu, hôm tôi đi đập bầu có

đến thăm. Tôi viết văn mỗi cả lóng tay mà tới lúc vào nhà sanh tôi chỉ còn có vài ngàn bạc trong túi. Trước khi sanh tôi còn phải chở một bao gạo từ chỗ mua tới nhà rồi mới yên lòng mà đập bầu. Mà nào có yên lòng nằm trên giường để đâu. Bốn cái feuilleton phải viết cho đúng hạn kỳ, đầu trước đó tôi đã thức khuya lác khuya lơ để viết trừ hao. Đứa con đầu tôi nuôi bằng sữa Guigoz, đứa con thứ hai bằng sữa SMA, nhưng đứa con thứ ba tôi nuôi bằng sữa hộp Trái Núi Trắng. Con bé này mặc quần áo thừa của anh chị nó. Chiếc xe Mini Lambretta của tôi đã bán từ lâu nên tôi ít đi đó đi đây vì sợ tốn tiền xe. Tôi đã mượn tiền trước một vài nhà xuất bản mà vẫn chưa sửa chữa lại các tác phẩm để giao cho họ.

Hát bài ca con cá hoài có lẽ tự mình làm nhảm tai mình. Than thì cứ than, nhưng tôi vẫn thầm biết mình có hạnh phúc. Ba đứa con tôi, đứa nào cũng dễ nuôi. Tôi tự nhủ thầm là con mình dễ thương, nhưng viết ra đây thì tôi chỉ có thể nói là đứa nào cười cũng có lúm đồng tiền như điều tôi mơ ước lúc tôi mang thai chúng. Tôi chỉ có thể nói là thằng con trai tôi sẽ không có hàm răng vẩu. Răng có lúm thì nụ cười mới tươi. Người đàn bà bước đầu trong việc nuôi con là sợ mình xấu xí, tàn tật. Thoát khỏi hai ám ảnh đó cũng như thoát khỏi hai chặng đầu của cơn ác mộng.

Thằng em tôi chỉ thích tôi sanh con trai. Nhưng năm nay khi đi xa về, nó vào phòng tôi, hỏi liền:

- Thế nào, trai hay gái đó?

Tôi mỉm cười:

- Lại thêm một tiện tỳ nữa.

Nó vui vẻ:

- Năm nay sanh con gái tốt lắm nghen. Nam Nhâm, nữ Quý mà lại.

Nó vệt mừng lên ngắm nghía chán rồi xem tướng một cách ngon lành:

- Mà thanh nhã, hình vòng nguyệt: quý tướng. Răng hơi vẩu, đàn bà răng hơi vẩu thì dễ tô son. Ava Gardner và Elizabeth Taylor đều có răng hơi vẩu cả nên họ hôn rất giỏi trên màn bạc và họ mà chửi chồng thì chồng có cảm tưởng mình nghe nhạc Beethoven. Mũi con bé này hơi hình càng tốt vì mai sau nó sẽ nhận thức được mùi son, mùi nước hoa lạ trên môi, trên thân thể chồng để dễ bề kiểm soát chồng. Móng tay con này chưa chi mà đã mọc dài, tốt lắm, chừng nữa nó sẽ có móng vuốt để cào mặt tình địch và để ngắt véo để trị tội ngoại tình của chồng.

Tôi cũng vái trời cho con tôi được như lời tiên đoán của cậu nó. Ai lại không muốn cho con trai mình biết trị vợ và con gái mình giỏi bắt nạt chồng. Mẹ tui nó có máu ăn hiếp chồng, thì tui nó có tánh ăn hiếp vợ nên thủy hỏa khi tương giao thì sẽ sùng sục, còn khi tương khắc thì ào ào như trận gió kinh thiên thì ầm ầm như ngói tan trúc chẻ...

Hạnh phúc có nhiều bộ mặt và tôi tự hỏi mình chiếm được bộ mặt gì? Tuy nhiên càng đông con tôi chẳng có một khoảng hở thời gian để lui tới tòa soạn của tập san đó.

Thỉnh thoảng tôi đến chơi tòa soạn báo bán nguyệt san Văn. Trước khi đến đó, tôi đến viếng phòng mạch của ông bác sĩ quen thân. Tôi thường điện đàm cho một anh bạn đồng nghiệp túc trực thường xuyên ở tòa soạn đó. Trong cuộc điện đàm, tôi thường xưng:

- A-lô, anh N.X.H. đó hả? Phải, tôi đây, bà mẹ độc thân đây. Hồi mới vào văn đàn, người ta lấy cái tựa của tác phẩm đầu tay của tôi là "*Mèo Đém*" để làm cái hỗn danh cho tôi cũng như tôi kêu nhà văn Lê Xuyên là Chú Tư Cầu vậy. Sau đó, có lẽ họ thấy kêu như vậy là không ổn, nếu không là méo mó nghề nghiệp một cách oan ức cho tôi, nên họ tự động bỏ cái hỗn danh đó đi. Sau này, sau khi trả lời cuộc phỏng vấn trên tập san Văn, tôi được mọi người kêu là bà mẹ độc thân và tôi rất hài lòng cái hỗn danh này. Đôi lúc, tôi nghĩ có phải mình sống thành khẩn với hoàn cảnh của mình hay là trăng tráo một cách rề tiền khi tự xưng mình là bà mẹ độc thân.

Ở tòa soạn Văn có quá nhiều nhà văn lớn, có hào quang danh vọng che ngợp văn đàn nên tôi nói năng giữ kẽ, thùy mị đoan trang như gái đợi chồng, khép nép như nàng dâu trình diện cha mẹ chồng. Còn rất nhiều tòa soạn của các nhật báo nữa. Ở đó không khí huyên náo hơn, đầy câu nói đốp chát hơn. Máy in chạy rần rần, tiếng cười cợt, cãi vã, bông đùa cũng càng sôi nổi



hơn, lăn theo một nhịp điệu hồi hả, gấp rút. Lại còn những quán ăn, những tách cà phê và những khuôn mặt của các phóng viên, nhà báo nữa. Đời sống ở những nơi đó vô trật tự, có khi vô liêm sỉ nữa, nhưng rất linh động và phồn thịnh đã kích thích tôi, để tôi tiếp tục bán chữ để đổi lấy chén cơm.

Vào xuân năm Giáp Dần, tôi chẳng biết cầu chúc cho mình hơn là giữ mãi một nhịp sống không xê dịch, không biến cố. Thúy Kiều sau mười lăm năm phong trần lưu lạc, được về quê hưởng “*duyên xưa đây đặn, phúc sau đời dào*” ở lứa tuổi ba mươi. Tôi cũng lưu lạc, tuy không phong trần gì, nhưng cũng bị định mạng cấu véo những lần đau điếng. Tôi cũng muốn được an thân, dưỡng vóc ở trong cái Làng Báo Chí này. Cầu chúc cho cơn khùng hoang giầy má chóng qua. Cầu chúc cho những tờ văn nghệ đứng đắn khỏi tình trạng ra mắt độc giả dưới hình thức một đặc san hay một giai phẩm. Cầu chúc cho ông chủ nhiệm đã đăng bài đầu tiên của tôi khám phá thêm nhiều tài năng văn nghệ mới. Cầu chúc cho ông chủ nhiệm báo *Văn* bình phục hẳn để hoạt động lại những cơ sở văn nghệ của ông. Cầu chúc luôn cho sự thù tạc của mình giúp mình đánh tan những ganh tị hiểm thù nhỏ nhen cùng san bằng những thành kiến tai hại của những kẻ mà mình không ngờ đứng ở hàng ngũ đối lập với mình.

Xuân Giáp Dần này chắc không vui lắm vì tôi vẫn chưa chuẩn bị một số tiền xài Tết. Nhưng mà, tôi vẫn lạc quan. Tôi sắp thoát khỏi tuổi bị sao Kế Đô chiếu mạng. Làn sanh nở thứ ba, máu huyết tôi thay đổi nhiều nên sức khỏe có lẽ dồi dào hơn trước. Tôi chợt khám phá một điều: bao nhiêu biến cố đến với tôi như con nước lớn ròng, nhưng niềm lạc quan của tôi vẫn như một cái vỏ ốc ở dưới đáy sông. Vỏ ốc dù nhỏ nhưng nó vẫn có hình tượng và có sự hiện hữu của nó.

(nguồn: Văn giai phẩm Xuân Giáp Dần)

\*\*\*

## Phụ đính II:

### Người con gái 27 năm với đời sống thực vật Văn Quang

Rời Sài Gòn trên chuyến xe đò cuối cùng vào 5 giờ chiều một ngày đầu mùa mưa cuối tháng 4-2000, chúng tôi đến thị trấn An Lộc vào lúc gần 8 giờ tối Thành phố nhỏ, heo hút ánh đèn vàng, hai bên đường trùng điệp những vườn tiêu, vườn cây ngút ngàn nhấp nhô trên những sườn đồi dưới ánh trăng mờ đục Chiếc xe đò thả hai chúng tôi xuống trước trụ sở của Hạt Kiểm Lâm An Lộc. Nhà chị Thụy Vũ ở bên kia con dốc, sát bên Quốc lộ 13. (Tôi xin phép được nhắc sơ qua về nhà văn Thụy Vũ: - Nguyễn Thị Thụy Vũ, sinh năm 1937. Tên thật Nguyễn Thị Băng Linh. Tác giả nhiều tác phẩm nổi tiếng ở miền Nam VN trước những năm 1975. Tác phẩm: Mèo Đêm (tập truyện ngắn đầu tay); Nhang tàn thấp khuya; Chiều xuống êm đêm; Khung rêu (giải thưởng văn học toàn quốc); Thú hoang; Lao vào lửa và một số tác phẩm đã đăng trên các báo nhưng chưa xuất bản. Công tác với các báo Dân Chủ Mới, Bút Thép) Nghe tiếng xe dừng giữa đường, chắc Thụy Vũ đã đoán ra nhà mình có khách đường xa tới thăm. Chị đứng chờ sẵn ngoài hiên, khom mình dưới tấm rèm cũ, nheo mắt nhìn hai chúng tôi bước vào sân và chị nhận ngay ra chúng tôi Nét vui mừng hiện rất rõ trên khuôn mặt gầy guộc của chị:

Trời ơi, ông định làm tôi vỡ tim chắc? Bất ngờ quá.

Rồi chị nắm áo Ngân:

Sáng nay điện thoại sao không nói gì?

Ngân chỉ tôi:

- Tại cái nhà ông này, bốc đồng lên rủ người ta đi, chứ tui thăm bà làm cái gì khi chưa có tiền. Tôi hiểu là hai người đàn bà này thân với nhau lắm, thân hơn chị em ruột. Khi còn ngồi ở nhà tôi, điện thoại cho Thụy Vũ xong, Ngân bỗng nói: “Em phải đi thăm con nhỏ này, nhớ nó quá rồi, chịu hết nổi”. Thế là hai chúng tôi ra xem Thụy Vũ đưa chúng tôi vào căn phòng khách nhỏ đã dọn sẵn cái mùng trên tấm nệm mút mỏng dính. Có lẽ ở những nơi xa xôi như thế này người ta có thói quen đi ngủ sớm. Chị đãi chúng tôi bữa cháo Đàng cơm đói, không cần đợi chị mời, tôi ăn uống ngon lành. Bỗng tai tôi chói lên vì một tiếng hú. Tiếng hú của một con thú nào đó từ rừng hoang vọng lại nhưng rất gần, sát bên chỗ chúng tôi đang ngồi. Tôi ngỡ ngác, nhưng mọi người thì vẫn bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Chị Thụy Vũ lặng lẽ đứng dậy, Ngân thấy tôi nhìn qua khung cửa sổ bèn mỉm cười nói ngay:

- Nó khóc đấy!

Tôi vẫn ngớ mặt:

- Nó là cái gì? Con khỉ hay con heo rừng hay con chó sói

- Con Thụy, con gái chị Thụy Vũ đấy, anh không biết sao

- Chỉ nghe nói chị Vũ có một người con bị bệnh bại liệt thôi

- Không phải bại liệt mà cháu sống như cây cỏ từ 27 năm nay rồi! Cháu nằm đó mà không hề hay biết gì hết. Năm nay cháu 29 tuổi. Em đã từng chăm sóc cháu ngay từ khi cháu còn nhỏ. Lúc đó thì còn có thể bồng bế cháu dễ dàng, đưa lên xe lăn, đẩy cho cháu ra ngoài chơi. Nhưng bây giờ thì cháu lớn quá rồi, không ai trong nhà này bế nổi cháu lên xe nữa, đành chịu vậy thôi. Mỗi lần đi đâu, em nhớ và thương nó không thể xa nó lâu được.

Tôi hiểu rằng câu Ngân nói khi còn ở Sài Gòn là nhớ con bé con chị Thụy Vũ chứ không phải nhớ chị. Tôi nhìn Ngân và hỏi lảng:

- Vậy ra cơ thể cháu phát triển bình thường?

- Vâng, cháu phát triển như những người con gái khác, chỉ có đôi chân không di chuyển được nên cứ teo tóp lại. Người cháu rất nặng.

Tôi hỏi đến nguyên nhân có phải là thứ bệnh bẩm sinh không. Ngân lắc đầu:

- Hồi nhỏ, cháu rất xinh đẹp. Đến năm 2 tuổi, cháu đã biết đòi nghe nhạc, rất duyên dáng. Có lẽ là do một chị người làm trông nom đã làm cháu ngã, đầu va vào góc thành giường nên từ đó cháu nằm liệt luôn và không biết gì nữa. Chị Vũ nuôi cháu trong một hoàn cảnh rất cơ cực. Sau năm 1975, còn sống ở làng Báo Chí Thủ Đức, không có cả bo bo mà ăn. Chúng em đã buôn thúng bán bưng đủ các thứ nghề để nuôi cháu. Chị Vũ làm lơ xe buýt đường Sài Gòn - Thủ Đức, suốt ngày chỉ đứng có một chân trên 10 chuyến xe như thế cho đến tối mịt mới về đến nhà. Mệt quá lăn ra ngủ, bữa đói bữa no. Con cái nhốt lại cho đứa lớn coi đứa nhỏ. Sau một thời gian chịu không nổi, chẳng biết sống bằng gì, chị Vũ đưa ba đứa con về đây sống với mẹ. Căn nhà này là của bà mẹ chị để lại, bà cụ mới mất cách đây vài năm. Anh thấy nhà cửa coi bộ

khang trang nhưng chỉ có cái xác nhà chứ bản thân chị Vũ thì chẳng bao giờ có đồng xu dính túi Tôi nhìn căn nhà, gọi là khang trang chứ thật ra chẳng có gì đáng kể. Chỉ có phía trước mới được sửa sang lại tí đỉnh cho đám cưới đưa con gái út của chị cách đây vài tháng, còn phía sau, nơi chúng tôi ngồi ăn thì vẫn lợp tôn tuyền toàng. 25 năm trôi qua, người khác đã có thể vượt qua cơn khốn quẫn, ít ra có bát ăn bát để, nhưng chị dường như vẫn vậy. Vẫn sống bữa nay chưa biết bữa mai Ngân kể tiếp:

- Thằng con lớn của chị đã có vợ, nhưng chị cũng chẳng nuôi nổi Cháu phải đưa vợ vào tuốt trong rừng làm cái lán ở, trông nom miếng đất trồng trọt cho người ta lấy công. Một nơi không có điện, không có nước, sống như người rừng. Đưa con gái út mới lấy chồng. Nhà chỉ còn lại mình chị với đứa con nhỏ bệnh tật. Chị có miếng đất bỏ hoang phía sau nhà, mấy người bạn thương hại, đầu tư cho chị chút vốn trồng vài trăm gốc tiêu, ít cây ăn trái Nhưng mới chỉ là ban đầu Một mình chị đóng cọc, làm cỏ, tưới cây, chăm bón và khi nghe tiếng con hú lại tất tả chạy về Nguồn thu lợi chính của chị là dạy học thêm cho chừng hơn 10 đứa học trò nhỏ, tháng được vài trăm ngàn, không đủ tiền ăn cho hai mẹ con chứ đừng nói đến tiền thuốc thang cho cháu Chị cũng chẳng thể làm gì hơn trong hoàn cảnh như thế này và ở một nơi chốn như thế này Sáng hôm sau, khi Thụy Vũ mới làm cỏ cho đám cây mới lớn ngoài vườn, tôi nhờ Ngân đưa vào thăm cháu Khôi Thụy Trong căn phòng nhỏ hẹp, trên chiếc giường lạt tre thưa thớt, một thân hình con gái trắng nhẽ nhại với chiếc quần cụt, chiếc áo thun ngắn tay nằm ngay đơ trên chiếu chỉ trải có nửa giường. Bởi nơi đó là nơi cháu vừa ăn ở, vừa đi vệ sinh, vừa làm chỗ tắm. Cháu không thể nằm nệm vì chẳng có thứ nệm nào chịu cho nổi Phải nằm nửa giường lạt tre thưa để tiện cho mọi công việc ăn uống, tắm rửa Hơi thở thoi thóp, cái thân hình con gái căng đầy, cặp chân nhỏ xíu chẳng cân xứng chút nào với thân hình. Cháu không hề biết mình sống hay chết, không biết đói no, không biết gì hết ngoài hơi thở là của con người Cho ăn thì ăn, ăn bất cứ thứ gì được mẹ hay các cô dì, bạn của mẹ đưa vào miệng. Không cho ăn, cháu cũng chẳng đòi Thịnh thoảng cháu hú lên không phải vì đói mà vì một lẽ gì đó không ai biết. Tiếng hú như tiếng kêu của một oan hồn hơn là một con thú hoang. Nghe tiếng hú, tay tôi cầm chiếc máy hình run lên, nước mắt tôi bỗng trào ra, nhòe nhoẹt óng ngấm. Tôi chẳng nhìn thấy gì ngoài cái tiếng kêu ấy. Biết đâu cháu chẳng có một chút tri thức nhỏ nhoi nào đó còn sót lại trong cái đời sống thực vật kia. Biết đâu chẳng phải là tiếng nói nghẹn lại trong nỗi ảm ức vô cùng không thể diễn tả thành lời Cứ nghĩ như thế tôi lùi dần ra ngoài cánh cửa gỗ mùi hôi nồng tanh tươi còn đọng lại mặc dù căn phòng được lau rửa hàng ngày. Những người quanh cháu đã quen với cái thứ mùi này rồi nên không để ý, nhưng người mới tới lần đầu là thấy ngay. Ngân phải cầm máy hình, chụp giúp tôi vài tấm. Thú thật là ngay lúc đó tôi chưa biết phải làm gì với mấy tấm hình đó. Tôi chỉ cảm thấy cần phải có vài tấm hình của cháu mà thôi Ngân chỉ chiếc xe lăn bên cạnh phòng:

- Có vài chiếc xe lăn của mấy người bạn chị Vũ ở nước ngoài gửi về cho cháu như anh Triển cùng chị Triều Giang, chị Trùng Dương. Nhưng đã bán hết, nay chỉ còn lại một chiếc còn để đó, chẳng ai trong nhà này bế cháu lên nổi xe lăn nữa Suốt ngày hôm đó, cái hình ảnh cháu Khôi Thụy ám ảnh tôi không rời Buổi trưa tôi ngồi với Ngân ngay trên sàn gạch nhà ngoài Tôi nghe phòng bên vắng vắng tiếng cười rúc rích của Thụy Vũ, tiếng chị nựng nịu, tiếng nước chảy ào ào rửa nhà và tiếng hát ru của chị vang lên giữa núi rừng. Tôi có cảm tưởng như chị sống rất hồn nhiên, vui vẻ bên đứa con thơ hai ba tuổi Càng nghe chị cười, chị thủ thỉ với con, tôi càng thấy nghẹn ngào Đôi mắt Ngân chớp mau, cô nói như để che lấp nỗi lòng mình:

- Anh thấy không, đó là nét đặc biệt nhất của Thụy Vũ.

Chị luôn coi đứa con chị như khi còn hai tuổi và chị cứ hình dung cháu không hề bị bệnh, chị vẫn nựng nịu cháu, cười đùa hồn nhiên với cháu Có miếng gì ngon chị cũng để phần cho cháu, dù chị biết rõ hơn ai hết rằng nó không hề phân biệt được cái gì là thức ăn chứ đừng nói đến

ngon dở.

Nhưng đó là tấm lòng bao la của người mẹ

- Phải nói rằng một người mẹ tuyệt vời và một tấm lòng can đảm vô bờ bến.

Ngân tiếp:

- Suốt bao nhiêu năm sống bên cạnh chị Vũ, em chưa hề nghe

chị phàn nàn một tiếng nào trong việc phải cực khổ trông nom nuôi nấng đứa con bệnh tật đau khổ này.

Tôi buột miệng hỏi:

- Còn cha nó? Có thăm nom gì không?

- Cha nó ở bên Mỹ, nhưng từ ngày ra đi, ông à quên mẹ con chị Vũ rồi! Mặc dù bạn bè ai cũng biết, mấy mẹ con chị sống khổ cực cay đắng đến như thế nào 25 năm qua, cho đến bây giờ đời sống vẫn vậy. Không đủ tiền cho con ăn, lấy tiền đâu uống thuốc? Sống hôm nay biết hôm nay, ngày mai nói chuyện sau. Tính chị Vũ vẫn vậy. Hôm sau tôi hỏi lại chị Vũ về việc này cho rõ ràng. Chị chỉ gật đầu:

- Đúng thế. Tôi không hề biết địa chỉ của anh ấy. Thịnh thoảng mấy đứa con anh ấy về chơi, chúng rất có cảm tình với tôi. Có lẽ vì thấy à....

Chị bỏ lửng câu nói ở đấy rồi bắt sang chuyện khác. Tôi cúi đầu, một nỗi đau tràn đầy, niềm tủi buồn dâng ngập.

Và đêm đó tôi lại nghe tiếng hú của cháu vang lên trong đêm dài giữa núi rừng An Lộc lộng gió. Cái bóng âm thầm của chị Thụy Vũ vọt dậy, lặng lẽ đến với đứa con, tiếng hát ru nhẹ nhàng của chị sợ làm kinh động giấc ngủ của khách và nhà hàng xóm. Tôi làm sao mà ngủ lại được! Ngày hôm sau, chị Vũ đưa hai chúng tôi ra trước cửa trụ sở của Hạt Kiểm Lâm đứng đón xe đò trở về Sài Gòn. Chiếc xe chuyển bánh, người đàn bà gầy gò đứng chờ vợ trên sườn đồi đất đỏ. Chị cúi đầu trở lại với công việc làm cỏ khu vườn tiêu và với đứa con bệnh tật cùng với cuộc sống vô cùng thiếu thốn cô đơn của chị. Cái hình ảnh ấy khiến tôi ngồi đại đi. Ngân cũng chẳng hơn gì tôi, mặc dầu với tôi đây là lần đầu tiên tôi đến thăm Thụy Vũ, nhưng với Ngân đây là lần tạm chia tay với mẹ con Thụy Vũ không biết là lần thứ bao nhiêu rồi! Tôi biết rằng tôi phải làm một cái gì đó. Một lát sau, tôi nói với Ngân:

- Anh phải viết một bài về chị Thụy Vũ và cháu Khôi Thụy. Nhưng không biết có chạm đến lòng tự ái của chị Thụy Vũ hay không. Bởi chị là người không hề than thở với ai điều gì bao giờ, chị luôn luôn tìm tiếng cười trong cuộc đời vô cùng bất hạnh của chính mình.

Ngân suy nghĩ một chút rồi nói:

- Nếu anh hỏi ý kiến thì chị Vũ có thể sẽ từ chối đấy. Nhưng anh hãy làm cái gì mà anh thấy cần làm. Em sẽ nói với chị ấy sau. Anh tin vào tình thân của em với chị Vũ thì cứ làm.

Tôi nói với Ngân:

- ‘Bạn bè anh ở nước ngoài đã có một số biết về tình cảnh của chị Thụy Vũ và đã có “yểm trợ”. Nhưng còn một số anh chị em khác vẫn chưa biết.

- Em hiểu, thỉnh thoảng chị Thụy Vũ cũng có được những ngày vui, đầy đủ với con cái Nhưng chỉ ít ngày sau là lại túng thiếu Vì thế vấn đề bây giờ là phải làm sao cho chị ấy có vốn để buôn bán hoặc trồng trọt, tính đến cuộc sống lâu dài, chị ấy cũng 63 tuổi rồi chứ ít sao Chị ấy thường lo rằng nếu chị ấy chết trước thì cháu Khôi Thụy sẽ khổ hơn nữa Anh em nó cũng chẳng ai đủ sức lo cho nó được. Chị thường nói: Nếu hai mẹ con chết cùng một lượt thì vui biết mấy. Nghe câu “vui biết mấy” mà tôi muốn dựng tóc gáy Đó cũng là tính cách đặc biệt của Thụy Vũ. Đau buốt ruột mà vẫn dõn dấy, dõn dấy mà là dõn thiết chứ không phải mỉa mai Tôi đã đề nghị chị viết lại một tập hồi ký về đời mình. Chị lắc đầu:

- Thèm viết lắm, nhưng làm gì còn thì giờ, còn tâm trí đâu mà viết nữa Và lại bỏ nghề lâu rồi chẳng biết mình viết nữa thì sẽ ra sao Tôi hiểu rằng chính cái thiếu thốn trăm bề khiến chị không còn thì giờ đâu mà ngồi vào bàn viết. Tôi phải bàn với Ngân tìm tạm một cơ hội nào đó cho chị rảnh rang chân tay để cho có được một tác phẩm chắc chắn là sẽ rất hay. Ngân đồng ý là sẽ hết sức cố gắng làm công việc này. Thuyết phục mãi, chị Thụy Vũ hứa là sẽ tiếp tục việc viết lách. Và tôi rất hy vọng sẽ có một tác phẩm mới của Thụy Vũ vào một ngày không xa Chính vì vậy, tôi nghĩ đến việc thông tin cho các bạn tôi ở nước ngoài Nhưng như tôi đã nói với Ngân:

- Các bạn tôi ở nước ngoài cũng là những người chẳng dư giả gì, có ông còn đói dài Nhưng họ vẫn gửi về giúp đỡ anh em mỗi khi cần đến. Vì sự nhún nhường thường có của các anh chị em, tôi không tiện kể tên ra đây Tuy nhiên nếu tôi lên tiếng đề nghị thì chắc chắn sẽ lại có anh em tiếp tay ngay Nhưng ở đây, tôi xin gửi đến tất cả độc giả thông tin này để nếu có thể tiếp tay cùng anh chị em chúng tôi lo cho đời sống của mẹ con chị Thụy Vũ một cuộc sống vững vàng hơn. Và nếu như có một cơ quan từ thiện nào sẵn lòng giúp đỡ cho cháu Khôi Thụy được đi chữa bệnh thì vấn đề sẽ được giải quyết tốt đẹp hơn rất nhiều

Sau cùng, tôi xin lỗi chị Thụy Vũ vì đã viết bài này mà chưa hề biết ý kiến của chị. Tôi chỉ làm một công việc mà tôi thấy cần phải làm. Tôi đã hỏi ý kiến của bạn bè thân ở Sài Gòn và ở nước ngoài, hầu hết anh em thân thuộc đều cho phép tôi được viết bài này Tôi hy vọng sẽ có rất nhiều bạn đọc có tấm lòng sẵn sàng giúp đỡ và để khỏi phải qua một trung gian nào, xin liên lạc thẳng với chị Thụy Vũ theo địa chỉ sau:

Nguyễn Thị Băng Lĩnh,  
Hộp Thư 08 - Bưu điện Lộc Ninh  
Tỉnh Bình Phước.

**Thụy Vũ chăn dê**  
**Đồ Tặng Bí**  
(nguồn: nguoi viet online)



*Nửa đàn dê còn lại sau một trận dịch quét qua. Mỗi con dê bán lấy giống được khoảng 5 triệu. Cỏ trong máng do nhà văn Thụy Vũ trồng ngay trên rẫy.*

\*\*\*

### **Một chuyến đi Lộc Ninh**

Một ngày đầu Tháng 11, 2004, Nguyễn Đạt và tôi đi Lộc Ninh thăm nhà văn Thụy Vũ. Kể từ khi bài nói về cuộc sống thực vật của cháu gái của chị do anh Văn Quang viết ra, cuộc sống chị có phần thay đổi. Bạn bè, văn hữu, độc giả có chia sẻ với chị ít nhiều nỗi khó khăn nhọc nhằn trong cuộc sống khốn cùng. Bây giờ, Thân Mẫu chị mới mát, chị được thừa hưởng căn nhà ngói sát bên lề tỉnh lộ đi Lộc Ninh, đời sống có đỡ khổ cực nhiều. Cháu gái nhờ thuốc men cũng có bớt hơn chút ít, có chỗ trú mưa trú nắng, có bữa cơm nóng mỗi ngày, chị cũng đỡ cực hơn. Nhưng chưa thể nói chị có cuộc sống đầy đủ, chưa thể nói chị được hưởng chút an nhàn.

Chúng tôi ở chơi với chị Thụy Vũ và chị Văn Quang gần 5 tiếng đồng hồ. Theo chị lên rẫy nơi cách đây mấy năm chị và cháu gái sống đời cùng cực dưới mái lều dột nát. Đứng trước căn lều rộng chưa tới 12 mét vuông, tôi băn khoăn không hiểu chị nghĩ gì để có đủ dũng cảm sống suốt những tháng năm đọa đầy bên cháu gái liệt giường? Bây giờ chị đã trồng được mấy trăm gốc tiêu, dựng được một chuồng nuôi vài con dê, một con bò, và một khoảnh đất trồng cỏ. Tiêu bây giờ đang mất giá, thu hoạch sẽ chẳng được bao lắm, cứ để chúng sống lây lất. Túp lều trước đây chị trú ngụ nay dành cho cậu bé canh rẫy, mỗi năm cũng phải trả công cậu mấy triệu bạc. Nạn dịch mới đi qua, chị mất nửa chuồng dê, nay đang cố gầy dựng lại.

Những gì tôi ghi dưới đây là câu chuyện chúng tôi nói với nhau khi ngồi uống nước, lúc ở trên xe, khi đi thăm rẫy, lúc ngồi ăn ngoài chợ Lộc Ninh... Có thể có những câu hỏi với những câu trả lời, có thể là những câu chuyện kể ra nhân không khí thân thiết vui vẻ, chứ thực ra không phải là một cuộc phỏng vấn. Chúng tôi dùng về “Hỏi” để đưa ra những câu hỏi, câu nói của Nguyễn Đạt và tôi, và về “Th. Vũ” để đưa ra những câu trả lời, những lời trò chuyện của chị Thụy Vũ. Đôi khi có câu hỏi, câu nói của cháu Khôi Hạo hay chị Ngân tức chị Văn Quang.

\*\*\*

Dù sao, những câu nói ghi dưới đây hoàn toàn có thực. Những câu chị Thụy Vũ trả lời, những câu chị Thụy Vũ kể chuyện, dù nội dung có chua xót đến đâu cũng được chị nói ra với một tròng cười thoải mái, không một chút đắng cay. Chị nói chuyện mình như nói chuyện người ta.

Tôi không nhớ lắm từ đâu mà câu chuyện bắt qua thời chị Thụy Vũ ngoài hai mươi tuổi. Nhưng nhớ rõ chuyện chị kể về những lúc “đầu đời” này:

Th. Vũ: Khoảng giữa thập niên 1960 là lúc tôi khá túng quẫn. Một anh bạn, có lẽ cũng thuộc loại uy tín sao đó đối với giới bán phần buôn hương, đề nghị tôi đi học Anh văn rồi anh sẽ thu xếp để tôi dạy tiếng Mỹ cho các “Chị em ta” (mà tiếng bình dân gọi là “Điểm”). Lúc đó quân đội Mỹ vào Việt Nam đã đông, “Chị em ta” cặp kè với các chàng GI khá nhiều, nên chuyện học vài ba câu giao tiếp rất cần thiết đối với các nàng. Khổ một cái học tiếng Anh cho đủ để đi dạy đâu phải là dễ, đâu phải một sớm một chiều là có đủ vốn liếng mà dạy. Nhưng chuyện cần kiếm tiền sống lại là khẩn thiết đối với tôi, nên anh bạn tôi nghĩ ra mẹo này: Anh nói tôi cứ ghi tên học Hội Việt Mỹ đi, sau khi học được một hai tuần là bắt đầu đi dạy. Anh tập hợp đám các “Chị em ta” lại và nói:

- Này nhé, tao mời cô giáo đến dạy tiếng Mỹ cho mấy đứa bay. Cô giáo bận rộn đủ thứ chuyện, không có thì giờ nhiều đâu. Cô giáo dạy chỉ học nấy, cảm không được đưa nào hỏi để cô mất thì giờ. Rồi, mỗi tuần ba buổi, từ giờ... đến giờ... tất cả phải học hết, học phí bấy nhiêu... đóng tiền thẳng cho cô giáo. Đứa nào chạy làng là biết tao à ghen!

Thế là tôi học được cái gì ở trường, tuần sau cứ thế dậy lại. Đâu đứa nào dám hỏi nên cái dốt của mình đâu có lòi ra. Vậy mà tôi sống cũng được hai năm lận.

Hỏi: Thế Má chị có biết chuyện đó không?

Chị cười ròn tan trả lời: Bả biết chứ. Nhưng chỉ biết cái khoản tôi học hôm trước hôm sau đi dậy, chứ đâu có biết mình dậy ai. Bả đâu có biết mình là “thầy điểm”.

Hỏi: Ngoài chuyện dạy chữ chị có dạy “Nghịệp Vụ” không?

Th. Vũ: Trời ơi, cái khoản nghịệp vụ đó bọn chúng thay nhau nhồi nhét cho mình, thiếu điều bắt mình thực hành. Riết tôi phải cấm không cho nói chuyện nghề nghiệp chi hết. Chỉ có học chữ thôi. Ai muốn tâm tình chi cũng được nhưng cấm cái khoản mánh khóe, vòng trong vòng ngoài này nọ... Thực ra suốt hai năm đó cho tôi rất nhiều vốn sống. Chỉ riêng các câu chuyện đời của ngân ấy đưa đủ cho tôi viết bao nhiêu chuyện ngắn, chuyện dài, học hỏi hiểu biết bao nhiêu về tâm lý con người.

Hỏi: Suốt hai năm đó chắc nhiều chuyện vui phải không chị.

Th. Vũ: Ngày nào cũng có chuyện. Để tôi kể nghe sơ một chuyện này thôi: Con nhỏ đó có thằng bồ Mỹ đen, theo thường lệ thì sáng hôm sau thằng bồ mới về. Con nhỏ chắc ăn, kêu thằng bồ đen khác đến, lúc 2, 3 giờ chiều hai đứa sà nẹo nhau trong phòng, tôi dậy mấy đứa khác học ở phòng khách. Bỗng nghe tiếng xe thủng ngoài đầu ngõ, nhìn ra tôi thấy thằng da đen bước xuống xe giống thằng bồ con nhỏ kia, hỏi mấy đứa đều xác nhận là đúng. Tôi nhào vào tông cửa buồng, hai đứa còn trần truồng áp nhau. Tôi nói nhanh với con nhỏ: Mẹ, thằng bồ mày nó về kìa. Con nhỏ xanh xám mặt mày hỏi: Sao bi giờ cô giáo. Tôi bảo nó mày mặc quần áo vào còn thằng kia cứ nằm đó. Nói xong tôi lao lên giường nằm đắp mền với thằng Mỹ đen. Vừa lúc thằng bồ Mỹ đen mở cửa phòng bước vào.

Nó hỏi:

- Bộ cô giáo mày cũng có bồ hở.

Con nhỏ trả lời:

- Thì bà ấy cũng cần bồ chứ bộ.

Nó vặn lại:

- Thế tại sao mày ngồi đây làm chi vậy, bộ cho mượn phòng rồi mà không muốn họ làm ăn hở.

Con nhỏ đáp lại:

- Thì bà ấy nói cứ ngồi đó, kéo màn lại có sao đâu.

Mọi chuyện êm xuôi, thằng bồ thứ hai và con nhỏ cảm ơn tôi rồi rít. Cả hai đứa đều nói không nhờ có tôi nhanh trí chắc thằng kia xách súng bắn chết hết quá. Vậy mà con nhỏ còn hỏi tôi chứ lúc nằm như vậy tôi có khoái không. Thiệt hết chỗ nói.

Hỏi: Mà hỏi thiệt chị chứ lúc nằm sát vậy chị thấy sao?

Th. Vũ: Sợ thấy mồ. Thiệt đó, tôi nằm mà tim đập thành thịch, sợ lỡ thằng cha Mỹ đen nó đang cơn như vậy bị cúp cái rụp, nó ôm đại mình thì không biết chống cự ra sao. Tự nhiên mình nhào vô chứ bộ. Trời Phật thương, không có chi xảy ra. Sau này cả cái nhà điểm đó nó chọc

gheo hoài, nhưng họ càng thêm thương mến mình, bao nhiêu tâm sự cứ thế tuôn ra hết, tôi như cái thùng rác chứa đủ thứ hăm bà lằng của đời các cô gái điếm, các cô me Mỹ. Mà có điều lạ mấy đứa chơi với Mỹ vậy đó đều bám theo một anh không quân. Một dãy appartements gồm mấy đứa học trò tôi, mỗi đứa đều cõng một anh không quân, lo cung phụng đủ thứ, tôi cũng chưa biết tại sao.

Hỏi: Vậy chị là sự phụ của điếm. Sau này chị có gặp lại mấy cô đó không?

Th. Vũ: Sau 75 tôi có gặp lại một đứa, nó khóc quá trời. Nó kêu thằng Mỹ bỏ nó lại. Tôi nói bỏ lại là đúng rồi, nó còn vợ con bên đó, mà mình có phải vợ con gì của nó đâu. Khi hết dậy điếm là giai đoạn tôi vào làm việc ở xí nghiệp, rồi vào nghề viết lách... nghĩ lại cũng thấy xâm mình chớ, đàn bà lao vô mấy chỗ đó cũng dễ hư lắm, tiền nhiều quá mà... Mà đời cũng kỳ thiệt. Trước 75 lấy Mỹ là cái gì xấu xa, sau này có con lấy Mỹ thì ngon lắm, lo diện con lai đủ thứ để đi. Bởi đời nhiều điều kỳ khôi như vậy mà tôi trở thành thầy bói...

Hỏi: Từ đâu mà chị thành thầy bói vậy?

Th. Vũ: Sau 75, đâu còn ai cho viết, xí nghiệp làm sao xin vào, điếm thì còn đó nhưng đâu ai cần học tiếng Mỹ. Chưa biết tính toán sao thì có thằng em hỏi: Chị Hai, chị học nghề bói không? Sực nghĩ thời buổi lúc đó không ai biết tương lai mình ra sao, chắc nghề thầy bói coi bộ trúng đó. Tôi bèn trả lời: Thì học chớ. Thế là nó lấy bộ bài ra dạy tôi. Tôi học cũng chăm chú nhưng thiệt tình không nhớ gì lắm. Ruột gan lúc nào cũng rối bời, nhớ gì nổi. Vậy mà “chó ngáp phải ruồi”, cái đám ở khu làng báo chí (Thủ Đức) đó, toàn bọn thanh niên nam nữ thuộc loại lý luận nghiệp vụ, chúng tin tôi lắm. Đứa nào cũng thắc mắc chuyện tình duyên, mình cứ “tâm lý” mà giải đáp, bọn chúng tin rần rần. May mắn gặp mấy đứa đầu mình đoán trúng sao đó, một đờn mười, mười đờn trăm. Mà tôi đâu có lấy tiền, đứa cho gạo, đứa cho bánh, đứa cho chuối, thế là cũng đủ ăn.

Các anh biết không, Nguyễn Đình Toàn đó, hấn đi nói với người ta: “Cái mụ Thụy Vũ đó nó là phù thủy của tao”. Đến lúc ông ta đi vượt biên, mới ghé lại nói: “Ê Thụy Vũ, bói tôi một quẻ coi”. Tôi bói rồi nói: “Nè, đi rồi về nghe! Đi hẹn tác xi đi để nó đón về”. Rồi ông ta đi lúc 7 giờ, 11 giờ lò mò về, qua nhà tôi chửi: “Ráng mà chúc dữ nghe. Chúc dữ rồi có ngày...” Vậy là ông ta nói với người ta tôi là phù thủy, “khi nào nó nói tao đi được là được, nói không là không...” Còn Lê Thị Ý nữa. Lê Thị Ý hẹn chồng tiền người ta 3 cây vàng buổi tối để sáng hôm sau đi. Trước khi chồng tiền không biết nghĩ sao kêu xe ôm nhảy xuống nhà tôi hỏi: “Ê Thụy Vũ, mày dở quẻ tao coi”. Bày quân bài ra tôi hỏi: “Mày có làm ăn với ai phải không, đàn ông đó?” Nó nói thì có làm ăn, hùn hạp, chứ nó không nói nó vượt biên, nó vẫn giàu. Tôi hỏi: “Ngày mai mày hẹn trả tiền phải không? Mày trả tiền coi chừng bị lừa đó”. Mấy hôm sau nó chạy xuống nói: “Tao đỡ mất 3 cây vàng...” Nó mới kể chuyện mấy người kia vượt biên bị lừa. Nó đãi tôi châu ăn. Đến kỳ chót nó đi được, nó cũng xuống đòi bói. Tôi dở bài ra rồi nói: “Chắc kỳ này tao với mày xa nhau quá...” Đi thoát, nó gửi cho tôi 4 bộ bài theo đường bưu điện, có ghi mấy chữ: Phen này mày bói cho gãy tay luôn. Hồi đó năm 77, 78 gì đó, bọn nó tịch thu hết đâu có phát cho tôi. Lê Thị Ý là em của Vương Đức Lệ đó.

Hỏi: Chị bói như vậy theo linh tính hay sao?

Th. Vũ: Không biết sao nữa. Làm như khi mình dở bài ra, nghe tiếng ai nói đâu đó rằng vậy vậy đó, rồi mình cứ thế nói theo. Rồi đôi khi cũng là mảnh nữa. Lúc mới đầu, ngay sau vụ 75, có lần tôi đi với Sao Biển, với đứa bạn nữa. Ba đứa không có tiền, không có chi hết. Buổi trưa đói quá, thằng Sao Biển mới nói, nè tao chỉ mày vô cái nhà đó nghe, mày coi bói. Nó nói hết cái nhà đó có những ai, vợ chồng, con cái ra sao, đủ thứ... Rồi nó vô nhà đó trước, nói với người ta là có cái bà ở núi Tà Lơn xuống, bây giờ tôi rước vô cho chị coi. Thế là bà chủ nhà mời vô, cơm



bụng nước rớt. Xong tôi dỡ bài ra, nhớ những gì Sao Biển nói tôi nói lại, trùng quá, bà ấy khóc. Ngặt tôi ở núi Tà Lơn xuống nên không lấy tiền, bả đãi tụi tôi một châu ăn quá xá là ăn. Vậy đó, năm 75, 76 đó tụi tôi đi dài dài, đói quá là kiếm ăn kiểu đó cho cả đám bạn bè. Nghĩ lại cũng kỳ kỳ nhưng mà vui.

\*\*\*

Xe đi qua khu vực chợ Lộc Ninh, Thụy Vũ nói:

- Hồi đó (Trước 1975) Ba tôi có hiệu thuốc tây ở đây nè.

Hỏi: Trước đây ba chị là dược sĩ?

Th. Vũ: Đâu có. Ba tôi có bằng gì kiểu như Trữ Dược đó. Ông mở một tiệm thuốc tây nhỏ ngay khu chợ Lộc Ninh, thực tình để ông nuôi cán bộ, trợ cấp tiền bạc cho Việt Cộng. Ông là Cộng Sản mà. Ông mê Cộng Sản lắm, nói nó lý tưởng. Đâu dè sau này... Sau 75, ông là cố vấn cho Hội Văn Nghệ gì đó. Mới “giải phóng” vô, tổ chức học tập, bọn chúng đến nói ba tôi: Anh không biết dạy con (Thụy Vũ). Con anh nói nhiều cái khó nghe quá. Ông già tôi nói: Tôi hãnh diện vì nó. Nó có lý tưởng nó, tôi có lý tưởng tôi. Ông ấy điệu lắm. Ông mất hai mươi mấy năm rồi. Hồi mới kêu bằng “Quân Quản” đó thì ông ấy là cố vấn Hội Văn Nghệ ở Sài Gòn. Lúc đó có Bảo Định Giang. Hồi xưa Bảo Định Giang đánh xe ngựa cho ông già tôi. Một hôm ông đến nhà Bảo Định Giang nói với anh gác cửa: Vào nói Bảo Định Giang có thằng đánh xe ngựa tới thăm. Thật đúng bây giờ đổi đời... Mấy anh biết cái nhà từ đường của nhà tôi ở Vĩnh Long không, trời ơi là một gia tài đó, bao nhiêu đồ cổ quý giá, vậy mà năm 75 ông hiến tặng cho nhà nước. Bây giờ người ta vẫn nói nhà đó tiền tỷ tỷ mà con gái thì chặn dê, chặn bò khổ cực. Đây nè, thằng con trai tôi nè, nó học xong đại học Anh ngữ rồi đó chứ, bây giờ về giúp mẹ chặn bò... Nhiều khi chơi với thú vật sướng hơn, nó không có phản bội mình...

Hỏi: Nhắc chuyện phản bội tôi mới nhớ có mang theo bản copy của tạp chí thơ (California) số mới nhất cho bà xem, trong có bài thơ của Tô Thùy Yên nè... Nghe nói khi ông đi tù về không nhìn mặt chú con trai này phải không?

Th. Vũ: Đúng mà cũng không đúng. Số là sau 13 năm đi tù, ông về nhà, thằng Hạo này ở bên cô nó qua thăm, ông ấy tưởng con hàng xóm, ngồi một lúc ông ấy đuổi: Thôi đi về đi mày cho chú nghĩ. Nó cũng không thèm nói nó là con ai, bỏ đi về. lát sau cô nó hỏi: Ủa, thằng Hạo mới đây đâu rồi? Ông mới nói: Thằng đó là thằng Hạo hở? Lúc đó ông mới kêu lên: Trời ơi tôi đuổi con tôi rồi. Thằng bé lúc qua gặp bố có chào nhưng lí nhí trong miệng ông không nghe. Đến chiều ông đi kiếm... Lúc đó nhà ở Lê Quang Định đó. Tôi nghĩ đó cũng là cái điềm ông không nhìn đứa nào hết.

Hỏi: Trông nó giống ông ấy quá đi chớ sao ông không nhận ra kìa.

Th. Vũ: Mà điều nó không có hô phải không? Thằng này nó cũng đọc sách dữ lắm.

Hạo: Vậy mà ông ấy không nhận ra con.

Hỏi: Hồi đó chị có viết cái gì như “Hai chàng Thi Sĩ Họ Tô” phải không, Tô Kiều Ngân và Tô Thùy Yên?

Th. Vũ: Anh Ngân bây giờ đi chụp hình cho các văn nghệ sĩ, mà chụp loại hình để thờ. Anh nói: Bây giờ anh đi chụp hình thờ, em cho anh chụp một tấm để thờ. Tôi nói được rồi, nhưng phải chụp cho đủ năm ngón tay nghe. Ông năm nay bảy mươi mấy rồi mà trông còn trẻ lắm, trẻ hơn

ông Văn Quang. Hồi đó tôi vô phòng kiểm ông Tô Thùy Yên thấy ông Văn Quang mà đâu dám nói chuyện.

Hỏi: Hồi đó ông Văn Quang Trung Tá, ngậm ống vô trông oai lắm. Tôi ở phòng ông Nguyễn Đạt Thịnh, nghe nói ông Tô Thùy Yên là thi sĩ nên tôi xin chuyển qua phòng đó. Ai ngờ ông là thi sĩ mà quái gở quá phải không chị?

Th. Vũ: Hồi đó người ta nói ông ấy “Đình Thành Tiên”, tức là Điền Thành Tinh. Điền mà thành tinh thì kinh lắm, công nhận ông ấy điên điên thiệt...

Hỏi: Hồi đó tại sao chị viết?

Th. Vũ: Hồi đó tôi đi dạy học mấy cô điểm đó, khi về nhà gặp thằng An (Hồ Trường An) nó nói: Trời ơi, tôi nói thiệt với bà, tôi thấy bà nói chuyện được thì bà viết được. Tôi nói tao viết thì ai mà đọc. Nó nói riết tôi cũng hỏi ông Võ Phiến cho tôi viết thử, chuyện đầu tay là “Mèo Đêm”. Ông Võ Phiến đọc xong khen: Cô có triển vọng lắm đó. Do đó tôi mới tà tà viết cho đến đứt phim mới nghỉ. Hồi đó tôi bắt đầu viết vào năm 28 tuổi, đến năm 33 tuổi thì lãnh cái giải gì đó của ông Thiệu, đó là lúc tôi đẻ thằng Khôi Hạo này, lúc đó 1970. Truyện trúng giải là chuyện kể về gia đình tôi, chuyện “Đại Gia” còn viết dài dài được, nhưng sau đó tôi mất hứng, rồi lười quá, không viết tiếp.

Hỏi: Bây giờ vừa viết vừa chăn dê cũng được phải không chị?

Th. Vũ: Tôi thì bây giờ nửa thầy nửa thợ, đâu biết làm gì, nên mới bàn với thằng Hạo vay tiền nhà nước 10 triệu mua đại con dê về nuôi. Hồi đó tôi cũng bày đặt nuôi heo nhưng lỗ quá. Ông già tôi nói hoài: Thứ gì mà cỏ biến thành thịt thì lờ, còn cám hóa thành thịt thì 5 ăn 5 thua, nhiều khi lỗ nặng. Nên hai mẹ con tôi bắt đầu nuôi dê. Chỉ cần con dê cái đẻ một con thôi, mà là dê cái nữa, là bán được mười triệu đủ trả nhà nước rồi. Hai mẹ con gây chuồng dê cũng được mấy con rồi, ngặt kỳ mới rồi dịch chết mất nửa chuồng. Bây giờ các anh hùn mua dê chúng tôi nuôi cho rồi mình chia nhau mà sống. Thằng Hạo bây giờ biết thuốc phòng bệnh cho dê khá lắm, khỏi tốn tiền thuê chích thuốc, nó còn chích giúp người ta nữa. Mà nó làm thơ hay lắm đó. Bây giờ bà bạn của tôi nè thấy chúng tôi có ít đất, chịu khó làm ăn, coi mò đất lành nên đã xúi ông Văn Quang mua lấy một mẫu cát nhà ở, mấy tuần nữa là làm xong nhà rồi đó.

Hỏi: Ủa, bà Ngân này không phải em chị hở? Coi còn trẻ quá mà.

Th. Vũ: Ủa, nó là bạn vong niên của tôi đó, còn kém tôi 15 tuổi lận. Hồi đó làm mai cho ông Văn Quang còn sợ ông ấy mắng vốn là giới thiệu trẻ nít., nó kém ông Văn Quang 19 tuổi lận...

Bà Ngân: Trời, chị em gì. Mỗi lần bà ấy lên nhà ông Văn Quang, buổi sáng tôi pha cà phê hầu hai ông bà. Tôi bưng cà phê ra: Ly này mời Bố, ly này mời Mẹ. Hai người hành tôi dữ quá. Sau này chết tôi sẽ thờ cả hai...

Hỏi: Chắc khi đó chị giới thiệu chị Ngân cũng là để trốn “nghĩa vụ quân sự” đối với ông Văn Quang?

Th. Vũ: Nói thiệt với anh, nhiều người hỏi tôi rằng hồi lúc ông Tô Thùy Yên với bà chia tay sao bà không lấy chồng? Tôi trả lời rằng khi lấy ông Yên là coi như tôi lấy hết đàn ông trên thế giới này - đàn ông thế giới nghe chứ không phải chỉ đàn ông Việt Nam – Thế là đủ quá rồi, sợ quá rồi... Cũng như hồi ông Yên đi cải tạo, tôi ra thăm, nói lại các anh không tức cười thì thôi.

Bước vô thì công an ngồi đầu bàn, tôi với ông ấy ngồi đối mặt. Tôi hỏi: Anh ơi, anh đi cải tạo mấy năm rồi? Ông ấy trả lời hơn bảy năm rồi. Tôi nói: Ủa, sao mau dữ vậy. Thằng công an nó

tức cười quá, người ta vợ con vô khóc bù lu bù loa, còn mình nói câu lãng xẹt. Ông Yên mới nói: Em ơi, xa mặt cách lòng! Tôi nói: Đáng lý ra anh phải hỏi câu này nè: Em ơi, làm sao em nuôi nổi con? Còn xa mặt cách lòng hở, mai này anh về, trong giới giang hồ anh cứ hỏi cái con Thụy Vũ này nó có lãng nhăng bậy bạ không? Mà như vậy không phải tôi chung thủy với anh đâu nghe, mà chỉ vì tôi ngán đàn ông quá rồi. Nghe vậy ông ngồi mặt méo xẹo. Ông công an nín cười không nổi phải bước ra chỗ khác che miệng mà cười. Nghĩ cũng tội nghiệp, tới chừng lên xe mưa tầm tã, bà già ông ấy mới nghĩ đến con khóc khúc khít. Bà nắm tay tôi hỏi: Con ơi thể con hết thương thằng hai của má rồi hở. Tôi trả lời thôi để má thương thằng hai của má đi. Mà bà già ở quê lên nói tội nghiệp: Con ơi sao vợ con người ta khóc mà con cứ ngồi cười hoài vậy. Dù sao mày cũng ở với nó ba mặt con. Tôi trả lời: Ba mặt con cũng như không có đũa nào, ông có coi như có đũa con nào đâu.

Hỏi: Hôm nay nghe chị kể chuyện ông Yên hơi kỹ?

Th. Vũ: Tôi nói thằng này (cậu con trai Khôi Hạo) giống gì thì giống chứ đừng có giống cái trắng hoa. Thời tôi lấy ông ấy, mỗi tuần lễ ông ấy có một mối tình, mà thứ đó là tình dục chứ không phải tình yêu đâu. Bữa nào mà ông ấy lãng xăng cầm tập giấy, hút gió, rồi sau khi tắm xong là thế nào cũng kể tôi nghe mối tình mới, rồi ông ấy tả người yêu của ông ấy làm sao làm sao. Một bữa ông ấy có cô bé đó, còn nhỏ lắm, ông ấy rủ đi ăn hủ tíu cá ở Hàm Nghi. Nhằm lúc tôi ghé tòa soạn, nên ông ấy nói chờ lát ra đó luôn. Hai người vào kêu 3 tô hủ tíu. Cô bé hỏi sao kêu đến 3 tô lận? Ông ấy nói thì kệ nó cứ kêu 3 tô. Chừng tôi bước vô, cô ta hoảng hồn đứng dậy chạy. Tôi nắm tay nó lại và nói: Em ơi, cứ ngồi đây đi. Ông của chùa của miếu chứ không phải của chị đâu. Cứ yên chí ăn đi không có sao đâu, rồi chị đi chỗ khác cho em ăn với anh ấy. Rồi em chờ đó, mấy bữa nữa là lại gặp người khác nữa kia...

Cho nên tôi mãi mãi là người độc thân.

Hỏi: Nhưng đầu tiên làm sao mà chị với anh ấy gặp nhau?

Th. Vũ: Hồi đó tôi là độc giả của anh ấy. Tôi là cô giáo tỉnh lẻ, thích thơ của anh ấy, mới viết thơ qua lại. Tới chừng bữa bà Túy Hồng lấy ông Thanh Nam, tôi ngồi với bà Túy Hồng một bàn. Tôi với ông Yên thơ từ qua lại nhưng không biết mặt nhau. Ông Tô Kiều Ngân thì biết tôi là Nguyễn Băng Lĩnh, nên chạy tới hỏi Tô Thùy Yên: Mày biết Nguyễn Băng Lĩnh không. Ông Yên mới nói: Nó là độc giả của tao đó. Tô Kiều Ngân bèn dắt ông ta đến giới thiệu tôi: Đó, Nguyễn Băng Lĩnh đó. Trời, vậy mà ông ta nói ngay: Trời ơi, anh kiếm em mấy lần trước khi cưới vợ (bà Diệu Bích)! Tôi mới nói: Bây giờ ông có vợ rồi thì ông im đi.

Tôi với ông bạn bè củ nghệ củ gừng thôi. Vậy mà ông ấy theo tôi 3 năm liên tục, sáng, trưa, chiều, tối, ngồi đồng riết rồi mình cũng xiêu lòng.

Hỏi: Cuốn “Hôn Thụy” là do ông ấy đặt tựa?

Th. Vũ: Ông ấy đặt. Bọn nó cứ nói nghĩa là “Hôn Thụy Vũ”. Thực ra là ngủ cho chết luôn, tôi có người bà con một ngày ngủ 23 tiếng đồng hồ...

Hỏi: Mấy năm trước báo xuân Người Việt có đăng bài thơ “Ta Về” của Tô Thùy Yên, hay lắm. Đọc rất cảm khái. Thế chị nghĩ sao chuyện người ta nói “Văn là người?”

Th. Vũ: Tôi thấy không phải vậy đâu. Cũng như mấy người trong Làng Báo Chí đó, họ nói tôi đọc tiểu thuyết của chị tưởng chị ghê gớm, dữ dằn lắm, ai ngờ chị hiền queo à. Tôi nói những người nào vô văn chương mà ghê gớm đó là vì trong đời sống hằng ngày người ta hiền quá, nên mới nhảy vô văn chương mà phá.

Còn như chị V. đó, trong văn chương hiền queo à, nói toàn tình thương yêu, nhưng trong đời sống thì phá dữ. Tôi sống đời sống hiền lành quá, tình ái cũng hiền lành quá, vô đó quậy chơi...

Cũng như ông Yên đó, nhìn trong văn chương giống như người hùng nghe, té ra ông ấy nhạt như cây. Hồi đó tôi cũng mê thơ ông ấy lắm. Có một lần ông ấy làm thơ xong đưa tôi coi, hỏi được không, tôi nói cũng đỡ đỡ, ông ấy chửi quá. Tôi nói đỡ đỡ là tôi an ủi ông ấy. Chứ tôi hỏi anh ông ấy làm một bài thơ cực khổ lắm, ông ấy làm rồi xé, tôi đổ mấy thùng rác ông ấy mới làm được một bài thơ. Gọi là ông ấy “trạm” thơ mới đúng, chứ đâu phải có hứng mà viết ra. Tôi nói “đỡ đỡ” là tốt lắm rồi đó. Ông ấy bảo cả nước nó ngả mũ chào tôi về thi ca mà bà nói vậy... Nhưng tôi nói ông trạm thơ riết đọc nó chán, hết linh, bởi ngày nào tôi cũng phải đọc tới đọc lui thì còn thấy hay gì nữa.

## Đôi nét về nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ Đoàn Dự

Nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ, tên thật là Nguyễn Băng Lĩnh, sinh năm 1937 tại Vĩnh Long. “Băng” là băng giá, băng tuyết; “lĩnh” là ngọn núi cao; “băng lĩnh” là ngọn núi cao quanh năm băng giá. Nhưng văn chương của chị Thụy Vũ thì chẳng băng giá một tí nào mà nó sinh động, hấp dẫn, hết sức tự nhiên, gần như... hơi can đảm vì dám nói thẳng ra những gì mình nghĩ, không sợ phái nữ phiền lòng.

Đây, chúng ta hãy coi thử những câu chị viết trong truyện ngắn “Lià sông”:

“Em lo lắng lắm, không muốn dạy ở đây lâu hơn. Lật bật rồi đây học trò cũ có cháu nội cháu ngoại, mình phải làm bà cố bà cố thì còn gì là đời em nữa. Nước mắm càng để lâu càng ngon, con gái để lâu như hũ mắm treo đầu giường, mà lại treo bằng loại chỉ rút ở thân cây chuối be thơm thì thơm ghê gớm lắm! Nhiều khi nghĩ ngợi xa xôi, em ngập òn ào, chán đời nhưng không có can đảm cắt tóc đi tu”.

Ngay đến phái nam chị cũng chẳng tha: “Vào một buổi sáng, ông Trưởng ty chợt nhớ tới trường tụi em đã lợt sổ nhiều năm nay. Ông dùng xuống máy cùng ông Thanh tra rẽ nước lướt sóng mấy giờ đồng hồ mới tới nơi. Còn cách trường chừng một trăm mét, ông Trưởng ty muốn gặp quả tang cách làm việc và tác phong của bọn thầy giáo, cô giáo ở xa Ty, bèn đề nghị ông Thanh tra tắt máy ho-bo, dùng dầm bơi vô để không gây tiếng động. Hai ông có dáng dấp khác nhau. Ông Trưởng ty ốm như cây tre miếu, ông Thanh tra có vẻ xỏ sữa hơn. Hai ông cột ho-bo cách chừng mười thước, đổ bộ lên núp sau hè lớp giống như cặp hề, chú ốm chú mập, Laurel và Hardy trong phim chọc cười. Ông Hiệu trưởng vẫn thản nhiên nằm lim dim trên võng phơi bụng, thịt da chảy nhè nhùng. Mùi rượu đế nặc nồng tỏa một góc lớp. Hai ông nhìn nhau thì thầm điều gì không rõ. Ông Hiệu trưởng ngỡ là mấy đứa học trò lớp nào đi tiểu ngoài hè. Ông tăng háng một tiếng cho hạ đàm rồi nhấc: “Quân nào rình mò ngoài vách đó? Tao bận xà-rông chớ chưa ở trường mà!”. Hai ông bèn qua lớp khác thì thầy giáo đã đi đánh bài đầu mất, bỏ lũ học trò nhón nháo như đàn vịt. Thua buồn, hai ông xuống ho-bo ra về. May quá, hôm đó các ông tới muộn, em đã ăn sáng xong, lá tấy em chưa bị lật!”. Thật, hết chỗ nói và... hơi tức cười!

Năm 28 tuổi, chán không muốn làm cô giáo làng và không chịu nổi không khí bí bách, ngột ngạt ở nơi tỉnh nhỏ, Thụy Vũ bỏ Vĩnh Long tìm lên Sài Gòn để sống và viết. Khởi nghiệp từ năm 1965, chị viết truyện ngắn gửi đăng trên các tạp chí văn nghệ và nhanh chóng được chú ý nhờ lối viết sắc sảo, mạnh bạo, có duyên, nhất là với các đề tài riêng biệt khác hẳn các cây viết nữ cùng thời lúc đó. Chị viết về giới bán phần buôn hương, các cô gái “snack bar”, các mẹ Mỹ và các chuyện phá thai, những giấc mơ bị cưỡng hiếp, những người đàn bà bán trôn nuôi miệng nhưng luôn luôn sợ hãi một ngày nào đó mộng teo ngực nhão không còn kiếm ra tiền, đói nghèo sẽ tới, bệnh hoạn sẽ cướp đi cuộc sống. Những đề tài này không lạ đối với các tác giả phái nam nhưng lại do một cây bút phái nữ đề cập, đó là chuyện lạ. Tại Sài Gòn, chị thuê một

căn nhà mái tôn, vách ván, nằm trong một xóm lao động nghèo ở phía đối diện với chợ Đũi, quận 3, gần Tòa đại sứ Miên ở chỗ ngã tư Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng (nay là đường Cách Mạng Tháng 8 và Nguyễn Đình Chiểu, gần rạp ciné Nam Quang).

Cách Tòa Đại sứ Miên một khoảng có đình Phú Thạnh và phía sau ngôi đình ấy là “thế giới” của các cư dân nghèo, của những cảnh đời sa đọa, đầy rẫy dĩ điếm, ma cô, hút xách, rượu chè, cờ bạc, v.v... Thụy Vũ viết lách và làm thêm nghề dạy tiếng Anh cho các mẹ Mỹ, các cô gái bán ba trong khu lao động đó. Cũng chính nhờ những sự tiếp xúc này, chị biết được nhiều chuyện do họ tỉ tê kể lại, làm chất liệu cho những tác phẩm cả truyện dài lẫn truyện ngắn chị viết về sau. Chúng ta thử xem chị mô tả một đoạn lúc đến dạy Anh văn cho mẹ gái điếm đã gần tàn xuân sắc mang tên Mi-sen (Michèle). Từ thuở nhỏ Mi-sen chưa từng biết chữ, kể cả chữ Việt, nay vì nhu cầu giao dịch với ngoại kiều, bắt buộc nàng phải học. Cái tên Michèle do người khác đặt cho, nàng cũng không biết phải viết ra sao, mỗi lần lên quận làm giấy tờ, thay vì ký, Mi-sen đánh dấu chữ thập.

“... Hôm nay như thường lệ, tôi đến dạy Mi-sen vào những buổi trưa nắng gắt. Vào giờ này cánh cửa sắt trước nhà đã được chị Tư mở sẵn. Tôi cứ việc ung dung dẫn xe đạp vào và tự tay đóng cửa lại, không phải gọi chuông inh ỏi nữa. Đi ngang qua phòng khách tôi rẽ tẩm màn quẹo qua buồng ngủ Mi-sen, rồi gõ nhẹ cửa.

“Cô giáo đó hả, vô đi.”

Tôi đẩy cửa bước vào, rồi bất chợt dừng lại. Mi-sen cười ngật ngoạo:

“Vào đi cưng. Chờ chị làm massage một chút nghen.”

Tôi tìm chiếc ghế ngồi cạnh giường, Mi-sen pha trò:

“Cô giáo hôm nay bắt gặp học trò trần truồng như nhộng. Chỗ đàn bà với nhau cả phải không cô.”

Bây giờ tôi được dịp quan sát Mi-sen kỹ hơn. Nàng nằm trên một chiếc khăn lông màu hồng trải trên tấm nệm mút phủ “ra” trắng. Bà làm massage quỳ hai gối xuống nệm, hai bàn tay thoăn thoắt trên các bắp thịt hông và lưng nàng. Mồ hôi rịn ướt trên đôi tay gân guốc của bà. Mắt Mi-sen lim dim, dáng điệu nàng như con mèo sưởi nắng một cách khoan khoái. Lúc nào nhìn người đàn bà khỏa thân tôi cũng có một cảm giác lạnh lẽo và tê tái như nhìn một bức tranh tĩnh vật với màu sắc hết sức ảm đạm. Riêng đối với Mi-sen, tôi nghĩ rằng tấm thân nõn nà, với làn da mịn màng đó, có cái gì mong manh. Tuổi già đã gần kề nàng. Chẳng bao lâu nữa, những bắp thịt thon đẹp kia sẽ nở bung ra, bụng sẽ nhão nhoẹt. Nghĩ tới giai đoạn đó, tôi cảm thấy buồn hơn là ganh tị...” (trích “Đợi chuyến đi xa”, trong tập truyện ngắn “Mèo đêm”)

Từ khi rời Vĩnh Long lên Sài Gòn cho tới 30/4/1975, Thụy Vũ đã viết được 10 tác phẩm, trong đó có 7 truyện dài và 3 tập truyện ngắn.

– 7 truyện dài gồm: Ngọn Pháo Bông, Thú Hoang, Khung Rêu (đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc năm 1971), Như Thiên Đường Lạnh, Nhàng Tàn Thấp Khuya, Chiều Xuống Êm Đềm, Cho Trần Gió Kinh Thiên.

– 3 tập truyện ngắn gồm: 1. Mèo Đêm (gồm 6 truyện: “Một Buổi Chiều”, “Đợi Chuyến Đi Xa”, “Mèo Đêm”, “Nắng Chiều Vàng”, “Bóng Mát Trên Đường” và “Miền Ngoại Ô Tình Lẻ”); 2. Lao Vào Lửa (gồm 3 truyện: “Chiếc Giường”, “Lao Vào Lửa”, “Đêm Nổi Lửa” – Truyện “Chiếc Giường” và truyện “Lao Vào Lửa” lấy bối cảnh tại một snack bar ở Sài Gòn. Còn truyện “Đêm Nổi Lửa” lấy bối cảnh ở nhà thương khám bệnh hoa liễu mà thời đó thường gọi là Nhà Thương Bạc Hà); 3. Chiều Mênh Mông (gồm 6 truyện: “Chiều Mênh Mông”, “Tiếng Hát”, “Lìa Sông”, “Cây Độc Không Trái”, “Trôi Sông” và “Đêm Tối Bao La”).

Chúng ta thử điếm qua các tác phẩm của Nguyễn Thị Thụy Vũ đã xuất bản.

Trước hết là 7 truyện dài của chị:

1. Thú Hoang: Mô tả thế giới nữ sinh trong một trường công lập tại tỉnh nhỏ. Ba nhân vật nữ chính, cô thứ ba bị tên nam sinh trường khác cưỡng dâm. Cô thứ hai dan díu với tên nam sinh sở khanh, có thai và phải đi phá thai. Còn cô thứ nhất xưng tôi, vì chán không khí tù túng nơi tỉnh lỵ cổ hương nên bỏ nhà lên Sài Gòn với hy vọng có cuộc đời mới. Nhưng trên chuyến xe đò, cô gặp một tên nam sinh sở khanh và cảm thấy mềm lòng trước sự ve vãn của hắn. Tới đây tác giả chấm dứt câu chuyện, không ai biết sự đam mê sẽ đưa cô tới đâu.

2. Ngọn Pháo Bông: Mô tả tâm trạng của một cô gái buôn hương bán phấn về chiều nhưng vẫn còn hấp dẫn đối với mấy anh lính Mỹ trẻ trung. Cô kiếm ra tiền song lại thích bọn trai trong nước và bị chúng bòn rút, kiếm tiền của cô. Cuối cùng, cô bị đâm chết trong căn apartment mà nhà chức trách không sao tìm ra thủ phạm.

3. Như Thiên Đường Lạnh: Mô tả đời sống của cặp vợ chồng định cư trên cù lao sông Cổ Chiên gần chợ Vĩnh Long. Chồng là thầy giáo tiểu học, không hẳn là người ham thú vui tửu sắc nhưng chán cảnh sống vô vị ngày nào cũng lặp đi lặp lại không hề thay đổi. Vợ là người đàn bà nóng nảy, hỗn hào, tính hay ghen tuông nhưng rất mực đảm đang và một lòng một dạ thương yêu chồng. Người chồng chán sống, chán sự ngưng đọng ở nơi nửa quê nửa tỉnh song vì tinh thần yếu đuối, không có tài năng nên cuối cùng vẫn giữ nghề gõ đầu trẻ với sự uể oải không có niềm vui đó.

4. Nhang Tàn Thấp Khuya: Đây là câu chuyện về một người vợ mực thước, gánh vác giang sơn nhà chồng mà chồng là một “đại gia” thuộc hạng giàu có. Bất ngờ, một người bạn của chồng hiện diện. Y hiền lành, ít nói, tính tình thụ động, trái hẳn sự vững chắc, mạnh mẽ của chồng. Người vợ vốn rất bao dung và hay mềm lòng đối với kẻ yếu đuối. Nàng không ngờ từ sự thông cảm của mình, dần dần làm nàng lún sâu vào tình yêu. Người bạn của chồng và nàng đều thầm hiểu rằng họ đã yêu nhau, người bạn hăm hở tiến tới, còn người vợ vì lễ giáo nên chỉ đau khổ trốn vào bốn phận vợ hiền. Song song với tình yêu chồng, người vợ có một niềm bí mật ngàn lần lộng lẫy nàng vẫn cất giấu trong kho tàng kỷ niệm của riêng mình.

5. Chiều Xuống Êm Đềm: Truyện xảy ra vào thập niên cuối của thế kỷ 19. Cặp vợ chồng già trưởng giả ở làng Đạo Thạnh tỉnh Mỹ Tho, sống cô đơn, nương tựa vào nhau. Ngày xa xưa, khi còn nhỏ tuổi, người chồng đã từng chứng kiến người cô ruột của mình hãy còn là một xử nữ, trong chuyến hải trình từ Huế vào Nam Kỳ, đi thuyền, gặp sóng to gió lớn, chủ thuyền và bọn hành khách mê tín đã nhẫn tâm liệng người cô ấy xuống biển cho Long Vương làm vợ bé để cầu biển lặng sóng êm. Khi cậu bé lớn lên, cậu cưới một thiếu nữ thuộc họ hàng thân thích của Tả quân Lê Văn Duyệt.

Nhưng sau khi Tả quân qua đời, Lê Văn Khôi, con nuôi của Tả quân, làm loạn nên bị triều đình tiêu diệt và cả họ hàng của Tả quân bị liên lụy, bị xử chém theo án tru di tam tộc. Người vợ họ Lê dùng bột tỳ sương tự vận để khỏi bị lôi ra pháp trường xử trảm. Thời gian trôi qua, ít lâu sau người chồng tục huyền với một thiếu nữ khác. Dù được người vợ sau yêu thương và tận tụy săn sóc, nhưng hai vết thương lòng—cái chết của người cô ruột trên thuyền và người vợ cũ tự vận—không thể nào tàn phai trong tâm trí người chồng khốn khổ đó.

Người vợ sau chỉ sinh được hai cô con gái. Cả hai đều xinh đẹp, hiếu hạnh và lấy chồng có địa vị cao sang trong xã hội, làm vẻ vang cho cha mẹ. Rồi các cô lần lượt theo chồng. Dưới mái nhà âm u, cổ kính chỉ còn đôi vợ chồng già. Đây là lúc lão ông sống với dĩ vãng đau thương, còn lão bà thì lúc nào cũng lo sợ cái chết sẽ cướp đi một trong hai vợ chồng, người ở lại sẽ phải chịu cảnh lẻ loi trong buổi hoàng hôn của cuộc đời...

6. Cho Trận Gió Kinh Thiên: Đây là một xã hội thu nhỏ của xóm lao động ở gần chợ Đũi và bót cảnh sát Quận 3, cùng bên với Tòa Đại sứ Miên trước năm 1975 (nay là trụ sở UBND Quận 3). Ở đây có đình Phú Thạnh. Khu phía sau đình là xóm có nhà chứa điếm, có quán nhậu, có sông

bài, có chỗ hút á phiện... Trong khung cảnh bệ rạc “tứ đồ tường” ấy, chỉ trừ hai nhân vật chính có ăn học là đôi tình nhân Đồng và Nguyệt, còn thì toàn là thứ đá cá lặn dưa, chẳng ăn trăn quẩn. Gặp thời buổi lính Mỹ đổ qua Việt Nam tham chiến, đàn bà con gái trong khu đua nhau lấy Mỹ, ngoại tình, bài bạc...

Thậm chí, một bà mẹ trong căn gác xép, ngồi niệm Phật thì cô con gái lợi dụng đêm tối, chõ khuất cột đèn, đem tình nhân về hi hục làm tình ở ngoài bao lơn khiến bà than trời như bọng: “Mèn ơi, mỗi khi mình mở miệng niệm Phật thì ở ngoài tụi nó làm ùng ùng như cù dậu”. Lại có chuyện đôi vợ chồng già, chỉ còn sống chung với nhau vì nghĩa, hết còn vì tình. Ông chồng đau ốm dây dưa làm phiền bà vợ trong khi bà rất mê bài bạc. Lúc ông hấp hối, đưa cháu đến sòng tứ sắc báo tin, bà nhứt định đánh cho tới “đứt chén” mới về nhà lo ma chay. Bà già này có đứa em gái vừa câm vừa điếc, vậy mà không hiểu sao cũng có tên đàn ông nào đó “gieo giống” khiến y thị có thai, lần lượt đẻ hai đứa con cho chị mình nuôi. Đến khi y thị lăn đùng ra chết, bà già mê bài bạc vẫn tiếp tục đánh tứ sắc trong khi xác đứa em gái còn nằm trên gác chưa tẩn liệm...

7. Khung Rêu: Truyện này được Giải thưởng Văn học toàn quốc năm 1971, lấy thời điểm là khoảng năm 1945, từ thời Pháp thuộc chuyển sang thời kỳ “cách mạng” của Việt Minh. Gia đình ông Phủ – một vị quan lại quyền cao chức trọng dưới thời Pháp thuộc đã về hưu (không nói rõ ông Phủ tên gì) – rất nhiều ruộng đất và quyền lực đối với tá điền, nay đã khánh kiệt do tình thế nhiễu nhương, không thu được lúa ruộng nhưng vẫn giữ nếp sống phong kiến đầy rẫy bê bối của một gia đình giàu có, quan lại. Ông Phủ đã lớn tuổi, cưỡng dâm cô người hầu mơn tên Ngà, khiến cô này có thai. Bà Phủ tức giận, dọn ra ở riêng và sống như người tu hành, không thèm nhìn mặt ông Phủ nữa.

Rồi Canh, gã trưởng nam ngỗ nghịch, chỉ muốn cha mình sớm chia gia tài cho mình để được ăn chơi phung phí. Rồi Thu, người thứ nam tương đối có cá tính rõ rệt, rất hưởng ứng phong trào “cách mạng”, vào chiến khu theo Việt Minh nhưng chẳng làm nên trò trống gì. Rồi Tịnh, cô cháu gái gọi ông Phủ bằng cậu, yêu Hoàng – chàng nam sinh ở trọ ăn cơm tháng có tài chơi đàn. Hai người yêu nhau tha thiết nhưng bị ông Phủ cấm đoán, họ bỏ nhà, trốn đi xây dựng tổ ấm được ít lâu, sau đó vì nghèo túng, không biết làm gì để sống nên lại phải trở về.

Ông Phủ đuổi Hoàng không cho ở nữa. Tịnh nhớ người yêu, phát điên rồi chết trong Dưỡng trí viện Biên Hòa..., câu chuyện cứ thế tiếp diễn. Cuối cùng, ông Phủ mất về bệnh đau tim. Rồi bà Phủ cũng mất, cái “khung rêu” đó mục nát, ly tán, những người còn lại sống chẳng ra sao...

Có lẽ tác phẩm nói trên dựa vào phần lớn sự thực nên trong phần “Thay Lời Tựa”, tác giả trần tình:

“Từ hồi còn nhỏ tôi đã phải chịu đựng một ám ảnh thường xuyên: sự suy sụp bệ rạc của một gia đình thịnh mãn ở miền Nam. (Cái thịnh mãn của hạng điền chủ ở miền Nam trước đây). Nguyên nhân chánh của sự suy sụp bệ rạc này thì ai cũng biết: chiến tranh. Một cuộc chiến tranh dằng dai hai mươi lăm năm, khoảng thời gian gần bằng số tuổi của tôi. Tôi sanh ra và lớn lên trong một dòng dõi đã đến hồi ly tán. Cái họ của tôi gồm hai chữ có gạch nối có thể sẽ gợi lên những cảnh sống huy hoàng, vương giả của một thành phần xã hội trong trí nhớ ao tù của những ông già bà lão, những cảnh sống mà tôi chỉ nghe kể lại như một chuyện hoang đường trong những làn gió chạp.

Bây giờ chỉ còn lại một ngôi nhà thừa tự, cột kèo chạm trổ tinh vi đã mục rệu, và chẳng bao giờ lành những vết thẹo của chiến tranh; những điền sản cò bay thẳng cánh chỉ biết đến qua một đồng bằng khoán vô dụng mà giấy đã ó vàng và giòn tan, một đám bà con xa gần chi chít, nhỏ nhen ích kỷ như sò hến và hoàn toàn vô tích sự.

Tâm lý của hạng người này khá đặc biệt. Đó là những thằng chồng trôi dạt lênh bênh trên giòng sông hung tợn, một hạng người khur khur ôm lấy cái quá vãng vàng son (nát dậu cũng còn bờ tre), dờ thầy dờ thợ dờ cu ly, bắt lực trước sự biến đổi nhãn tiền của cảnh ngộ, bầu vùi vào

nhau mà sống sót. Trong ngôi nhà thừa tự đó, mỗi người là một hòn đảo của những thói hư tật xấu... Có phải con người một khi đã mất thăng bằng trong cuộc sống vật chất thường dễ lộ ra rõ rệt hơn bao giờ hết những xấu xa tàn tệ của mình? Và một giai cấp cũng vậy.

Khi khởi công quyển truyện này, tôi đặt trước cho tôi một chủ định: ghi lại cái ám ảnh từ thời nhỏ đại đó của tôi, trong ước vọng, một lần nữa, giải tỏa nó cho xong.

Lẽ hiển nhiên, tôi không hề có ý định làm công việc của nhà xã hội học hay của nhà đạo đức học. Những công việc này vượt quá sức của tôi. Và lại, chúng cũng chẳng lợi lộc gì cho tôi.

Tôi cũng không có ý định phân tích các nguyên nhân, và nhất là phê phán một ai hay một điều gì. Cho riêng tôi, tôi chỉ muốn dựng lại cái thế giới khốn đốn đã bao trùm tôi cho đến ngày nay. Tôi chỉ muốn mô tả một hiện tượng xã hội hoàn toàn thân thuộc mà thôi.

Tiểu thuyết là tưởng tượng, ai cũng biết vậy, nhưng có tưởng tượng nào không bắt nguồn từ một phần sự thật?

Sở dĩ tôi trình bày như vậy, là để xin những người thân thích của tôi, nếu có dịp tình cờ nào đọc quyển truyện này, hãy rộng lòng tha thứ cho tôi”.

Còn sau đây là 3 tập truyện ngắn của chị Thụy Vũ:

1. Tập Mèo Đêm: Khi tập truyện này do nhà Thời Mới của nhà văn Võ Phiến xuất bản thì chỉ có 4 truyện ngắn: hai truyện “Một Buổi Chiều”, “Đợi Chuyến Đi Xa” nói về tâm trạng ray rứt, thèm thuồng tình yêu lẫn tình dục của một cô gái già; hai truyện “Mèo Đêm” và “Nắng Chiều Vàng” nói về các cô bán bar dan díu với bọn lính Mỹ. Khi được nhà xuất bản Kim Anh tái bản thì có thêm 2 truyện “Bóng Mát Trên Đường” và “Miền Ngoại Ô Tình Lẻ”. Hai truyện này nói lên niềm cô đơn của tác giả được thể hiện qua hai nhân vật nữ, văn chương êm dịu, đôi lúc thơ mộng nhưng có khi lại le lói mầm mống nổi loạn.

2. Tập Lao Vào Lửa: Viết về nếp sinh hoạt của các cô gái điếm trá hình làm chiêu đãi viên trong các snack bar. Như phần bên trên đã nói, hai truyện “Chiếc Giường” và “Lao Vào Lửa” lấy bối cảnh tại một snack bar ở Sài Gòn, còn truyện “Đêm Nổi Lửa” lấy bối cảnh ở nhà thương khám bệnh hoa liễu mà thời đó gọi là Nhà thương Bạc Hà. Nhân vật chính bị bắt đi “lục-xì” (look and see) tức đi khám bệnh xem có vi trùng giang mai hay không, và bị giam lỏng trong nhà thương đó. Muốn thoát ra khỏi nhà thương, đương sự thông đồng với mấy người đồng cảnh ngộ bị giam và người tình ở bên ngoài. Đợi tới đêm giáp Tết, cả bọn nổi lửa gây hỏa hoạn để thừa lúc hỗn loạn chạy ra ngoài. Các cô chạy thoát nhưng rách te tua do leo qua hàng rào, nhiều cô trầy sứt và chỉ còn chiếc quần xi-líp.

3. Tập Chiều Mênh Mông: Gồm truyện “Chiều Mênh Mông” (cùng tựa với tập truyện), mô tả tâm trạng của những nhân vật cô đơn. Truyện “Tiếng Hát” mô tả sự bơ ngỡ của cô thiếu nữ lạc loài theo kiểu tha phương cầu thực. Tình cờ cô bước vào cái xã hội văn nghệ sĩ thời thương và chịu ăn nằm với một chàng du ca mà không nghĩ sự dan díu đó sẽ đi tới đâu sau cuộc làm tình không mấy hào hứng. Truyện “Lìa Sông” là lời kể của một cô giáo làng mô tả về chuyện dạy dỗ và thân phận hẩm hiu của mình trong khi cô đủ cả công dung ngôn hạnh.

Cuối cùng, cô may mắn có được tấm chồng và sống hạnh phúc. Truyện “Cây Độc Không Trái” mô tả cô gái bán bar đi phá thai. Cách phá thai được tác giả trình bày chi tiết khiến người đọc rùng mình. Rồi tác giả mô tả luôn mặc cảm phạm tội của cô gái cùng cái ý tưởng lo sợ mai sau cô sẽ tuyệt tự. Truyện “Trôi Sông” và truyện “Đêm Tối Bao La” với bút pháp dữ dội, cốt truyện phan phui tàn nhẫn cái bản năng giông bão của những hạng cùng đinh trong xã hội.

Sau 1975, chị Thụy Vũ thôi không viết lách gì nữa, chỉ buôn bán lật vặt, kể cả làm lơ xe đồ để có tiền nuôi 3 đứa con nhỏ dại có với nhà thơ Tô Thùy Yên. Đời sống quá khổ cực, nhờ bà mẹ cho một khu đất rừng trồng cà phê ở Lộc Ninh, chị bán căn nhà ở Làng Báo Chí được mấy chỉ vàng, cộng với chút ít vốn liếng đã tích góp được, lên Lộc Ninh dựng căn nhà chòi, mua được hai con bò và mấy con dê, trồng trọt rau cỏ, trông nom cà phê, đời sống hết sức khốn quẫn.

Sau, có một nhà văn (tôi không nhớ rõ tên), từ bên Mỹ về, lên thăm, thấy chị khổ cực quá nên



khi trở lại Mỹ, viết bài “Thụy Vũ chẵn dê” (lấy tích Tô Vũ chẵn dê trong truyện Chiêu Quan cồng Hồ đời Tống bên Tàu), đăng lên các báo bên ấy. Các văn hữu và nhiều độc giả ở Mỹ biết tin, gom góp nhau gửi tiền về giúp đỡ. Được sự trợ giúp, chị bán dê, bán bò, mua được một miếng đất gần đường nhựa (từ phía Lộc Ninh đi xuống), xây được căn nhà cấp 4 nho nhỏ, mái lợp tôn, có giếng nước, đời sống cũng tạm ổn định.



*Từ trái qua: Bà Văn Quang, nhà văn Thụy Vũ  
(2010)*

Từ thời còn con gái, làm nghề viết văn và dạy học, chị Thụy Vũ chung sống với nhà thơ Tô Thùy Yên, sinh được 3 con, hai gái, một trai. Cháu lớn tên Khôi Hạnh. Cháu trai tên Khôi Hạo. Cháu gái nhỏ nhất tên Khôi Thụy (sinh năm 1973). Nhưng chẳng may, cháu Thụy lúc mới chưa đầy 2 tuổi, chị người làm không cẩn thận khiến cháu bị té ngựa từ trên giường xuống nền gạch, chấn thương sọ não rất nặng. Suốt bao nhiêu năm nay cháu sống đời sống thực vật, chỉ nằm một chỗ, u mơ không biết gì hết. Nhà văn Văn Quang cho biết, vào những năm tháng đầu sau biến cố tháng 4-1975, có một thời gian tác giả “Chiều xuống êm đềm” đã phải làm lơ xe đồ, chạy đường Sài Gòn-Thủ Đức. Suốt ngày chị chỉ đứng một chân... Tới khi kiệt sức, không kham nổi nữa, chị đem con cái về Lộc Ninh. Chốn ở mới của chị là một nơi “không có điện, không có nước, Thụy Vũ và các con sống như người rừng!”

Sau đây là lời kể của nhà văn Văn Quang, để bạn đọc biết rõ thêm về tình mẫu tử của chị Thụy Vũ (trong lời kể có nhân vật tên “Ngân”, đó là chị Văn Quang):

“Suốt ngày hôm đó, cái hình ảnh cháu Khôi Thụy ám ảnh tôi không rời. Buổi trưa tôi ngồi với Ngân ngay trên sàn gạch nhà ngoài. Tôi nghe phòng bên vắng vắng tiếng cười rúc rích của Thụy Vũ, tiếng chị nựng nịu, tiếng nước chảy ào ào rửa nhà và tiếng hát ru của chị vẳng lên giữa núi rừng. Tôi có cảm tưởng như chị sống rất hồn nhiên, vui vẻ bên đứa con thơ hai ba tuổi. Càng nghe chị cười, chị thủ thỉ với con, tôi càng thấy ghen ngào. Đôi mắt Ngân chớp mau, cô nói như để che lấp nỗi lòng mình:

– “Anh thấy không, đó là nét đặc biệt nhất của Thụy Vũ. Chị luôn coi đứa con chị như khi còn hai tuổi và chị cứ hình dung cháu không hề bị bệnh, chị vẫn nựng nịu cháu, cười đùa hồn nhiên với cháu. Có miếng gì ngon chị cũng để phần cho cháu, dù chị biết rõ hơn ai hết rằng nó không hề phân biệt được cái gì là thức ăn chứ đừng nói đến ngon dở. Nhưng đó là tấm lòng bao la của người mẹ...”

– “Phải nói rằng đó là một người mẹ tuyệt vời và một tấm lòng can đảm vô bờ bến...”.

Vâng, đúng như thế, chị Thụy Vũ là một người trầm lặng, ít nói nhưng hết sức can đảm. Có một điều ít ai để ý rằng, tuy chung sống với nhà thơ Tô Thùy Yên khi anh đã có người vợ chính thức là cô giáo Huỳnh Diệu Bích và các con, thời gian chung sống chỉ 5-6 năm nhưng sau 1975, anh

bị đi cải tạo 10 năm, được thả về rồi lại bị bắt lại, ở tù thêm 3 năm do có tập thơ “chống cộng” ai đó xuất bản ở bên Mỹ, từ đấy đến nay chị vẫn sống thầm lặng một cách hết sức khó khăn để lo cho các con, không “bước đi bước nữa” hoặc quen biết với ai khác. Tôi nghĩ tình yêu của chị đối với anh Tô Thùy Yên rất lớn và chị là người đàn bà chung thủy, tuy nghèo cùng cực nhưng lòng chị vững như đá núi.

Về phần Tô Thùy Yên, anh là một nhà thơ nổi tiếng trước năm 1975, tác giả bài thơ được Trần Thiện Thanh phổ nhạc Chiều Trên Phá Tam Giang.

Anh tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gò Vấp. Cha là chuyên viên phòng thí nghiệm Viện Pasteur, sau về công tác ở Bệnh viện Chợ Rẫy.

Thuở nhỏ Tô Thùy Yên học trung học tại trường Petrus Ký, đậu xong tú tài, học Đại học Văn khoa Sài Gòn ban Văn chương Pháp, đang học thì bị động viên đi sĩ quan Thủ Đức, ra thiếu úy (lúc đó chưa có cấp bậc chuẩn úy) rồi được bổ về một đơn vị tác chiến thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Anh ăn nói giỏi, đọc nhiều, tư tưởng chính trị rất cao nên anh em vận động bốc thăng anh từ Vùng IV Chiến Thuật về trung ương để làm trong ngành Tâm lý chiến (lúc đó chưa đổi tên thành Chiến tranh chính trị) và có phương tiện hoạt động văn nghệ.

Tô Thùy Yên bắt đầu có thơ đăng trên báo Đời Mới trước khi hiện diện và nổi tiếng trên tạp chí Sáng Tạo: Tô Thùy Yên, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, cùng với các họa sĩ Duy Thanh, Ngọc Dũng, là những nhân vật nòng cốt trong nhóm Sáng Tạo, một nhóm sáng tác đã từng được biết đến với phong trào khai sinh “Thơ Tự Do” trên văn đàn miền Nam vào khoảng thập niên 1960. Sau 30/4/1975, với cấp bậc cuối cùng là Thiếu tá trưởng phòng Chiến tranh chính trị QĐVNCH, anh bị đi cải tạo 10 năm, được thả về rồi lại bị đi tù 3 năm, tổng cộng là gần 13 năm.

Cuối năm 1993, anh cùng người vợ chính thức là cô giáo Huỳnh Diệu Bích và các con sang Mỹ định cư theo diện HO, hiện nay đang ở Houston, tiểu bang Texas.

Nói chung, về tình trạng của chị Thụy Vũ hiện nay, chị có 3 người con thì cháu Khôi Hạnh lấy chồng ở Long An, đời sống êm ấm, hạnh phúc nhưng vì đồng con nên cũng không giúp gì được cho mẹ. Cháu Khôi Hạo đã có gia đình, có một con trai, trước đây làm nghề nuôi cá cảnh để bán và viết văn theo cái “gien” của bố và mẹ, cũng kiếm được đồng tiền nhưng không hiểu sao tự nhiên cháu đi tu (Phật giáo), để vợ con cho mẹ lo. Còn cháu thứ ba, Khôi Thụy, thì vẫn sống đời sống thực vật, u mơ không biết gì hết như cũ. Năm nay chị Thụy Vũ đã 78 tuổi ta (chị sinh năm 1937), tất cả sự sống gia đình đều trông mong vào mấy con cá kiểng do vị “tu sĩ Phật giáo” truyền lại cho mẹ và mỗi tháng 100 đô-la do cháu Đinh Quỳnh Giao, bác sĩ bên Mỹ, con gái của anh chị Tô Thùy Yên gửi về giúp đỡ. Cháu Đinh Quỳnh Giao rất thương xót đưa em cùng cha khác mẹ tên Nguyễn Khôi Thụy đang nằm liệt giường. Mỗi tháng cứ đến khoảng 27, 28 là cháu gửi \$100 về cho em. Ở cái xứ Lộc Ninh nghèo nàn ấy, có mấy người mua cá kiểng đâu, nếu mỗi tháng không có \$100 của người chị, con gái anh Tô Thùy Yên từ bên Mỹ gửi về giúp đỡ, thì không biết cái gia đình của nhà văn nữ đã một thời nổi tiếng Nguyễn Thị Thụy Vũ – người đã từng đoạt giải Văn học toàn quốc năm 1971 – sẽ sống ra sao.